

Quyển 91

Thứ 2. NHIẾP TRẠCH SỰ XỬ KHẾ KINH **Phần 3**

Lại nữa, Ót-Đà-Nam nói:

Ly dục, chưa ly dục

Hỏi, nhân duyên, đường nhiễm

Giữ mạng, trước xử, thấy

Nên biết đều rộng thuyết.

Nếu có Bí-sô ở Dục giới đây hoặc đã ly dục, hoặc chưa ly dục, đối với năm diệu dục ý nhận biết pháp định địa ba đời, lúc đang tạp nhiễm do ba chủng triền và căn bản sở hữu tùy miên của kia, khiến trong hiện pháp chẳng kham nhiệm hưởng đến chứng cứu cánh Niết-bàn. Nên biết trong đây do đời quá khứ nương kia thủ thức, do đời vị lai thuộc kia thủ thức, do đời hiện tại đấm trước kia thủ thức. Do căn bản sở hữu tùy miên của kia rơi trong sự tương tục thường đuổi theo, nên chấp kia thủ thức. Trái tướng đây, lúc không tạp nhiễm, ở

trong hiện pháp kham năng hướng đến chứng cứu cánh Niết-bàn.

Lại nữa, ở trong thánh giáo nên biết có 4 dạng người như lý hỏi? 1. Người có tịnh tín, hoặc các trưởng giả, hoặc con trưởng giả; 2. Bí-sô đa văn đầy đủ thông tuệ; 3. Người thân cận thừa sự bậc Đại sư; 4. Bậc Đại sư.

Có 2 nhân duyên đối với đệ tử, Phật biết mà cố hỏi. Đó là quán xét biết đệ tử tuy muốn thỉnh hỏi mà do sợ hãi, hoặc ở nơi nghĩa ấy đệ tử kia không thể rõ biết, cho nên vì muốn ngăn ngừa lỗi ở hiện tại, vị lai, vì khiến chánh pháp được cử trụ mà Phật hỏi.

Lại nữa, do 2 nhân duyên nên nói: “Sáu thức thân lấy nội sáu xứ làm nhân, lấy ngoại sáu xứ làm duyên”. Tức là vì nội sáu xứ làm chỗ nương gá của chủng tử sáu thức thân kia; lại vì nội sáu xứ chỉ một loại tương tục, như chỗ đã được trước mà rất ráo chuyển. Nếu không phải cái lẽ của cảnh giới như vậy, tức kia chẳng phải làm chỗ nương gá của chủng tử, lại kia chẳng phải một loại tương tục chuyển.

Lại nữa, do 2 chủng tướng nên rõ biết chung

tất cả tạp nhiễm: 1. Tự tánh tất cả tạp nhiễm; 2. Đường đi tất cả tạp nhiễm. Nói tự tánh: là dục tham và các tạp nhiễm làm căn bản. Nói đường đi: là nội ngoại xứ năng thủ, sở thủ có sự sai biệt.

Lại nữa, nếu các Bí-sô tùy quán sát ở hai xứ, như lý tác ý làm chỗ nương, thì ở nơi hai chủng tạp nhiễm hoặc ở thời hành, hoặc ở thời trụ, tâm lẽ được giải thoát.

Sao gọi là ở hai xứ? Đó là tự chăm sóc giữ gìn thân mạng, bỗng nhiên chết yếu và tâm bất thiện chết đi vào các đường ác.

Sao gọi là như lý tác ý làm chỗ nương? Lại ở nơi chủng tạp nhiễm nào tâm lẽ được giải thoát? Đó là như lý tác ý: “Thà thân ta phải chịu vô số sự đánh đập tổn hại, chớ khiến tâm ta bất thiện mà chết, sẽ sanh vào các đường ác”. Lại “Ta phải như thật quán sát đồng hành với hỷ lạc”. Vì muốn đối trị bất thiện hiện hành, chân thành siêng năng tu tập các hành vô thường.

Nếu ở thời hành, tạp nhiễm phát khởi do ở nơi các cảnh giới chấp giữ các tướng, chấp giữ tùy hảo, tức liền khiến tâm giải thoát. Nếu ở thời trụ viễn ly, tạp nhiễm phát khởi do chủng chủng tâm

tư các ác bất thiện, tức liền khiến tâm giải thoát. Nên biết trong đây tạp nhiễm thứ nhất giống như nhân, tạp nhiễm thứ hai giống như quả.

Lại khi hai tạp nhiễm hiện tiền triển chuyển, tức phát sanh hai xứ. Đó là mạng sống mà mình chăm sóc giữ gìn, lúc bấy giờ nhanh bị chết yếu và tâm bất thiện chết sẽ đi vào các đường ác. Cho nên ở nơi hai chủng tạp nhiễm kia, trong một sát-na thấy sâu quá hoạn, phát sanh tâm hổ thẹn còn là diệu thiện, hướng năng tương tục.

Lại có xứ quay về hướng đến của nhiều chúng ma, đó là nơi yên ở của tạp nhiễm đấm trước, người trí rõ biết cần phải tránh xa. Đó là các loại dị sanh đã ly dục, hệ thuộc các xứ định sanh hỷ lạc, là nơi cư trú của nhiễm trước ái vị. Người chưa ly dục, ở nơi năm diệu dục lấy sự thọ dụng làm chỗ nương, là nơi yên ở của nhiễm trước tham ái, vui thích đấu tranh cãi vã. Đối với hữu tình có ân, có oán, là nơi cư trú của nhiễm trước ái khuể. Rộng lớn phẩm thượng, năng dẫn cảnh giới thuận lạc thuận khổ, là nơi cư trú của nhiễm trước mong cầu tìm kiếm tham ái ba đời.

Nên biết trong đây các cú sai biệt là khả hân,

khả lạc, khả ái, khả ý như trước đã biện. Không khả hân: vì ở đời vị lai không đáng vui. Không khả lạc: vì ở đời quá khứ do tùy nhớ nghĩ những điều không đáng vui. Không khả ái: vì ở nơi các cảnh giới không đáng vui. Không khả ý: vì ở nơi các thọ không đáng vui. Lại, nói khổ: vì ở nơi cảnh giới không đáng vui. Nói tổn não: vì ở nơi các thọ không đáng vui. Nói trái nghịch: vì ở đời quá khứ không đáng vui. Nói nghịch ý: vì ở đời vị lai không đáng vui.

Lại nữa, có 2 chủng tạp nhiễm: 1. Ngoại cảnh tạp nhiễm; 2. Nội thọ tạp nhiễm. Mất... làm chỗ nương, đối với các cảnh như sắc... sanh khởi các sự tham trước, gọi là ngoại cảnh tạp nhiễm. Các xúc làm chỗ nương, bên trong tham đắm lãnh thọ, gọi là nội thọ tạp nhiễm. Ở trong Bát-niết-bàn, hai tạp nhiễm đây vĩnh viễn tịch diệt, đều không thể có được, chẳng phải là nơi dạo chơi của các ma oán.

Lại nữa, do 15 tướng nên rõ biết tất cả chủng loại ái tạp nhiễm, kiến tạp nhiễm. Tức là ở các xứ, do các triền nên gọi là chứa nhóm, do tùy miên nên gọi là giữ gìn, do ngã kiến nên gọi là che đậy. Sai khác còn lại nói rộng ở trước như phần *Nhiếp dị môn*.

Lại nữa, Ớt-Đà-Nam nói chung:

*Nhân đồng phận thấy
Chỉ tác duyên thấy
Tham phẩm thượng thấy
Sau nhiều trụ thấy.*

Ớt-Đà-Nam nói riêng:

*Nhân đồng phận, tu, phước
Giải thoát, tướng, khắp xúc
Thắng giải, hộ căn môn
Tướng giáo thọ là sau.*

Các Thánh đệ tử ở nơi nhân đồng phận thức mà tùy nhập vô ngã. Do 3 chủng tướng ở trong các thức mà trụ chánh quán.

Sao gọi là nhân đồng phận thức tùy nhập vô ngã? Do hiện thấy năm hữu sắc xứ, bốn đại chủng thân hoặc tăng, hoặc giảm, hoặc thủ, hoặc xả tánh vô thường, nên ở nơi thức duyên kia tùy nhập vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã. Do nhân duyên đây tùy nhập vô ngã.

Sao gọi là đã tùy nhập tánh vô ngã, dụng 3 chủng tướng ở trong các thức mà an trụ chánh quán? Đó là các tà kiến, tất cả đều lấy ngã kiến

làm gốc, cho nên gốc đây tất phải đoạn trước. Lại dụng chánh tuệ, tức quán sở y, sở duyên của thức triển chuyển sai biệt, nên có vô lượng chủng. Lại quán thức đây lúc chuyển sai biệt như lượng sát-na, an trụ chắc thật còn không thể có được, hà huống rốt ráo.

Lại nữa, ở trong sáu xứ diệt rốt ráo tịch tĩnh không hý luận, mà phát khởi hý luận đồng hành với bốn chủng hành tướng, đó là hoặc có, hoặc không, hoặc khác, hoặc không khác, thì không nên tư duy, không nên phân biệt, không nên cất vấn; chỉ nên nương điều khác để tăng trưởng giác tuệ, quán sát sâu xa ý thú chân thật. Đó là nếu lấy sáu xứ kia có sanh có diệt, thì tướng khác nhau triển chuyển thì thiết có thể nhận biết. Do sanh diệt, nên có và không khá có thể được. Vì có tướng khác nhau, nên chờ đợi chủng loại khác, tức tánh khác khá có thể được; nếu chờ đợi chủng loại của chính nó trước sau không riêng khác, thì tánh không khác khá có thể được. Ở đây sáu xứ vĩnh viễn diệt, tướng thường tịch tĩnh, cho nên phát khởi hý luận đồng hành bốn chủng hành tướng, tư duy quán sát, thì không đúng đạo lý. Nên biết

trong đây chỗ tư duy phân biệt phát khởi nói năng, năng dẫn vô nghĩa, gọi là hý luận. Vì cơ sao? Nếu lúc siêng gia hạnh, ở nơi sự lý như vậy không thể tăng thêm chút phần pháp thiện, không thể tổn giảm pháp bất thiện, cho nên thuyết kia gọi là hý luận.

Lại nữa, ở nơi nội ngoại xứ nếu có dục tham, lúc cảnh giới hiện tiền hoặc không hiện tiền, mà các căn không thể xả bỏ đối với cảnh kia, nên gọi là phược. Nếu không dục tham, giả sử có cảnh giới đang hiện tiền, các căn đối với kia còn năng xả bỏ, hướng chi không hiện tiền, nên gọi là giải thoát.

Lại nữa, người khéo tu phạm hạnh, ở nơi các uẩn xứ, ngã và ngã sở kiến đã vĩnh viễn đoạn trừ. Nếu tiếp xúc với thọ khổ do bị tổn thân cho đến đoạt mạng, trọn cũng không có sự biến đổi sắc, biến đổi tâm. Như vậy gọi là tướng thô khéo giữ gìn căn. Do kia khéo giữ gìn các căn như vậy, lực giải thoát bốn khổ tăng thượng, có được 4 chủng hỷ: 1. Do đương lai ngoại duyên khiến sanh khổ được giải thoát; 2. Do đương lai nội duyên khiến sanh khổ được giải thoát; 3. Ở hiện pháp khi Bát-niết-bàn, do hai chủng y tạo tác các khổ được giải

thoát; 4. Thông đạt “lúc đã mạng chung rồi đồng như cây cỏ ở đời”, nên tất cả khổ không tương tục. Do 2 chủng tướng đồng như cây cỏ: 1. Thông đạt sáu xứ lia tướng hữu tình đồng như cây cỏ ở đời; 2. Thông đạt do sáu xứ làm chỗ nương khiến lửa tham sân si mới cháy mạnh mẽ đồng như cây cỏ ở đời. Các Thánh đệ tử khéo tu phạm hạnh, đương lai khổ hậu hữu chẳng sanh, thành tựu ít phần minh, lực giống như chư Như Lai. Chẳng phải hiện pháp duyên khổ chẳng sanh, giả sử sanh rồi nhanh chóng đoạn trừ. Chư Như Lai thấy đều thành tựu hai chủng minh, lực, cho nên gọi là Vô Thượng Minh Trì.

Lại nữa, Sa-môn, Bà-la-môn vượt qua hiện lượng còn không thể mê hoặc ngu phu thế gian, hướng các bậc trí. Tất cả đều là chỗ yên trú của ngu si, lấy hư vọng kế chấp làm chỗ nương, hoặc nương tiền tế, hoặc nương hiện pháp chấp trước kiên cố, kiến lập 4 chủng tà luận khổ vui.

Đó là nương tiền tế, hư vọng kế chấp cho là nhân đời trước làm, nên lập các khổ vui. Vì một hướng mình làm, hư vọng kế chấp lấy Tự tại biến hóa làm nhân, nên lập các khổ vui. Vì một hướng

người làm, hư vọng kế chấp trước do Tự tại làm, nhưng về sau do nhân đời trước làm, nên lập các khổ vui. Vì mình làm, người làm, hư vọng kế chấp không nhân sanh, nên lập các khổ vui. Vì không phải mình, không phải người, hư vọng kế chấp nhân sanh, nên lập các khổ vui.

Nếu nương hiện pháp hư vọng kế chấp hoặc chỗ sanh khởi tùy muốn của bản thân mà tự tác dụng công, thì lập mình làm. Hoặc không theo ý muốn, không tự mình hiểu biết mà bị người dẫn, thì lập là người làm. Hoặc tùy theo ý muốn, tự mình hiểu biết, lại được người dẫn dắt, thì lập là mình người làm. Không phải do dụng công của mình của người làm tiền dẫn cho sự sanh khởi, chỉ do cảnh giới hiện tại tiền nên không thể thông đạt tiếp xúc nhân vi tế, liền khởi tà chấp đó là chẳng phải mình người tạo tác nhân sanh, nên lập không nhân sanh. Trong đây chỉ có các căn, cảnh, thức hòa hợp sanh ra khổ vui khá được, đều không có tiền tế, hoặc trong hiện pháp, hoặc là mình, hoặc là người thật có được. Chỉ tức ở ba sự hòa hợp đây mà giả lập là mình, là người. Cho nên phải biết chỉ có xúc ấy đi vào khắp tất cả làm nhân khổ vui.

Lại nữa, do 4 chủng tướng chánh phát khởi tinh tấn, nhanh chóng khiến các lậu vĩnh viễn tận không sót thừa. Những gì là bốn? Phát khởi tinh tấn bình đẳng, đó là không phát siêng tinh tấn thái quá khiến thân tâm mỗi một tổn não, cũng không phát khởi tinh tấn quá trì trệ, xả bỏ thân mạng một cách vô ích. Đây là tướng ban đầu.

Lại không do đây mà sanh kiêu mạn, như khởi nghĩ: “Riêng ta năng phát siêng tinh tấn, người khác chẳng vậy”. Đây là tướng thứ hai.

Lại ở nơi quả của sự chân chánh phát siêng tinh tấn, chạm đến sở chứng sai biệt thế gian mà không ái vị, tu không phóng dật đồng hành với đây. Đây là tướng thứ ba.

Lại ở tướng tinh tấn bình đẳng như vậy năng khéo nhiếp thọ, khiến đương lai không thối thất. Đây là tướng thứ tư. Chân chánh phát siêng tinh tấn như vậy vĩnh viễn tận các lậu, thành A-la-hán.

Nếu muốn ở chỗ Đại sư, các bậc có trí đồng phạm hạnh, ký biệt chỗ chứng sai khác của mình, thì trong năm loại bổ-đặc-già-la, chỉ có bậc A-la-hán ở nơi 6 xứ thắng giải năng chân chánh ký biệt. Sáu xứ thắng giải đây lấy ba học làm chỗ nương.

Sao gọi là 6 xứ thắng giải? 1. Thắng giải xuất ly; 2. Thắng giải không nào hại; 3. Thắng giải viễn ly; 4. Thắng giải ái tận; 5. Thắng giải thủ tận; 6. Thắng giải tâm không quên mất.

Sao gọi là ba học? 1. Tăng thượng giới học; 2. Tăng thượng tâm học; 3. Tăng thượng tuệ học.

Sao gọi là năm loại bổ-đặc-già-la? 1. Loại dị sanh ở tại cư gia, chỉ nương tín mà phát sanh vui thích, xác quyết rõ ràng việc xuất ly, nên từ cảnh giới trói buộc kia mà tâm cầu xuất ly. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thứ nhất có thắng giải xuất ly.

2. Loại dị sanh đã tự mình xuất ly, chỉ nương giới, thân ngữ ý hành hạnh không nào hại đối với các hữu tình. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thứ hai có thắng giải không nào hại.

3. Loại dị sanh năng đoạn trừ yêu thích lợi dưỡng và cung kính, ở trong hiện pháp ly dục Dục giới. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thứ ba có thắng giải viễn ly.

4. Hàng hữu học đã thấy dấu vết đế. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thứ tư có cả sáu chủng thắng giải.

5. Hàng vô học đắc A-la-hán. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thứ năm có đầy đủ sáu chủng thắng giải.

Trong đây nên biết phát khởi xứ thắng giải thứ nhất và thứ hai lấy học thứ nhất làm chỗ nương. Phát khởi xứ thắng giải thứ ba lấy học thứ hai làm chỗ nương. Phát khởi ba xứ thắng giải sau cùng lấy học thứ ba làm chỗ nương. Nếu do trí đây mà năng đoạn trừ phiền não và phiền não được đoạn trừ, nên biết đây gọi là tâm không quên mất. Lại ở đương lai đoạn nhân hậu hữu, gọi là ái tận. Cảnh giới thiện pháp, các tạp nhiễm đoạn diệt, gọi là thủ tận.

Lại, bổ-đặc-già-la thứ nhất kia có chánh tín thắng giải xuất ly, vẫn chưa quyết định ở đương lai có sự xả bỏ cùng với thối lui.

Bổ-đặc-già-la thứ hai có thắng giải không nào hại và bổ-đặc-già-la thứ ba có thắng giải viễn ly nên biết cũng vậy.

Các bậc hữu học ở nơi 6 xứ thắng giải tuy đương lai không kham năng xả bỏ và thối lui, nhưng giống như đứa bé, chẳng trì niệm tuệ thấy còn yếu kém. Tuy sanh nơi thánh xứ mà chưa khéo tu, nên không thể xa lìa, vĩnh viễn đoạn trừ tham, sân, si không sót thừa. Do tuệ còn yếu và do tham... chưa vĩnh viễn đoạn trừ, nếu gặp cảnh giới thắng diệu

hiện tiền, luôn lạc mất chánh niệm. Do nhân duyên đây, cần phải siêng năng phát khởi học tâm giải thoát và tuệ giải thoát, tận trừ các phiền não. Cho nên bổ-đặc-già-la hữu học vẫn còn việc phải làm. Do còn phần đây nên gọi là yếu kém.

Bậc A-la-hán ở nơi 6 xứ thắng giải, đương lai còn không kham năng thoái lui hướng có xả bỏ. Vì khéo tu đạo, nên tham sân si thấy đều được vĩnh viễn đoạn không sót thừa. Thắng giải ái tận, thủ tận thấy đều viên mãn, vì đã đắc tận trí, vô sanh trí, vì nhiếp thọ sáu chủng hằng trụ. Chỗ có trí tuệ không phải như bậc hữu học luôn bị lạc mất chánh niệm. Vậy nên bậc A-la-hán ở nơi 6 xứ thắng giải, do nghĩa tối cực viên mãn bậc nhất nên cũng gọi là thành tựu tối cực thanh tịnh. Chẳng phải bổ-đặc-già-la ở địa vị kém hơn mà năng thành tựu việc đây. Tuy nhân duyên như vậy, cũng không tự đề cao kỳ biệt chỗ hiểu. Vì ở nơi sở hành sở duyên tam-ma-địa không bị tán loạn, gọi là bên trong tâm an trụ. Vì khéo thành tựu viên mãn tam-ma-địa, gọi là không hẹp nhỏ. Vì lìa trói buộc của tất cả phiền não, gọi là khéo giải thoát. Vì khéo tích tập trí tuệ, gọi là khéo tu. Vì kiến diệt tận nên

không có ái vị, tâm đây một hướng chỉ thiện vô tội.

Lại nữa, có 2 chủng bổ-đặc-già-la: 1. Không thể mật hộ căn môn; 2. Khéo hay mật hộ căn môn.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la không năng mật hộ căn môn? Như có người ở nơi các cảnh giới không như lý tác ý tư duy. Ở nơi sắc khả ái, bị sự trói buộc của tham dục triền. Ở nơi sắc không khả ái, bị sự trói buộc của sân khuể triền. Lại ở nơi cảnh kia không thể nhớ nghĩ tai hoạn của chúng, giả sử có nhớ nghĩ cũng không khéo tu tập. Do nhân duyên đây tâm bị che đậy vi tế bởi các triền, khiến các triền kia sanh khởi mà không sao chế phục.

Lại dị sanh chưa đắc tâm, tuệ hữu học giải thoát, thì đối với tâm, tuệ vô học giải thoát cao hơn không thể như thật biết. Do không biết, nên đối với các tâm, tuệ hữu học giải thoát cũng không năng thành tựu viên mãn. Người kia lúc bấy giờ chưa dụng lực tu tập làm chỗ nương, chưa năng vĩnh viễn hại diệt chỗ có thô trọng của phẩm phiền não. Lại không nương lực khéo léo tư trạch trước kia, cũng không thành tựu niệm làm nhân duyên, nên biết không thể mật hộ căn môn.

Do ba tướng đây mà biết bổ-đặc-già-la không năng mật hộ căn môn: 1. Do triền; 2. Do khuyết giảm đối trị nhiếp thuộc lực tư trạch; 3. Do khuyết giảm đối trị nhiếp thuộc lực tu tập. Trái với tướng đây nên biết là phẩm bạch, là bổ-đặc-già-la khéo hay mật hộ các căn môn.

Lại nữa, do 2 chủng tướng mà các Thánh đệ tử đối với giáo pháp mà Đại sư sở thuyết năng chánh ký biệt, năng khéo tuyên thuyết, đó là năng biện trạch giải thích nghĩa chân thật. Sao gọi là hai? 1. Do ý thú tuyên thuyết như vậy, năng khéo ngộ nhập ý thú như vậy mà chân chánh ký biệt; 2. Như Lai dùng vô lượng môn rộng tuyên thánh giáo, vì vô lượng phẩm bổ-đặc-già-la mà biện thuyết chủng chủng, ở nơi giáo pháp đây không trái pháp tánh năng chân chánh ký biệt.

Lại nữa, do 2 chủng tướng nên chánh rõ biết tân học Bí-sô thâm tâm vui thích đối với pháp Tỳ-nại-da mà Phật thuyết: 1. Do tướng thân không biến đổi; 2. Do tướng tâm không biến đổi. Tức là do hình sắc rất sáng tịnh, diện mạo hoan hỷ sáng tịnh, thể da thật tươi nhuận không bị suy tổn, các căn điều hòa vui vẻ tịch tĩnh, đây là thân không

biến đổi. Tùy tài vật có được liền sanh vui đủ, xa lìa tham vui tích chứa tài của vật thực để thọ dụng, đối với gia thất không lòng luyến tiếc, đây là tâm không biến đổi.

Lại có 3 chủng đối trị tham dâm, năng khiến tham dâm chưa sanh chẳng sanh, đã sanh tìm đến đoạn: 1. Tư duy tưởng “không được hành”; 2. Tư duy tưởng “rất bất tịnh”; 3. Mật hộ tất cả căn môn. Trong đây lược rộng mật hộ tất cả căn môn như *Thanh văn địa* đã thuyết. Đó là người năng mật hộ các căn môn không khiến thân xúc chạm người nữ, gọi là khéo hộ thân. Đối với các người nữ, không thấy, không nghe, không nhớ nghĩ, gọi là khéo gìn giữ căn. Giả sử thấy, giả sử nghe, giả sử tùy nhớ nghĩ, tức năng trường thời nhiếp thọ chánh niệm, dùng tuệ mãnh lợi thấy sâu lỗi lầm của chúng, gọi là khéo trụ niệm. Người kia do khéo hộ thân, khéo gìn giữ các căn, khéo trụ chánh niệm như vậy, lại năng tư duy tưởng “không được hành”, do cây phiền não chẳng thể che tâm khiến tạm rơi trong vị vui đắm. Lại năng tư duy tưởng “rất bất tịnh”, do đây phiền não chẳng năng che tâm khiến nhanh chóng thối chuyển.

Ốt-Đà-Nam nói:

*Duy duyên, tâm tư, nguyện
Tất cả chủng luật nghi
Nhập thánh giáo chẳng hộ
Khéo sẵn thẳng tư lương
Xả sở học, đấm xú
Nghĩa bất thiện, tùy chảy
Thẳng Bồ-tát thừa khác
Thi thiết luận rớt sau.*

Do trước tạo tác các nghiệp phiền não và chủng tử của chính nó tương tục là chỗ dẫn phát các thọ sanh khởi, sáu xúc xú ấy chỉ là duyên tạo tác. Như tâm phát khởi công dụng dẫn dắt các thủ thọ nghiệp, đây chỉ năng làm duyên trợ bạn cho thủ, thọ. Nên biết trong đây đạo lý cũng vậy.

Lại nữa, có các Bí-sô an trụ chốn không nhân, như pháp thọ dụng giới hạn ngoại cụ. Nếu có tâm tư quấy nhiễu năng khiến tháo động, có các cảnh tướng thẳng diệu hiện đến nơi tâm, nên biết là phẩm loại tạo tác của ma. Trong đây Bí-sô nên dùng chín tướng an trụ tâm, từ tâm tư tương ưng các cảnh giới phải nhiếp tâm khiến trụ, không để

một trong số tâm tư thuận tiện phát khởi. Nếu do nương đây, do cảnh giới đây mà có sự hưởng nếm mùi vị, thì đối với cảnh giới ấy tùy chỗ đã được, tùy chỗ đã trụ mà năng tự xa lìa. Bấy giờ vị kia đối với sự khả ái trọn chẳng nương các tâm tư dục mà phát khởi gây tạo, cũng năng xa lìa tâm tư khuể và tâm tư hại mà tịnh tu nơi tâm, ở trong hiện pháp năng đắc Niết-bàn. Đã đắc Niết-bàn trọn chẳng cùng người cạnh tranh cãi vã, bởi các sự cạnh tranh kia gây suy tổn lớn trong thánh giáo Tỳ-nại-da của Phật. Nếu phát khởi tâm tư ngu si như vậy, cũng không khác gì tâm tư như ngoại đạo.

Lại nữa, nếu do nhân khổ hậu hữu đời trước nên ở trong hiện pháp có quả pháp sáu xúc xú, do lúc sáu cảnh giới làm tổn não mà chuyển. Nếu có Bí-sô vì cầu hậu hữu mà tự phát thệ nguyện tu hành phạm hạnh, bấy giờ khiến nhân khổ hậu hữu thứ bảy lại chuyển tăng trưởng gặp bội làm tổn não, ở trong hiện pháp năng chướng Niết-bàn. Do nhân duyên đây chẳng quyết định đương lai năng đắc an ổn viên mãn. Cho nên kẻ có nguyện hậu hữu, nên biết ở trong trói buộc vi tế, tối cực vi tế. Vì có sao? Như trong 33 cung trời kia có một

nhà ngục, trong đây giam giữ trói buộc chư thiên hoặc phi thiên. Nhưng do pháp nhĩ, kia tạm được giải thoát, dùng diệu dụng cõi trời mà vui thích du hí, cho đến chưa khởi tâm trốn thoát. Nếu tâm đây khởi liền mất các diệu dụng, trở lại thấy tự thân bị sự trói buộc bằng các vật trói. Kia vừa mới khởi tâm liền bị trói buộc của vật trói vi tế. Vì lấy thời phần nên nói là vi tế, không phải vì khó nhận biết mà nói là vi tế, bởi lẽ lúc kia bị trói buộc, năng tự hiểu rõ “Ta nay có trói buộc”. Hoặc các Bí-sô tâm mong muốn hậu hữu, nếu khởi tâm đây tức liền bị trói buộc; đã bị trói buộc rồi, không thể rõ biết tự thân mình đang bị trói buộc, cho nên sự trói buộc đây tối cực vi tế. Nên biết vì thời phần và khó nhận biết đồng là vi tế, nên gọi là cực vi tế.

Lại nữa, nếu các Bí-sô tinh cần gia hạnh phòng hộ giữ gìn các căn môn, ở nơi luật nghi và phi luật nghi phải nên rõ biết, ở nơi luật nghi thế gian, hữu học, vô học, phẩm hạ, trung, thượng phải nên rõ biết.

Sao gọi là luật nghi? Như có người tâm bị các sự tạp nhiễm nơi cảnh khả ái, nhưng không nhận,

không thọ, không chấp, không thủ. Giả sử tạm phát khởi, nhưng trở lại xả bỏ. Đây gọi là luật nghi.

Sao gọi là phi luật nghi? Như lấy thứ lớp của nghề nông để làm dụ. Đó là có Bí-sô gần gũi bậc thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp, tác ý như lý, chánh tu sở duyên cảnh giới ruộng lành, khiến đây sanh khởi mầm thiện căn đã cấy. Nhưng chúng tánh đây vốn nhiều tham mãnh lợi, chưa từng thường xuyên tu tập đối trị tham dục, cũng chưa từng có tâm quý mãnh lợi. Nếu kia gặp cảnh giới thắng diệu hiện tiền, vì bản tánh tham mãnh lợi, vì chưa từng thường xuyên tu tập đối trị tham và vì tâm quý đều kém mỏng, nên phát khởi tham triền bám chấp kiên cố không xả bỏ. Tâm ở nơi tham triền không thể tự phòng hộ mà lại phóng túng, tác ý phi lý, giống như thả trâu tâm vào cảnh giới ruộng, tổn hoại mầm thiện căn đã cấy. Bởi nhân duyên đây gọi là phi luật nghi.

Lại có người năng nhanh chóng tác ý, ở nơi các cảnh giới tự thân nhiếp thúc liễm, nhưng chưa năng quán sát chỗ có quá hoạn khiến chúng không khởi trở lại. Đây gọi là luật nghi thế gian phẩm hạ.

Lại như có người năng nhanh chóng tác ý, ở nơi các cảnh giới tự thân nhiếp thúc liễm, cũng năng quán sát chỗ có quá hoạn của kia khiến chúng không khởi trở lại. Đây gọi là luật nghi thế gian phẩm trung.

Do đây làm chỗ nương, nên thu được bốn chủng tác ý nhiếp lấy chín tướng tâm trụ, nên biết như trước trong *Thanh văn địa* đã thuyết. Do đạt được như vậy gọi là các loại dị sanh lìa dục tham. Người kia lúc trước tu tập gia hạnh quán như người nông phu, nay được tăng thượng giống như Đại vương, đối với các thọ thắng diệu do chúng đắc đẳng chí trước kia phát sanh, năng chân chánh rõ biết là chỗ cư trú nương ở của đại phóng dật rồi, liền xử lý như đối với quần thân, tăng thượng lắng nghe chánh pháp, phát sanh chi Tỳ-bát-xá-na dưới sự nhiếp hộ của thắng Xa-ma-tha, khiến quán sát: “Thọ do kia sanh khởi tánh là duyên sanh, vì tánh duyên sanh nên thể là vô thường”. Người kia do quán như vậy, liền dùng tác ý đồng hành các tướng quá hoạn của ý địa mà được ly dục. Đã ly dục rồi, lại vì quán sở y đẳng chí riêng khác nên thành mười chủng sai biệt, vì thời phần riêng khác nên thành nhiều

trăm sai biệt. Trong đây sở y đẳng chí riêng khác nên thành mười chủng sai biệt, tức là có tâm có tứ, hoặc không tâm duy chỉ tứ, hoặc không tâm không tứ, hoặc hỷ đồng hành, hoặc lạc đồng hành, hoặc xả đồng hành, hoặc phần thối lui, hoặc phần trụ, hoặc phần thắng tiến, hoặc phần thuận quyết trạch. Vì thời phần riêng khác nên thành nhiều trăm sai biệt, tức là quán sát hành tướng như vậy do nương thời phần sanh, trụ, diệt nên thành đạo lý sai biệt. Nên biết đây lại có nhiều trăm sai biệt. Như vậy rõ biết thọ do kia sanh khởi chính là tánh vô thường. Có chủng chủng tánh lưu chuyển sai biệt rồi, lược do 3 tướng lại quán sát kia là tánh vô thường, tức là do sở y, do hiện hành và do nhân. Do sở y: tức là cao nhất cho đến Đệ tứ tĩnh lự, chỗ có sắc thân là chỗ nương của thọ. Do hiện hành: tức là cao nhất cho đến Diệt thọ tướng định, trong khoảng đây, tướng thọ nhiều phần hiện hành. Do nhân: tức là sở hữu nhân thọ ở đời đương lai, tức suy nghĩ mong cầu. Quán sát như vậy cho đến Hữu đẳng, sở hữu các pháp duyên sanh tánh đều là vô thường. Như vậy như lý chánh quán sát sâu các lý dục địa. Đây gọi là luật nghi thế gian phẩm thượng.

Nên biết trong đây hai luật nghi trước là do lực tư trạch nhiếp. Một luật nghi sau là do lực tu tập nhiếp. Vị kia đã thành tựu lực không phóng dật thảng diệu như vậy, vì như thật thông đạt lý thánh đế, liền năng vĩnh viễn đoạn trừ chấp ngã, ngã sở. Lấy đây làm hành dẫn đầu đoạn trừ tất cả phiền não kiến đạo sở đoạn, lại năng thành tựu luật nghi hữu học. Vị kia tức tu tập luật nghi hữu học, liền năng vĩnh viễn đoạn vọng chấp ngã mạn. Lấy đây làm hành dẫn đầu, đoạn trừ tất cả phiền não tu đạo sở đoạn, chứng đắc rốt ráo luật nghi vô học. Ngoài luật nghi trên đây, không còn luật nghi nào khác hoặc thêm hoặc hơn.

Lại, nếu các Bí-sô đã lãnh thọ thánh giáo mà không phòng hộ các căn, người kia liền một hướng tạo tác các khổ, đó là hậu pháp khổ hoặc hiện pháp khổ. Nên biết người không phòng hộ căn như vậy cũng như người bệnh hủ vào bụi cỏ lau um tùm, bị cảnh giới lá khả ái cắt phá thân, nhiếp thọ các khổ hậu hữu đương lai đồng hành vi tế mà không thể nhận biết. Như vậy gọi là do hậu pháp khổ nên nói tạo tác các khổ.

Người kia lại ở nơi đây phát khởi nhiễm trước,

rộng sanh hủy phạm. Do nhân duyên đây, tuy sống ở chốn không tịch a-lan-nhã mà hiện tại lãnh thọ sự hồi tưởng hối tiếc hiện hành, phát khởi khổ do tâm tư gây ra, như cỏ lau châm chích thương hại đến chân, chẳng thể vô úy đi đến sáng sạch thanh tịnh. Giả sử mạnh mẽ nhập trong số thanh tịnh Tăng, liền nhân người có trí đồng phạm hạnh nêu chỗ phạm, người kia bên trong ôm lòng che giấu, tâm như chim độc, đối với người cử tội phát sanh giận dữ muốn làm tổn hại. Lại, các bậc có trí đồng phạm hạnh biết kia tránh né, ý vui thấp hèn thích xả hạnh Sa-môn, tức liền tránh xa không cùng cộng trú. Hoặc mọi người trong thôn xóm, hoặc chốn a-lan-nhã đều cùng chế giễu chê trách nói rằng: “Người đây hủy phạm như thế, nói lời ác như thế, làm việc ác như thế, không như pháp như thế, tạp nhiễm như thế...”. Người đã tịnh tín thấy vậy liền thay đổi thói thất, người chưa tịnh tín khiến không sanh khởi tịnh tín. Cho nên người kia ở trong hiện pháp lãnh thọ chủng chủng các thứ khổ do hồi tưởng hối tiếc, do giận dữ, do bị xa lánh, do bị chê trách chế giễu gây ra. Người kia ở hậu pháp cũng lãnh thọ các khổ như trước đã nói. Tất cả hợp

chung làm một gọi là thọ các khổ.

Trong đây, sao gọi là phi luật nghi? Ở hiện pháp đã như vậy, nên ở hậu pháp có đầy đủ các quá hoạn. Đó là vào thời hành xứ, đối với cảnh giới hiện tiền, phát khởi không như lý, tà tưởng vọng chấp các tướng tùy hảo. Do tà tưởng làm tiền dẫn, nên vào thời trụ xứ phát khởi tâm tư tương ưng thuận theo kia. Do đây ở nơi tất cả lỗi lầm như đã nói ở trước không thể như thật quán thấy. Dù có quán thấy lỗi lầm kia mà chưa thể lớp lớp nhiều tu tập, nên ở nơi thân sở y sở hữu thô trọng của các phẩm phiền não chưa năng trừ khiển, thân chưa khinh an, đó là sắc thân tâm. Do hành tướng đây, triền và tùy miên vẫn còn hòa hợp, năng khiến trái với hai lực đối trị là tư trạch và tu tập, gọi là phi luật nghi. Trái với tướng đây nên biết là hành tướng luật nghi.

Lại luật nghi đây do 3 nhân duyên năng khiến sự tu tập nhanh chóng được viên mãn. Những gì là ba? Trước hết, ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da tịnh tín xuất gia. Đã xuất gia rồi, liền dùng thần lực do tuệ tương ưng nghe mà thâm nhiếp các loài trùng thú, tương tự như nhiếp giữ sáu căn. Đã

nhiếp lấy rồi, lại dùng tuệ do tác ý như lý tư duy, phương tiện chân chánh quán sát sâu lỗi lầm họa hoạn của chúng. Bởi tuệ do nghe cao hơn, mà tuệ do tu lại thấp, nên ở khoảng trung gian liền bị trói buộc. Ở trung gian bị trói buộc rồi, lại muốn thủ ở nơi thần lực kia đã được tự tại chưa, bèn nắm giữ tướng tịnh diệu và lại buông thả ở nơi các cảnh giới. Vì thần lực của kia chưa được tự tại, nên mỗi mỗi rong ruổi khắp các cảnh giới khác biệt, không thể rút ráo thoát khỏi kia. Vì chưa khéo quán thấy họa hoạn của kia, cho nên các độc thú kia cũng chưa khéo điều phục. Đã biết thần lực chưa được tự tại rồi, lại nhiều tu tập tuệ tư như lý khiến đến rút ráo. Vượt qua tác ý, lại triển chuyển càng siêng tu tập tuần thân chánh niệm. Người kia khéo tu tập chánh niệm, nên mỗi mỗi không năng rong ruổi khắp cảnh giới khác biệt. Nên biết lúc bấy giờ kia đã khéo điều phục, nên thần lực của kia đã được tự tại.

Lại nữa, có các Bí-sô trước đã tu tập tư lương diệu tuệ, lại được gặp bạn lành viên mãn, lắng nghe các hành có 3 chủng quá hoạn, đó là: quá hoạn hiện pháp, quá hoạn hậu pháp và quá hoạn hiện pháp hậu pháp.

Nên biết trong đây đại chúng chống trái nhau làm chỗ nương cho tất cả bệnh tật, gọi là quá hoạn hiện pháp. Các hành thường hằng triển chuyển đui theo, năng tạo tác, năng đi đến đường ác, gọi là quá hoạn hậu pháp. Trước ở hiện pháp kết thành hỷ tham luyến làm chỗ nương, năng dẫn lão tử hiện pháp và hậu pháp, gọi là quá hoạn hiện pháp hậu pháp. Như vậy lược chung có 3 chủng khổ: 1. Tật bệnh khổ; 2. Đường ác khổ; 3. Lão tử khổ.

Đó là đã lắng nghe các quá hoạn của đường thiện và đường ác rồi, tinh tấn tu hành tùy pháp hành pháp, nhân đây năng nhập hiện quán thánh đế. Kế do chân trí vô ngã khéo thanh tịnh như vào nhà trống, hiện quán nội ngoại sáu xứ đều không. Lúc bấy giờ vị kia dùng tuệ thông đạt, năng tổn hại các phiền não triền do nương các cảnh giới vọng niệm mà phát khởi, cũng năng tổn hại phiền não tùy miên, tham ái tùy miên sót thừa. Lại tự thông đạt ở trong tương tục có các phiền não, có các tham ái, có các khổ não, có các tổn hại và vượt qua tất cả phiền não tham ái, một hương tịch tịnh, chứng Hữu dư y Niết-bàn giới. Kế sau lại chứng Vô dư y Niết-bàn giới. Vị kia trước tu tập tuệ đo lắng

nghe chánh pháp ví như thân cành nhánh lá của cây, tích tập thánh đạo, tùy pháp hành pháp làm bè nương tựa. Ở trong tu đạo chánh siêng tu tập, thứ lớp chứng tâm thiện giải thoát, an trụ Hữu dư y Bát-niết-bàn giới, tất cả tai hoạn nhiệt não thấy đều giải thoát. Đã trụ ở đây, nên biết rốt ráo vượt qua các thứ khổ, đến bờ kia.

Lại nữa, do 7 nhân duyên tuy đã xuất gia trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da lại hoàn thối thất, xả bỏ sự tu học chân chánh. Sao gọi là bảy?

1. Các dị sanh chưa thể vượt qua các dị sanh địa, ở nơi các pháp khổ não của năm thủ uẩn, không thể như thật rõ biết 5 hành chuyển. Hoặc các dị sanh đối với các diệu dục, không thể quán các lỗi lầm họa hoạn phẩm thượng của chúng.

2. Ở thời hành và ở thời trụ hằng thường phóng dật, đối với cảnh khả ái, chỗ có các hình dáng tướng mạo mà nắm giữ không như lý. Vì không buộc niệm, nên thường xuyên tâm tư phẩm ác không như lý.

3. Không được sự vô úy, tức là hoặc bị vua, hoặc bị người bức bách, vì hãi sợ nên liền chuyển theo.

4. Có sự ái thân tộc, tức là đối với quyền thuộc có lòng đái luyến. Nếu họ bị yếu mạng, vì thương xót nên bị chuyển theo.

5. Ở nơi cảnh giới hoặc thuận theo tham, hoặc thuận theo sân, hoặc thuận theo si, phát khởi mãnh lợi các phiền não triền.

6. Ở trong sự tương tục của tâm, thường tùy chuyển theo phược.

7. Do có thắng giải yếu kém, không có tất cả thắng giải rộng lớn, đó là xuất ly, viễn ly và Niết-bàn. Việc ấy thế nào? Do thắng giải yếu kém, nên ở nơi các cảnh giới tâm vui thú nhập. Do đối với tất cả cha mẹ... các việc có sự đái luyến, nên đối với xuất ly đây tâm không thú nhập. Do không thắng giải ở nơi tám Thánh đạo chi, nên đối với viễn ly đây tâm không thú nhập. Do không thắng giải đối với quả phiền não đoạn trừ, nên đối với Niết-bàn đây tâm không thú nhập.

Lược do 2 xứ thâm nhiếp tất cả lậu: 1. Kiến sở đoạn; 2. Tu sở đoạn. Trong đây tác ý phi lý và cảnh sở duyên gọi là pháp thuận lậu. Nếu các bậc hữu học năng phát khởi lậu tu sở đoạn, tuy chưa vĩnh viễn đoạn tác ý phi lý đối với cảnh giới sở duyên,

mà do diệu tuệ chánh thông đạt, nên gọi là ở trong pháp thuận lậu đây nơi tâm tịch tĩnh. Vì đây giống như có lạc mất chánh niệm tăng thượng phát sanh triền mông yếu, nên chưa được gọi là thanh lương, chưa gọi là tĩnh lặng. Nhưng chỗ khởi tất cả các lậu kiến đạo sở đoạn đều vĩnh viễn đoạn diệt, nên cũng gọi là thanh lương. Vì ở đương lai chẳng sanh pháp, nên cũng gọi là tĩnh lặng. Nhưng dị sanh kia thành tựu các thắng giải yếu kém, ở khắp tất cả pháp thuận lậu, tâm không tịch tĩnh, nên không được gọi là thanh lương, không được gọi là tĩnh lặng.

Nên biết do 7 nhân duyên như vậy mà trở lại thối xả sự tu học chân chánh. Trái với tướng đây tức là bảy nhân duyên phẩm bạch, xuất gia trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da rồi, trọn không thối thất xả bỏ sự tu học chân chánh.

Lại nữa, nếu có Bí-sô nương 4 chủng đấm trước xứ, nên biết kia hành 4 chủng tà hạnh. Những gì gọi là 4 chủng đấm trước xứ? Như có Bí-sô ở nội ngoại xứ có tham ái nên năng cảm hậu hữu, ở trong hiện pháp không vui Niết-bàn, là chủng đấm trước xứ thứ nhất.

Lại có Bí-sô trước đã xả các việc bên ngoài như cha mẹ... mà lại có sự luyến tiếc trói buộc nơi tâm, là chủng đấm trước xứ thứ hai.

Lại như có người ở trong hiện pháp mong cầu tất cả lợi dưỡng cung kính, đối với các lợi dưỡng cung kính đã được, đấm trước không xả, là chủng đấm trước xứ thứ ba.

Lại như có người là hữu học đã thấy dấu vết đế, có ngã mạn sót thừa, ít phần bị sự đuổi theo của tham ái, ở trong sự tu tập “xả bỏ” mà lại trụ phóng dật, là chủng đấm trước xứ thứ tư.

Những gì gọi là 4 chủng tà hạnh? Bồ-đặc-già-la đầu tiên vui thích hậu hữu, ở trong hiện pháp không vui Niết-bàn. Nếu các hữu học hành phóng dật, do xứ đấm trước lực tăng thượng, vui thích chung sống hỗn tạp cùng chúng tại gia và xuất gia. Như vậy gọi là tà hạnh thứ nhất.

Lại bồ-đặc-già-la trước vui thích hậu hữu, do lực vui thích hậu hữu tăng thượng, nên phát khởi tà nguyện hành phạm hạnh. Như vậy gọi là tà hạnh thứ hai.

Lại bồ-đặc-già-la trước đã xả các việc bên ngoài mà có sự luyến tiếc, kia do xứ đấm trước lực tăng

thượng, năng khiến thối thất xả bỏ sự tu học chân chánh. Như vậy gọi tà hạnh thứ ba.

Lại bổ-đặc-già-la hiện tại mong cầu lợi dưỡng cung kính, ở nơi lợi dưỡng cung kính đã có được, đấm trước không xả. Do xứ đấm trước đây lực tăng thượng nên hủy phạm giới luật, nói rộng cho đến âm như loa ốc, hành cầu hạnh. Do kẻ kia luyện tiếc lợi dưỡng cung kính nên không xả sở học, không thấy là tội, công nhiên phạm giới. Như vậy gọi là tà hạnh thứ tư.

Lại nữa, có các Bí-sô ở nơi nghĩa bất thiện, từ người được nghe chủng chủng văn tự nhất nghĩa nhất ngôn, liền ôm lòng do dự không sanh hoan hỷ, tác nghĩ: “Nay trong đây gì là thật?”.

Lại có 4 chủng quán môn năng sanh trí kiến thanh tịnh vi diệu không điên đảo. Những gì là bốn? 1. Người rất tinh cần siêng năng quán sát khổ, diệu trí như thật đối với nhân thọ sanh; 2. Diệu trí như thật đối với nhân nương giá giữ gìn và nhân sở y; 3. Diệu trí như thật đối với nhân trụ; 4. Diệu trí như thật đối với sở y, sở duyên, tự tánh, trợ bạn, thuận theo hành khổ, vui, chẳng phải khổ vui.

Lại có 2 duyên nên Như Lai đoạn trừ do dự của bồ-đặc-già-la ở nơi nghĩa bất thiện: 1. Hiểu dạy chủng chủng văn từ biểu thị nhất nghĩa, văn có sai biệt, nghĩa không sai biệt, do đây năng khiến đoạn trừ do dự; 2. Năng hiển nghĩa rộng của thánh giáo, do đây năng khiến thông đạt nghĩa.

Sao gọi là nghĩa rộng của thánh giáo? Từ tư lương địa cho đến lậu tận đều gọi là nghĩa rộng của thánh giáo. Trong đây, ở gần mé là căn thành thực trụ, theo sự giáo hóa của chư Như Lai tương ưng vô ngã, khéo lãnh thọ kiên cố, tu tập thành tựu văn-tư, thành tựu chánh kiến. Đây làm chỗ nương, đây làm kiến lập, một mình ở chốn a-lan-nhã duyên nội ngoại xứ bốn chủng thức trụ, vì muốn đoạn diệt các thức hữu thủ mà tu tuần thân niệm, là chỗ nhiếp thọ của thắng Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na. Do thân cận tu tập thế lực như vậy, phát sanh như thật duyên thức trụ thứ nhất, tiến đến hiện quán, Chỉ Quán song hành. Từ đây không gián đoạn, ở trong thánh đế năng nhập hiện quán. Lại trải qua tu tập như đạo đã thành tựu, dùng tiệm tiến mà hướng đến, năng đắc tất cả các lậu vĩnh viễn tận. Như năng “như thật duyên thức trụ

thứ nhất”, cho đến “như thật duyên thức trụ thứ tư” nên biết cũng vậy.

Lại nữa, như trước đã thuyết bồ-đặc-già-la không phòng hộ căn môn, lúc các phiền não triển hiện tiền không thể xả bỏ. Hai lực đối trị là tư trạch và tu tập thế gian, xuất thế gian còn quá yếu kém. Phiền não sanh rồi, tánh nhiều bám chấp kiên cố. Ma biết rõ kia tánh chấp kiên cố rồi, liền đến chỗ của kia dùng các cảnh giới mà mị hoặc. Như vậy, đối với bồ-đặc-già-la tánh chấp đắm các phiền não triển, ma kia được thuận tiện. Ma vì muốn mị hoặc nên an lập sở duyên khiến kẻ kia tương tục trong ấy.

Lại tức bồ-đặc-già-la không phòng hộ căn môn như vậy, đối với Bát-niết-bàn vì vui muốn thấp kém, vì gần gũi yêu thích thấp kém, ví như nhà được lợp bằng cỏ lau mục nát, ma liền ở nơi kia gom nhóm cảnh giới đước lửa khả ái khiến kia cháy rụi.

Do 2 nhân duyên kẻ kia thường bị sự khuất phục của cảnh giới: 1. Vì triền chưa sanh khiến phát sanh; 2. Vì triền đã sanh khiến tương tục. Do bị cảnh giới ái khuất phục, khi rộng tìm kiếm các

cảnh giới, hành nhiều chủng chủng hạnh ác bất thiện. Khi hành tà ác hạnh như vậy, lại bị sự khuấy phục của chủng chủng pháp ác bất thiện. Hành tà hạnh rồi, đi trong sự lạc đường, thuận dòng chảy mà trôi nổi, gọi là kẻ thuận lưu. Trái với tướng đây là chỗ có phẩm bạch, nên biết đây gọi là người không thuận lưu.

Lại nữa, do 8 chủng tướng nên biết nhiếp chung đạo chánh hạnh của hậu hữu Bồ-tát cùng với quả đạo Thanh văn thừa thù thắng là không gì vượt hơn. Những gì là tám? Đó là vì ai mãn; vì bên trong dũng mãnh; vì tánh *đế sát pháp nhẫn* hiện tiền; vì năng xuất ly; vì bên trong tự phát khởi quán hành đế; vì khéo tu chánh kiến thế gian rộng lớn hiện tiền; vì thành tựu pháp Bồ-đề phần vô lậu thu được thanh tịnh; vì khéo thanh tịnh tu giác phần cùng tiến tu vô thượng, thuần tịnh tu đạo, nương 6 chủng tu tập viên mãn nên thành tựu 6 chủng viên mãn đức tối thắng vô thượng.

Trong đây nên biết các đại Bồ-tát trụ tối hậu hữu đối với các hữu tình nơi tâm trường thời huân tu ai mãn, quán thấy các ngu phu đọa nơi dòng sông tham ái thuận dòng chìm nổi, bị bức bách bởi

5 tướng khổ. Quán thấy như vậy rồi, khởi sâu đại bi. Những gì là năm?

1. Thấy hữu tình kia rơi trong sông tham ái, không chân chánh tâm tư “nước kia chẳng đáng ưa thích, thường bức bách xúc tổn”.

2. Quán thấy nội ngoại sáu xứ của hữu tình kia có lửa ba độc ở hai bờ bức bách.

3. Thấy hữu tình kia bị chìm xuống dưới như ở cõi hạ Dục giới có nhiều ưu khổ, chủng chủng tai hoạ, các ác độc châm chích bày bố khắp nơi.

4. Thấy hữu tình kia chìm ở lưng chừng như tại cõi trung Sắc giới thiếu đi huệ nhãn thế gian, giống như bị mù.

5. Quán thấy kia nổi ở trên như tại cõi thượng Vô sắc giới, tuy huệ nhãn thế gian đã viên mãn mà vẫn còn thiếu thánh huệ nhãn, giống như hôn muội.

Như vậy đã thấy các loại hữu tình rơi trong sông tham ái, ở khắp tất cả đều không tịch tĩnh, hoặc rơi xuống nước, hoặc ở trên bờ, hoặc chìm xuống dưới, hoặc ở lưng chừng, hoặc nổi ở trên, thượng sai biệt. Do thấy khổ bức bách nên phát khởi đại bi, gọi là ai mãn.

Lại, vị kia thành tựu ai mãi đây, hoặc sanh nơi vương gia, hoặc sanh nhà quân sư, tuy chưa xuất gia mà bên trong dũng mãnh hưng thịnh: “Nay ta quyết định thông đạt dấu tích vi diệu, tu hành phạm hạnh trọn không thối chuyển”. Như vậy gọi là bên trong dũng mãnh hưng thịnh.

Lại, vị kia chưa xuất gia mà ngồi một mình tư duy, liền năng chứng nhập tĩnh lục đầu tiên. Về sau, ở nơi pháp lão bệnh tử của mình của người, chánh quán sát sâu, năng chứng định. Như vậy gọi là tự bên trong tánh *đế sát pháp nhãn* hiện tiền.

Lại, đời trước vị kia đã sẵn tu tập thiện căn, nên thấu biết phát khởi tất cả thiện hạnh. Lại do lực dũng mãnh tánh *đế sát pháp nhãn* tăng thượng, liền năng xả bỏ diệu dục rộng lớn, tịnh tín xuất gia. Tuy không được người thi thiết chánh phạm hạnh, mà năng tự nhiên thọ trì cấm giới. Do cấm giới đây làm chỗ nương, nên dần dần năng chứng cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ. Như vậy gọi là năng chánh xuất ly.

Lại, vị kia vì muốn xả bỏ đạo thế gian mà chân chánh cầu xuất ly, do ở đời trước theo chư Như Lai Chánh Đẳng Giác chân chánh lắng nghe,

đạt được xác tín rằng: “Xuất ly rốt ráo không gì vượt hơn”. Vì tích tập huân tu thân tương tục, nên đối với đạo thế gian đều không vui tin. Do nhân duyên đây, đến dưới cây Bồ-đề, tức nương thời trước quán đạo giả tưởng lão bệnh tử. Ở nơi tướng các đế quán sát thứ lớp, khởi tư duy đây: “Các loại hữu tình thế gian đọa ở chủng chủng hiểm nạn các khổ có sanh, có lão, có bệnh, có tử, nhưng không thể như thật rõ biết sanh lão bệnh tử đây mà rốt ráo xuất ly”. Như vậy thứ lớp quán lão tử, quán lão tử tập, quán lão tử diệt, quán năng hưởng đến chứng lão tử diệt hành. Vì như lý tác ý làm chỗ nương, vì đã tích tập tư lương từ lâu xa, nên dùng tuệ câu sanh liền năng giác ngộ “Tất cả các pháp an trụ pháp tánh, pháp trụ, pháp giới”. Như vậy gọi là bên trong tự phát khởi quán sát đế hành.

Lại vị kia muốn cầu lậu tận nên phương tiện phát khởi túc trụ niệm trí, nhớ nghĩ đời trước theo chư Như Lai Chánh Đẳng Giác đã từng tích tập văn-tư đối với đạo lậu tận, do đây trường thời phát khởi tích tập chánh kiến thế gian khiến hiện tại tiền. Dụng chánh kiến như điều dạy trao đây làm chỗ nương, năng khiến Bồ-tát an tọa một chỗ, cho

đến chứng đắc rốt ráo lậu tận. Như vậy gọi là khéo tu chánh kiến rộng lớn hiện tiền.

Lại, vị kia sở hữu chánh kiến như điều dạy trao mà thứ lớp thăng tiến. Trước xa lìa các dục địa dưới, cho đến cao nhất là Vô sở hữu xứ, lúc đắc hiện quán thánh đế, liền chứng vô lậu bốn niệm trụ... cho đến sau cùng là tám Thánh đạo chi, sở hữu tất cả pháp Bồ-đề phần và vị sau cùng đây nên biết cũng thấu nhiếp tất cả vị trước. Do đắc kia nên thành tựu quả Bất hoàn. Dụng pháp Bồ-đề phần vô lậu đã chứng đắc đây, nên gọi là thu được thanh lương. Vị kia thành tựu rốt ráo an lạc thế gian và an lạc xuất thế vô lậu như vậy, thu được thanh lương, gọi là lìa thiêu đốt. Do đạo thế gian cho đến đã lìa phiền não hệ buộc của Vô sở hữu xứ, cũng đã xa lìa các phiền não kiến đạo sở đoạn, gọi là lìa nhiệt não. Vì muốn vĩnh viễn đoạn không sót thừa phiền não hệ buộc của Hữu đẳng, lại siêng tu thuần đạo vô lậu, chỗ gọi là tu tập giác chi vô thượng. Đây gọi là tiến tu, tu đạo Vô thượng. Do tu đây, trong vô học địa rốt ráo viên mãn sáu chủng pháp tu: 1. Tu thánh thần thông rốt ráo viên mãn; 2. Tịnh tu năm căn rốt ráo viên mãn; 3. Chứng đắc

lìa hệ buộc của phiền não, bao gồm các tập khí không sót thừa rốt ráo viên mãn; 4. Chứng đắc bốn chủng lạc trú hiện pháp rốt ráo viên mãn; 5. Chứng đắc thế gian tinh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí rốt ráo viên mãn; 6. Chứng đắc danh thân, văn thân, cú thân, được tùy chỗ muốn, được không khó khăn tuyên thuyết chánh pháp rốt ráo viên mãn.

Nên biết trong đây tu tịnh tín căn rốt ráo viên mãn, đó là đối với Niết-bàn ý lạc thanh tịnh. Tu tinh tấn căn rốt ráo viên mãn, tức là năng dũng mãnh khéo thanh tịnh tạo tác nghĩa lợi ích đối với tất cả hữu tình. Tu tập niệm căn rốt ráo viên mãn, tức là khéo thanh tịnh ba niệm trụ, pháp vô vong thất. Tu tập định căn rốt ráo viên mãn, tức là khéo thanh tịnh ở nơi thánh trụ, thiên trụ và phạm trụ. Tu tập tuệ căn rốt ráo viên mãn, tức là khéo thanh tịnh mười trí lực. Do vị kia năng trụ sáu xứ như vậy, nhân tu tập viên mãn được làm Đại vương, chỗ gọi là Pháp vương.

Vị kia chứng đắc sáu chủng viên mãn đây, do lực thánh thân thông tăng thượng nên được tài bảo giàu sang lớn, tự tại viên mãn. Do lực các căn

thanh tịnh tăng thượng, nên được nhà cửa to lớn tự tại viên mãn. Do lực đoạn các phiền não tăng thượng, nên được an vui thọ dụng các tọa cụ, ngọa cụ tự tại viên mãn. Do lực hiện pháp lạc trú tăng thượng, nên ở nơi nhà cửa, ngọa cụ, tọa cụ đầy đủ, chúng đắc không bị các tổn não bậc nhất, trụ an lạc lớn tự tại viên mãn. Do lực tinh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí tăng thượng, nên chúng đắc năng biện việc du hý hỷ lạc chánh lợi ích cho tất cả hữu tình tự tại viên mãn. Do lực ở nơi các danh thân, cú thân, văn thân được tùy chỗ muốn, được không khó khăn tuyên thuyết chánh pháp tăng thượng, nên được làm Pháp vương, năng đối với người phân bố bình đẳng, thành tựu tác dụng tự tại viên mãn. Như vậy gọi là tu sáu xứ viên mãn làm chỗ nương, chúng đắc sáu chủng tự tại viên mãn.

Lại nữa, lược có 4 chủng luận tầm cầu ngã. Do luận đây nên người có thân kiến chưa vĩnh viễn đoạn trừ, thì tâm tư cầu ngã lớp lớp hiện hành.

Sao gọi là bốn? 1. Tầm cầu “Ngã lấy gì làm tự tánh?”; 2. Tầm cầu “Ngã là thường, hay là vô thường?”; 3. Tầm cầu “Sao gọi là ngã? Ngã là thường, hay vô thường?”; 4. Tầm cầu “Sở hữu ngã trụ tại

chốn nào?”.

Nên biết trong đây lược có 4 chủng tầm cầu đối với ngã: 1. Tầm cầu tự tánh; 2. Tầm cầu chuyển; 3. Tầm cầu nhân; 4. Tầm cầu chỗ trú.

Trong đây 3 chủng khả đắc thi thiết các hành sai biệt, lại thi thiết đây chẳng phải diên đảo. Một chủng thứ tư do tất cả chủng trọn không khả đắc thi thiết sai biệt.

Nên biết thi thiết tự tánh ngã tức là thi thiết lấy mười hai chủng xứ sanh khởi sáu thức, kể cả thọ, tưởng, tư đây làm ngã, quá đây không có ngã khác khác có thể được. Lại tức ngã đây thể là vô thường, do có sanh, lão, tử. Lại các hành đây, vì ở trong các cõi lấy chủng chủng tự thể sanh khởi sai biệt không thành thật, nên gọi là như việc huyễn; vì tưởng, tâm, kiến diên đảo tánh mê loạn, nên gọi là như bóng nắng; vì pháp khởi rồi tận, nên gọi là có tăng giảm; vì tánh sát-na, gọi là tạm thời; vì lớp lớp hoại rồi, những gì sót thừa gấp gấp tiếp nối, gọi là nhanh chóng; vì hiện tiền tương tục, đến không từ đâu, đi không chỗ đến, nên thuyết là xưa không nay có, có rồi tan diệt. Do tướng như vậy lược thuyết sanh thân triển chuyển vô thường, cùng

nhân sát-na triển chuyển vô thường. Ba chủng như vậy như lý thi thiết tự tánh của ngã. Thi thiết hoặc *chuyển*, hoặc *nhân*, hoặc *chỗ trú* của ngã thì trọn không thể được. Bởi lẽ trong các hành, là tánh các hành riêng có thật. ngã trụ trong các hành không thể có được. Do nhân duyên đây trong phạm vi thế tục đế, các hành còn không thể thi thiết, hà huống thắng nghĩa. Cho nên một hướng nơi không lập không. Như vậy do tâm như lý tác ý, vì văn tức liễu rõ, vì tư tức liễu hết thấy, vì tu tức liễu chân thật, như thứ lớp sai biệt ấy nói lời: “Phải nên hoan hỷ, phải nên tùy hỷ hết thấy, phải nên tùy hỷ khắp cả”.



Quyển 92

Thứ 2. NHIẾP TRẠCH SỰ XỬ KHẾ KINH

Phần 4

Lại nữa, Ôt-Đà-Nam nói:

*Thượng tham, dạy bảo và trụ khổ
Quán sát, dẫn phát, không nên cúng
Minh, giải thoát, tu, luận vô ngã
Định, pháp kiến, khổ là rốt sau.*

Có 3 nhân duyên ở nơi cảnh sở duyên, bổ-đặc-già-la hành tham phẩm thượng. Những gì là ba? 1. Cảnh sở duyên an khang, cường thịnh, không yếu kém; 2. Cảnh sở duyên đoan nghiêm, không xấu xí khuyết điểm; 3. Tập quen tham, không phải xả tham.

Lại do nhiếp thọ 3 chủng đối trị, khiến bổ-đặc-già-la ôm lòng tham phẩm thượng như vậy hãy còn siêng tu phạm hạnh trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, điều phục tâm khiến tịch tĩnh, hướng là bổ-đặc-già-la mỏng trần chỉ ôm lòng tham nhẹ

và trung bình. Những gì là ba? 1. Vì mật hộ căn môn làm chỗ nương, xa lìa tất cả biên thọ dụng dục lạc; 2. Vì ăn uống biết lượng, đầu đêm cuối đêm giảm ngủ nghỉ làm chỗ nương, xa lìa tất cả biên tự khổ hạnh; 3. Vì chánh niệm chánh biết thắng vượt làm chỗ nương, hành nơi trung đạo, hành hạnh xuất ly.

Nên biết trong đây người khéo trụ tâm nơi bốn niệm trụ, vào lúc hành, cảnh giới hiện tiền, nếu không nắm giữ các tướng cùng với tùy hảo, như thật rõ biết *thọ* sanh trụ diệt; nếu nắm giữ các tướng cùng với tùy hảo, như thật rõ biết *tướng* sanh trụ diệt. Vào lúc trụ, như thật rõ biết *nhân tâm tư* sanh trụ diệt. Kia do tướng chánh niệm chánh biết như vậy, nên ở tất cả thời, ở tất cả chủng cảnh giới sở duyên, năng chánh phòng hộ giữ gìn tâm đúng theo quỹ tắc. Đây gọi là chánh niệm chánh biết thắng vượt.

Lại có chánh niệm chánh biết thắng vượt khác. Đó là hành giả đã đắc Diệt tận định, hoặc hành giả đã đắc Vô tướng định, hoặc hành giả đã đắc Không tâm không tứ định, nên biết nương thánh trụ, thiên trụ. Trụ trụ chánh niệm chánh

biết thắng vượt này, lại không có trụ khác có thể vượt hơn. Hoặc từ Diệt định khởi rồi mới trụ, hoặc sắp nhập định phương tiện mà trụ, như thật rõ biết *thọ* sanh trụ diệt. Đây gọi là chánh niệm chánh biết thắng vượt. Như nương Diệt định như thật biết *thọ*, thì nương Vô tướng định như thật biết *tướng* và nương Không tâm không tứ định như thật biết sở hữu *tâm tứ* nên biết cũng vậy. Do chánh niệm chánh biết thắng vượt đây chỉ nắm giữ pháp, nên không ở nơi *thọ*, *tướng*, *tâm tứ* ấy phát khởi hư vọng phân biệt ngã, ngã sở. Nếu các ngu phu vào lúc *thọ*, *tướng*, *tâm tứ* sai biệt sanh khởi, ở nơi pháp *thọ*... không năng phát khởi “chỉ có pháp *tướng*”, mà chỉ tác nghĩ rằng “ta năng lãnh *thọ*” cho đến nói rộng. Do nhân duyên đây, những kẻ kia còn không có chánh niệm chánh biết, hà huống có được chánh niệm chánh biết thắng vượt. Trong đây, chánh niệm chánh biết được nói đến ở sau, dành cho quả hoặc Bất hoàn, hoặc A-la-hán. Còn chánh niệm chánh biết được nói đến ở trước, nếu thuận theo đó tùy đạt được tác ý không phóng dật, dành cho các vị từ dị sanh cho đến quả Nhất lai.

Lại do 2 nhân duyên Như Lai tự nói “Năm nay thân lực của Ta suy yếu mệt mỏi”, nên khuyến khích các Thanh văn thỉnh người thuyết pháp: 1. Vì khiến những người còn trẻ ý cậy vào sức trẻ chuyên hành phóng dật, tự sanh sợ hãi nhàm chán; 2. Vì khiến ở đời đương lai, các Bí-sô già suy không đủ sức lực xa lìa nghi ngại, khuyến thỉnh các Bí-sô trẻ tuyên thuyết chánh pháp. Các Bí-sô trẻ khỏe đầy đủ sức lực, xa lìa nghi ngại, không tâm sợ hãi nên vì người thuyết pháp.

Nên biết trong đây lược có 2 chủng xứ tập hội lớn tuyên thuyết chánh pháp: 1. Thuyết quyết trạch: hưng khởi đưa ra những sự cật vấn, phương tiện khảo nghiệm, thuyết chánh đạo lý, diệt trừ nghi hoặc; 2. Thuyết trực ngôn: các thánh chúng an trú yên lặng lắng nghe vị thầy thuyết pháp tuyên thuyết chánh pháp.

Lại nữa, do 4 tướng gọi là năng thuận theo dạy bảo dạy răn: 1. Vì năng phân tích các xứ sai biệt, ở trong các hành đặc trí kiến vô ngã thanh tịnh; 2. Do ở nơi các thọ cùng sở y đều diệt, lìa tăng thượng mạn, tối cực tịch tĩnh, nên được kiến thanh tịnh; 3. Do năng vượt qua các khổ vị lai, nên

được kiến thanh tịnh; 4. Do năng vượt qua các khổ hiện tại, nên được kiến thanh tịnh.

Trong đây phân tích các sự riêng biệt của nội ngoại các xứ là thức, xúc, thọ, tưởng, tư và ái để hiển thị những điều sau. Hiển thị “vô ngã”, do nương phương tiện đạo lý duyên khởi, năng dẫn chánh kiến thanh tịnh đầu tiên. Như ánh sáng nương đèn, như bóng nương cây; đèn, cây chẳng phải có, thì sáng, bóng cũng chẳng phải có. Hiển thị “nội ngoại các xứ sai biệt làm nhân các thọ”. Do các xứ kia diệt không sót thừa, nên các thọ cũng theo đó diệt, là tăng thượng mạn; đối với Niết-bàn như thật rõ biết tịch tĩnh tối thắng, năng dẫn chánh kiến thanh tịnh thứ hai. Ở trong hiện pháp, dùng lực trí huệ năng vĩnh viễn đoạn diệt tất cả phiền não. Hiển thị “không sót thừa”, tức vượt qua sở hữu các khổ đương lai, năng dẫn chánh kiến thanh tịnh thứ ba. Hiển thị “trong khắp tất cả pháp thuận khổ, thuận lạc, thuận không khổ không lạc mà không khởi tham dục, không khởi sân khúế, không khởi ngu si”. Hiển thị “kiến đạo”, tức là khéo an trụ tâm nơi các niệm trụ. Hiển thị “tu đạo, tu các giác phần”, tức là khiến các lậu vĩnh

viễn tận diệt, nên vượt qua trụ khổ tạp nhiễm hiện pháp, năng dẫn chánh kiến thanh tịnh thứ tư.

Lại nữa, có các Bí-sô không an trụ giữ gìn các căn, ở nơi các cảnh giới tâm nhiều ái nhiễm, tâm nhiều tán loạn. Do nhân duyên đây thọ hai chủng khổ: 1. Khổ do thô trọng; 2. Khổ do nghi hoặc đối với các pháp. Vì cố sao? Do phương tiện an trụ giữ gìn căn, nên siêng tu thân. Đã siêng tu thân, nên siêng tu giới chi Xa-ma-tha. Nếu không tu thân, cũng không tu giới chi Xa-ma-tha làm nhân duyên, tức thân không khinh an, tâm không khinh an, cho nên kẻ kia lãnh thọ các khổ do thô trọng gây ra. Vì thiếu khinh an, nên không thể xúc chứng thắng tam-ma-địa. Do nhân duyên đây, sanh nhiều nghi hoặc đối với *như thật biết* và *không như thật biết*, cho nên kia lãnh thọ các khổ do sanh nghi hoặc đối với các pháp gây ra. Do trụ hai chủng khổ não đây, nên gọi là không giữ gìn căn và lực tăng thượng duyên khiến chịu các thứ khổ, trụ không an ổn. Như vậy gọi là ở trong hiện pháp người không giữ gìn các căn có các quá hoạn. Trái với tướng đây nên biết tức là người giữ gìn các căn thu

được công đức.

Lại nữa, có các Bí-sô vì muốn lìa dục tham nên siêng tu phương tiện. Do tu tập đạo gia hạnh chân chánh, nên chế phục được các phiền não, khởi tư duy đây: “Ta ở nơi các dục là có dục tham mà không nhận biết, hay là không có?”, bèn dùng tướng tịnh diệu tác ý tư duy để xác định. Vì tác ý quán sát làm chỗ nương, tìm hiểu nơi chốn do tham dục kia sanh khởi, như thật rõ biết nhớ nghĩ phân biệt: “Tham dục đây là nơi yên trú thù thắng của các phiền não”. Do vị kia phiền não chưa vĩnh viễn đoạn trừ, nếu lúc tâm bị trôi nổi theo phiền não, tự rõ biết tâm hướng đến thấp hèn, tức liền chế phục. Nếu không chế phục được, dù trước đã đắc ít phần tam-ma-địa mà còn trở lại thối thất, huống là năng tiến đến phẩm công đức thù thắng. Nếu tâm bị nổi trôi mà năng chánh rõ biết, trở lại thâm nhiếp tu đối trị sẽ không thối chuyển, lại năng thú hướng tiến đến phẩm công đức thù thắng. Nếu không khéo quán sát, trở lại phát khởi tăng thượng mạn, cũng sẽ thối thất. Nếu khéo quán sát, sẽ năng chứng quyết định không bị thối chuyển. Như tu phương tiện để lìa dục tham, thì đối với các

vị phẩm thượng còn lại tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Nếu khi nhìn thấy rõ ràng, quán sát cặn kẽ mà dục tham không sanh khởi, vị kia liền đạt được sự xác quyết: “Ta đã năng thắng phục các xứ, đối với sở duyên đây lẽ bị phát sanh phiền não, mà ta đối với xứ ấy đã thắng phục khiến phiền não không sanh khởi, vượt qua học địa, giống như Đại vương năng tùy dụng tâm tự tại mà chuyển, hàng phục tất cả tụ lạc lưới ma, chúng đắc rớt ráo tận vô sanh trí, phạm hạnh viên mãn”.

Lại nữa, như trước đã thuyết ở nơi sáu căn đây có 5 tướng không tịch tịnh, nên biết nhiếp thọ 3 chủng quả khổ. Đó là trong hiện pháp nương căn, trụ nơi tạp nhiễm tăng thượng, do hiện hành các bất thiện làm nhân, hoặc người kia trở nên thấp hèn trước mắt mọi người, hoặc bị chế giễu quở trách, hoặc bị giết hại, nên hiện pháp thọ hết thấy các thứ khổ như vậy. Lại đương lai thọ chủng chủng các khổ sanh lão bệnh tử. Lại do trước lớp lớp tập quen không giữ gìn các căn, là nhân dẫn dắt đương lai lãnh thọ các tạp nhiễm đẳng lưu, cũng gọi là khổ. Trái với tướng đây tức ở nơi sáu

căn có năm tướng tịch tĩnh, nên biết nhiếp thọ ba chủng quả khổ diệt.

Lại nữa, lược có 2 chủng Phạm chí thể tục thật không phải phước điền, ôm lòng tăng thượng mạn tự cho là phước điền, tự xưng ta là chân thật phước điền. Nên biết kết thành tánh và tướng không phải chân thật phước điền, nên không đáng nhận cúng dường.

1. Ở nơi lợi dưỡng cung kính từ người thu được, hiện tiền đấm trước mạnh mẽ, các căn tham lam làm tánh, nóng nảy nhiễu loạn, giả dối biểu hiện hành tướng ly dục.

2. Nhiếp thọ gia sản, thân thuộc, chung sống hỗn tạp xấu xa dơ uế, chỉ chuyên cầu vật dụng nuôi thân. Phạm những việc đã làm không phải vì tự lợi, cũng không phải vì lợi tha; xa lìa giới luật chánh pháp chánh hạnh, xa lìa an trụ thiện hạnh đi đến các đường thiện, xa lìa an trụ diệu hạnh Niết-bàn. Nên biết kia cùng các loại ngu phu dị sanh không sai khác. Người an trụ chánh pháp trái với tướng đây, nên biết gọi là Phạm chí thắng nghĩa.

Lại nữa, ở ngoại chánh pháp đây có các Sa-

môn, Bà-la-môn... vì các đệ tử tuyên thuyết pháp, phần nhiều vì cầu thắng lợi trong việc hỏi đáp cùng là thắng lợi trong việc thoát khỏi nạn vẩn của người. Nên biết kẻ tuyên thuyết pháp như vậy chỉ thu được điều vô nghĩa vô lợi bậc nhất, không lợi ích mình không lợi ích người.

Chư Phật Như Lai vì các đệ tử tuyên thuyết chánh pháp chỉ vì chứng đắc 2 quả thù thắng lợi ích là minh và giải thoát. Nên biết bậc thuyết chánh pháp như vậy thành tựu quả rộng lớn, lợi ích rộng lớn, lợi mình lợi người, không gì không viên mãn. Vì ở nơi hành ba đời, vì an trụ nghĩa tối thắng không quên mất, vì ba chủng cảnh sở duyên sai biệt, nên gọi là tam minh. Hoặc tâm giải thoát, hoặc tuệ giải thoát, đều gọi là giải thoát. Vì đối trị hơn nữa căn bản tạp nhiễm vô minh ái, nên đắc minh và giải thoát chưa từng đắc.

Nên biết lược có 4 chủng tu đạo. Đó là vì tu căn, nên năng chân chánh tu thân. Vì tu thân dẫn phát tu thiện hạnh, nên năng chánh tu giới. Vì tu giới dẫn phát niệm trụ giác chi, tu không điên đảo, nên năng tu tâm và tuệ.

Trong đây tu căn lại có 3 chủng: 1. Người thế

gian tu; 2. Bậc hữu học tu; 3. Bậc vô học tu.

Nếu lực tư trạch làm chỗ nương, tuy nắm giữ cảnh khả ái, không khả ái, nắm giữ tướng không như lý, mà không phát khởi các phiền não triền. Giả sử chúng tạm hiện khởi, liền trở lại trừ khiển. Đây là người thế gian tu.

Nếu ở nơi thánh đế đã đắc hiện quán, do thất niệm, hoặc sanh khởi thích ý, hoặc sanh khởi không thích ý, hoặc sanh khởi đủ hai ý, mà tâm không bị triền phược, an trụ kiên cố, ở nơi tạp nhiễm nhanh chóng được giải thoát. Đây là bậc hữu học tu.

Nếu tâm an trụ kiên cố như vậy, như trước bên trong không hẹp nhỏ, khéo tu tập, khéo vượt thoát, đều không bị tất cả chướng ngại thấp cho đến thất niệm. Đối với những điều khả ý, không khả ý... phát tâm thân cận, hướng đến huân tập tất cả đức. Đây gọi là bậc vô học khéo tu căn thanh tịnh. Nên biết ba chủng tu giới, tu tâm, tu tuệ cũng vậy. Trong đây chủng thứ nhất là bậc tu căn thứ nhất dẫn. Chủng thứ hai là bậc tu căn thứ hai dẫn. Chủng thứ ba là bậc tu căn thứ ba dẫn.

Tu giới, tu tâm, tu tuệ đây tương quan với 3 loại của mỗi dạng hữu tình sai khác dẫn nên biết

cũng vậy.

Như vì cảnh giới khả ý, không khả ý sai khác có 3 loại: hoặc có cảnh giới một hướng vừa ý, hoặc có cảnh giới một hướng không vừa ý, hoặc có cảnh giới thuộc loại xen lẫn, tức là ít phần vừa ý, ít phần không vừa ý. Như chỗ thích hợp tu giới, tu tâm, tu tuệ tương ưng.

Như vì hữu tình có ân, có oán sai khác: hoặc một hướng có ân, hoặc một hướng có oán, hoặc ân oán lẫn tạp.

Như vì hữu tình tương ưng công đức, lỗi lầm sai khác: hoặc một hướng có công đức, hoặc một hướng có lỗi lầm, hoặc đều có cả hai.

Như vì hữu tình đáng yêu, đáng ghét sai khác: hoặc đối với hữu tình kia yêu lại sanh yêu, nên biết đây là một hướng đáng yêu; hoặc đối hữu tình ghét lại sanh ghét, đây là một hướng đáng ghét; hoặc đối hữu tình yêu rồi sanh ghét, hoặc đối hữu tình ghét rồi sanh yêu, đây gọi là vừa đáng yêu vừa đáng ghét.

Tuy có rất nhiều nhân duyên sai biệt như vậy, nhưng ý chính chỉ gom vào 3 loại sai biệt.

Lại tùy quán ác hạnh kia ở hiện pháp có quá

hoạn, ở đương lai có quá hoạn, cho nên xa lìa, tu tập diệu hạnh. Nếu ở nơi sáu xứ, do tất cả môn đều bị chê trách, đây gọi là ở hiện pháp có quá hoạn. Do nhân duyên đây đọa nơi đường ác, đây gọi là ở đương lai có quá hoạn. Trong đây, kẻ bị người chê trách đó là ngoại đạo. Những người thế gian thông lẫn khác, nghe đến sự xấu ác kia đều cùng chê trách, nên biết còn lại tức như đã thuyết.

Lại, trong đây nói tu niệm trụ: là niệm giác phần, vết thương mới phát khởi, ở tại dị sanh địa. Lớp lớp tu tập: ở tại hữu học địa. Tu viên mãn: ở tại vô học địa. Tu tập giác phần: chưa chứng đắc đoạn giới, nên nơi lúc đang hy cầu đoạn giới đây gọi là nương viễn ly. Chưa chứng đắc Vô dục giới, lúc đang hy cầu Vô dục giới đây gọi là nương ly dục. Chưa chứng đắc Diệt giới, lúc đang hy cầu Diệt giới đây gọi là nương nơi diệt. Tu giác phần buông xả sự hạ liệt và tu giác phần hồi hướng thắng diệu, cho nên gọi là buông xả hồi hướng.

Lại, Bí-sô giữ gìn các căn, có tâm có quý, do nhân duyên đây hổ thẹn đối với hạnh ác, tu tập diệu hạnh. Do tu tập diệu hạnh nên không biến đổi hối hận. Do không biến đổi hối hận, nên phát

sanh hoan hỷ, lấy đây làm tiền dẫn, tâm đắc chánh định. Vì tâm chánh định, nên năng kiến như thật. Vì kiến như thật, nên minh và giải thoát thấy đều viên mãn. Nên biết đây gọi là thứ lớp tu hành.

Lại nữa, có Sa-môn hoặc Bà-la-môn tự mình không thể khéo tu các căn, mà lại không như lý vì người thi thiết pháp khéo tu căn, chỉ chấp thủ kiến “buông xả chỗ có các cảnh giới” gọi là phòng hộ các căn. Nhưng tự thân mình đối với các chúng đệ tử sanh nhiễm đấm sâu, một phần khởi yêu, một phần sanh ghét, tức là đối với giáo thuận nghịch nhân duyên thường hiện hành ý thích, không thích, nên ở nơi điều nhỏ nhặt đây tự mình đã bị tạp nhiễm, không thể dùng tuệ như thật ngộ nhập. Nhưng kẻ kia tự cho là năng khéo tu các căn, nên phát khởi tăng thượng mạn. Các kẻ thuận theo kiến như vậy, tuy khiến căn lìa các cảnh giới, một mình ở chốn a-lan-nhã mà lại duyên cảnh kia phát khởi chủng chủng tâm tư tạp nhiễm, không đủ trí huệ để tự mình ngộ nhập. Đây cũng không được gọi là khéo tu các căn.

Lại cũng không vì khéo tu các căn mà siêng tu chánh hạnh, chỉ tin theo lời nói của người phát

khởi tà tin hiểu cùng với tà mạn. Chư Phật Như Lai vì các đệ tử như lý thi thiết luận đoạn trừ phiền não nên gọi là khéo tu căn, không phải chỉ một hướng là trái nghịch buông xả chỗ có các cảnh giới.

Lại chư Như Lai với 3 chủng bất cộng niệm trụ khéo trụ nơi tâm, nên không nhiễm trước các chúng đệ tử, đó là đối với các chúng đệ tử hành chánh hạnh, nhiều ý hoan duyệt hiện hành. và đối với chúng hành tà hạnh, ý không hoan duyệt. Do đây các phát sanh tham dục tạp nhiễm và sân khuể tạp nhiễm đều không chỗ có. Do nhân duyên đây, tuy cùng đệ tử.. đoạn trừ phiền não mà được gọi là khéo tu các căn không gì vượt hơn.

Lại tu căn đây nương 5 phẩm chúng có sự sai biệt, nên cũng có 5 chuyển sai biệt. Đó là Phật Thế Tôn hoặc có đệ tử một hướng chánh hạnh, cũng rất ráo chánh hạnh, gọi là chúng thứ nhất.

Hoặc có đệ tử một hướng phóng dật, cũng rất ráo phóng dật, gọi là chúng thứ hai.

Hoặc có đệ tử tu hành chánh hạnh, mà không rất ráo chánh hạnh, gọi là chúng thứ ba.

Hoặc có đệ tử hành tà hạnh, mà không rất

ráo tà hạnh, gọi là chúng thứ tư.

Hoặc có đệ tử có nhiều chủng phẩm loại, một phần hành chánh hạnh, một phần hành phóng dật, một phần hành hoặc có lúc phóng dật, hoặc có lúc không phóng dật, gọi là chúng thứ năm.

Trong đây, Như Lai đẹp lòng vừa ý, tán thán đối với các chúng đệ tử ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, vì tu các căn thành tựu viên mãn mà tu chánh hạnh. Lại có một chúng, Như Lai chẳng đẹp lòng vừa ý, đó là đối với các đệ tử hành tà hạnh, hoặc không tu hành. Cho nên Như Lai quán chúng thứ nhất sanh khởi duyệt ý; quán chúng thứ hai sanh khởi không duyệt ý; quán chúng thứ ba vừa sanh khởi duyệt ý cũng vừa không duyệt ý; quán chúng thứ tư sanh khởi không duyệt ý, sanh khởi duyệt ý; quán chúng thứ năm sanh khởi duyệt ý, sanh khởi không duyệt ý, cũng lại sanh khởi duyệt không duyệt ý.

Tuy Như Lai đối với 5 chúng đây phát khởi năm chuyển duyệt ý và không duyệt ý sai biệt như vậy, nhưng chư Như Lai trọn không bị sự nhiễm ô của hành tướng ái khuể kia, bởi chư Như Lai đã vĩnh viễn lìa trói buộc của các phiền não, kể cả tập

khí. Đã khéo tu căn, nên Như Lai lấy sự vĩ h viễn đoạn diệt tất cả phiền não kể cả tạp khí làm chỗ nương, năng khéo an trụ niệm, đối với chúng đệ tử không các tạp nhiễm, nên gọi là năm chuyển tu căn không gì vượt hơn.

Lại ở tất cả 5 chuyển như vậy, tùy chỗ thích hợp phải chánh tư duy 3 chủng đối trị: 1. Tướng vô thường; 2. Từ tâm; 3. Vô tướng định. Ba chủng như vậy tùy chỗ thích hợp mà biết tướng đây.

Lại, chư Phật Thế Tôn và đệ tử vô học việc làm đã xong, gọi là đã tu căn. Các vị kia trong đêm dài vui Niết-bàn, tuy gặp một trong số cảnh tướng các hữu tình hiện tại tiền như trước đã nói, hoặc thuần đáng yêu, hoặc thuần đáng ghét, hoặc tạp lẫn nhiều loại thông cả đáng yêu và đáng ghét. Nhưng các vị kia do đã vĩ h viễn lìa tham sân si và do đạt đến tâm giải thoát, tuệ giải thoát lực tăng thượng; cũng tức do vô tướng khiến tâm đối với hữu tình kia nhanh chóng xả bỏ và do ý lạc, nên ở nơi các cảnh giới khởi tướng nhằm chán trái lìa; lại đối với Niết-bàn thấy thắng công đức tịch tĩnh, như vậy chóng năng an trụ nơi xả. Do nhân duyên đây, trong khoảnh sát-na thất niệm cũng không

khiến tâm tạp nhiễm ô sanh khởi được. Nên biết khéo tu tập ngang đây gọi là khéo tu căn.

Nếu là các bậc hữu học, vì chưa thể nhanh chóng an trụ nơi xả, phiền não sót thừa lại được tiếp nối huân tập khiến thành tạp uế, lại vì ở trong tất cả ba cảnh chuyển tăng thêm ghét khiến phát khởi phiền não. Nếu lúc phiền não hiện hành bức bách, phải năng phương tiện trụ tướng nhằm chán xa lìa và tướng quá hoạn. Tu hành như vậy năng khiến tu căn nhanh chóng được viên mãn, cho nên thuyết kia gọi là bậc chánh hạnh. Như vậy nên biết ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da có bậc Đại sư diệu khéo, các chúng đệ tử năng tu chánh hạnh đạt được nghĩa nên đắc.

Lại nữa, luận sư vô ngã lược có 3 việc làm chân chánh. Những gì là ba? Ở nơi khổ đế, tập đế nhiếp lấy tự tướng, cộng tướng của các hành, nên chân chánh hiển rõ an lập vô ngã. Nên biết trong đây vì tánh các hành nhiều nhóm, mỗi mỗi riêng khác, là hiển rõ tự tướng; vì khai thị tánh các hành sanh diệt giống nhau, là hiển rõ cộng tướng. Đây gọi là việc làm chân chánh thứ nhất.

Lại ở nơi vô ngã chỉ có nhân hành, như thật

hiển rõ chỗ có tạp nhiễm thanh tịnh. Nên biết tức đây hiển rõ: ở nơi 3 chủng thọ duyên sanh 3 chủng phiền não tùy miên chưa thể vĩnh viễn đoạn trừ. Đó là ở nơi kiến đạo, ngã kiến tùy miên chưa thể khiến trừ; ở nơi tu đạo, ngã mạn tùy miên cũng chưa thể vĩnh viễn khiến trừ; ở nơi phẩm kiến mạn năng phát khởi vô minh cũng chưa vĩnh viễn đoạn trừ, chưa năng sanh khởi minh đối trị kia, cho nên chẳng năng đạt đến gần mé khổ. Như vậy gọi là hiển thị tạp nhiễm. Trái với tương đây nên biết tức là hiển thị thanh tịnh. Đây gọi là việc làm chân chánh thứ hai.

Lại ở nơi các hành, đoạn trừ tăng ích ngã, thân kiến, năng chân chánh nắm giữ chánh kiến vô ngã, như thật hiển rõ tương ưng thanh tịnh. Kiến vô ngã đây ở tại vị dị sanh năng chánh nhiếp thọ thánh đế hiện quán, lại năng chứng đắc các thánh huệ nhãn. Ở vị hữu học năng đắc địa vị cao hơn là tận trí và vô sanh trí. Ở vị vô học năng khiến tất cả sở hữu phiền não kiến tu sở đoạn của học và vô học vĩnh viễn đoạn trừ không sót thừa. Cho nên phải biết kiến vô ngã đây năng khiến thanh tịnh, nên phải hiển rõ. Đây gọi là việc làm

chân chánh thứ ba.

Lại nữa, người trụ chánh pháp thành tựu chánh kiến đa văn thế gian mà được định, nên biết lược có 5 chủng quả chánh gia hạnh thù thắng được khen ngợi là có lợi ích, so với người trụ chánh pháp thành tựu chánh kiến đa văn thế gian mà không định. Những gì là năm?

1. Người trụ chánh pháp do tâm chưa được định, nên chi Xa-ma-tha giới chưa thanh tịnh, cũng chưa sáng sạch. Người trụ chánh pháp ở nơi sự tu đây tâm đã được định, nên thanh tịnh sáng sạch. Nên biết đây gọi là quả chánh gia hạnh thù thắng thứ nhất được khen ngợi là có lợi ích.

2. Người tâm chưa được định ở nơi tất cả thọ bao gồm sở y, sở duyên, trợ bạn, lưu chuyển mà không như thật biết. Do không thật biết nên chạm đến 3 chủng vô trí là nhân quá hoạn. Những gì là ba? 1. Quá hoạn do thọ tạp nhiễm gây ra; 2. Quá hoạn do đời tạp nhiễm gây ra; 3. Quá hoạn do hiện pháp, hậu pháp tạp nhiễm gây ra.

Nên biết trong đây quá hoạn do thọ tạp nhiễm gây ra đó là kẻ ngu si ở nơi thọ lạc đây bị lôi kéo chuyển theo, tùy nhiễm theo đó có phược tham ái;

ở nơi thọ khổ có phước sân khế, ở nơi thọ không khổ không lạc có phước ngu ái và phước tùy miên, vì có ngu si ngủ ngầm vậy.

Quá hoạn do đời tạp nhiễm gây ra đó là kẻ ngu si ở đời hiện tại có phước tham nhiễm, ở đời quá khứ có phước luyện tiếc, ở đời vị lai có phước hệ buộc tâm.

Quá hoạn do hiện pháp, hậu pháp tạp nhiễm gây ra đó là kẻ kia tâm bị tạp nhiễm như vậy, vì ở nơi đời, ở nơi thọ có tạp nhiễm năng sanh trưởng chiêu cảm nghiệp hậu hữu. Do đây càng giúp cho các uẩn hậu hữu khiến chúng được sanh. Lại năng tăng trưởng sở hữu tham ái, đó là ái hậu hữu và ái tiền của. Vì ái hậu hữu, nên năng sanh sở hữu tự thể đương lai. Vì ái tiền của, nên lúc truy cầu sanh quá mỗi nhọc; nếu được cảnh giới liền sanh nhiễm não; nếu không thu được, không như điều mong muốn liền bị tự thiêu đốt; nếu được rồi mất liền bị sự tổn hại của sáu não ta thán. Như vậy gọi là quá hoạn hiện pháp. Hoặc vì kẻ kia gây tạo và tăng trưởng các việc như trên, năng chiêu cảm các nghiệp phiền não hậu hữu lực tăng thượng, nên phát khởi các khổ sai biệt sanh lão bệnh tử ở đương lai... Như

vậy gọi là quá hoạn hậu pháp. Người có tâm định trái với tất cả tướng trên. Nên biết đây gọi là quả chánh gia hạnh thù thắng thứ hai, còn lại như trước đã thuyết.

3. Người tâm chưa định nên có các quá hoạn do vô trí gây ra, hoặc cho mình, hoặc cho người mà không như thật biết. Người tâm định đối với các việc kia đều năng như thật rõ biết. Nên biết đây gọi là quả chánh gia hạnh thù thắng thứ ba, còn lại như trước thuyết.

4. Người tâm đã được định, ở nơi các quá hoạn đã như thật rõ biết, liền nhập tu địa, tức tu tập chánh kiến tương ưng vô ngã trước đã đắc. Do tu tập như vậy, ở trong hai thời nương đoạn giới và vô dục giới, tất cả pháp Bồ-đề phần trên đều chưa viên mãn. Nên biết đây gọi là quả chánh gia hạnh thù thắng thứ tư, còn lại như trước thuyết.

5. Người tâm đã được định sở hữu đa văn do phần chi Tỳ-bát-xá-na làm trợ bạn. Vị kia năng nhiếp thọ thắng tam-ma-địa, năng tịnh tu trị Tỳ-bát-xá-na. Do nhân duyên đây, hai chủng Chỉ Quán chuyển vận song song. Người tâm chưa định nên biết đa văn và chi Tỳ-bát-xá-na đều thiếu sót. Nên

biết đây là quả chánh gia hạnh thù thắng thứ năm được khen ngợi là có lợi ích.

Như vậy, so với người trụ chánh pháp thành tựu chánh kiến đa văn thế gian mà không định, thì người trụ chánh pháp thành tựu chánh kiến đa văn thế gian mà được định có được 5 quả gia hạnh thù thắng vượt hơn.

Nói tóm lại, vị kia đã thu được thắng Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Nương đoạn giới, đối với điều nên biết khắp năng chân chánh biết khắp, điều nên vĩnh viễn đoạn năng chân chánh vĩnh viễn đoạn, điều nên tác chứng năng chân chánh tác chứng, điều nên tu tập năng chân chánh tu tập. Vị kia nương vô dục giới, ở nơi tất cả điều trên đều đã biết, đã đoạn, đã chứng, đã tu; ở nơi sắc sở y và danh năng y chánh biết đã biết; ở nơi vô minh sở y và hữu ái năng y chánh đoạn đã đoạn; ở nơi trí minh tịnh sở y và giải thoát đoạn phiền não năng y chánh chứng đã chứng; ở nơi Xa-ma-tha sở y và Tỳ-bát-xá-na năng y chánh tu đã tu.

Lại nữa, có 2 pháp kiến: 1. Pháp kiến hữu vi; 2. Pháp kiến vô vi.

1. Pháp kiến hữu vi: là ở nơi sở y xứ đế và tự

tánh đế đều như thật biết.

Sao gọi là nơi sở y xứ đế? Là danh sắc và trời, người... hữu tình số vật.

Sao gọi là tự tánh đế? Là thế tục đế và thắng nghĩa đế.

- Thế tục đế: là ở nơi sở y xứ của đế kia mà giả tưởng an lập ngã, hoặc hữu tình cho đến mạng giả, sanh giả... Lại tự xưng rằng: “Mắt ta thấy sắc cho đến ý ta biết pháp”. Lại phát khởi ngôn thuyết: “Có danh như vậy... cho đến thọ lượng giới hạn như vậy”, như trước đã nói rộng. Nên biết trong đây chỉ có giả tưởng, chỉ có giả tự xưng, chỉ có giả ngôn thuyết chỗ có tánh tướng tác dụng sai biệt, gọi là thế tục đế.

- Thắng nghĩa đế: tức ở nơi sở y xứ của đế kia có tánh vô thường, nói rộng cho đến có tánh duyên sanh, như trước đã nói. Như có tánh vô thường thì có tánh khổ... nên biết cũng vậy. Nếu ở nơi sở y xứ đế là thắng nghĩa đế và thế tục đế như vậy, như thật rõ biết thế tục đế là thế tục đế, như thật rõ biết thắng nghĩa đế là thắng nghĩa đế, như vậy gọi là pháp kiến hữu vi. Nếu Bí-sô thành tựu pháp kiến hữu vi, ngang đây được gọi là đầy đủ viên

mãn.

2. Pháp kiến vô vi: tức là ở nơi sở y xứ của đế kia đã được hai chủng đế thiện xảo. Do thiện xảo đây lực tăng thượng, nên ở nơi tất cả y tận diệt Niết-bàn thấy sâu tịch tĩnh, nơi tâm hướng đến chứng nhập cho đến giải thoát, như trước đã nói rộng. Như vậy gọi là pháp kiến vô vi. Nếu Bí-sô thành tựu pháp kiến vô vi, thì ngang đây được gọi là đầy đủ viên mãn.

Lại pháp kiến đây, nên biết 3 chủng bổ-đặc-già-la đều thành tựu được: 1. Kế dị sanh, tùy pháp hành pháp, tâm đã đắc định, thức thông tuệ nhạy bén rộng lớn, năng như chánh lý quán sát các pháp; 2. Bạc hữu học đã kiến đế tích; 3. Bạc vô học, các lậu vĩnh viễn tận.

Lại nữa, nếu có người hy cầu sự hưng thịnh tốt đẹp của người trời, tự phát thệ nguyện hành phạm hạnh, nên biết người trời kia có 2 chủng lỗi lầm họa hoạn. Những gì là hai? 1. Các thứ khổ do phiền não phát sanh; 2. Các thứ khổ do vô thường phát sanh.

1. Các thứ khổ do phiền não phát sanh: Ở cõi người, cõi trời trú trong cảnh giới ái, vì nương đời

hiện tại; trú trong cảnh giới lạc, vì nương đời quá khứ; trú trong cảnh giới hân, vì đời hiện tại nương cảnh quá khứ sanh vui thích; trú trong cảnh giới hỷ, vì ở đời vị lai nương cảnh hiện tại sanh vui thích. Nếu ở trong cảnh ba đời như vậy mà trụ nhiệm ô, nên biết kia có các khổ do mong muốn bị thiếu thốn và các khổ sanh lão... Đây gọi là quá hoạn của các thứ khổ do sanh khởi phiền não gây ra.

2. Các thứ khổ do vô thường phát sanh: Vì thuận theo xứ lạc, nên biết lúc đây hoại mất phát khởi khổ biến hoại. Vì thuận theo xứ khổ hiện tại tiền, nên phát khởi khổ chán lìa. Vì tất cả tự thể đến lúc chết đều hoại diệt, nên có khổ hoại diệt. Nên biết đây gọi là các thứ khổ do ba chủng vô thường gây ra.

Trong đây, Như Lai siêu vượt hai chủng quá hoạn như vậy, trụ một hướng an lạc, tức ở nơi sự an lạc đây phải như thật biết. Đã biết an lạc rồi, lại nên như thật biết phương tiện lạc.

Sao gọi là an lạc? Là tất cả cảnh tương ưng vĩnh viễn tận, vô thượng an ổn, tức Hữu dư y Bát-niết-bàn giới.

Sao gọi là phương tiện? Tức là như trước đã thuyết ở nơi năm chủng thọ mà phát khởi năm chuyển diệu trí như thật. Nếu các Thanh văn xả bỏ bậc Đại sư đã chứng đắc siêu vượt diệu lạc trời người, mà hy cầu lạc trời người hạ liệt, nên biết người kia ở chỗ các bậc trí bị nhiều sự hủy chê, cũng chính là tự khi dối mình.

Lại nữa, Ót-Đà-Nam nói:

*Nhất trụ, xa Niết-bàn
Lược thuyết, nội sở chứng
Biện tất cả, tướng trí
Xả điều học, nghiệp thấy
Không, tùy hành, hằng trụ
Thầy trò hai viên mãn.*

Do hai nhân duyên nên biết gọi là hữu và trụ thứ hai. Đó là vì hữu ái và vì muốn sanh khởi tự thể thứ hai, nên lãnh thọ tập nhân; tự thể đây diệt, tự thể thứ hai kế tiếp sanh khởi.

Sao gọi là hữu ái? Là các cảnh giới sở duyên khả ái sắp được hiện tiền, ban đầu sanh khởi nhiễm ô vui thích, gọi là có hỷ lạc. Từ đây về sau cho đến chưa được cảnh giới, trụ nhiều tác ý tư duy đối với

kia. Giả sử đã được mà chưa thọ dụng, ở khoảng giữa đây tức do hỷ lạc lực tăng thượng, nên trụ nhiệm ô vui thích, gọi là có hoan hỷ. Vào lúc thọ dụng sanh nhiều tham ái, gọi là có nhiệm trước, nên gọi là hữu ái. Lại vì ở vị lai khởi hy cầu cùng với cảnh giới đã được sanh lãnh nạp, nên gọi là có hỷ lạc. Vì đời quá khứ theo đó nhớ nghĩ, nên gọi là có hoan hỷ. Vì đối với cảnh giới đã thu được, vào lúc đang thọ dụng phát sanh tham ái, nên gọi là có nhiệm trước. Như vậy gọi là sai biệt thứ hai.

Sao gọi là muốn sanh khởi tự thể thứ hai? Tức là hỷ lạc... làm tập nhân, nên đời đương lai sanh lão làm gốc khiến các thứ khổ sanh khởi. Trái với tướng đây nên biết gọi là không trụ thứ hai.

Lại nữa, có 2 chủng pháp lại xoay vần trái nhau là phiền não và Niết-bàn. Cho nên lúc rơi vào pháp tạp nhiễm rồi, tức liền thuận theo hậu hữu mà chuyển, lúc thuận theo hậu hữu mà chuyển, nên biết gọi là bỏ xa Niết-bàn.

Lại nữa, có 6 chủng hành tướng hiển hiện thấp hèn của bổ-đặc-già-la sĩ phu: 1. Tánh nhiều giận ghét; 2. Làm việc thiếu suy nghĩ; 3. Thích bức não người; 4. Nếu gặp phải khổ liền phát lời nói

không chân thật lại thô ác; 5. Hoặc phát lời nói chân thật, mà năng dẫn thô ác vô nghĩa; 6. Nhân đây triển chuyển phát khởi vô lượng lời ác sai khác, không chỉ dụng ít từ ngữ mà năng thỏa mãn.

Do 2 nhân duyên nếu người xuất gia tinh chuyên thọ hành, nhanh chóng năng chứng được nghĩa lợi Sa-môn, khiến người chưa tín sanh tịnh tín, khiến người đã tín càng thêm tăng trưởng. Sao gọi là hai? 1. Nhẫn nhục: tức là đối với người oán hại, trọn không phản trả; 2. Nhu hòa: tức là tâm không giận hờn, tánh không xúc não người.

Lại nữa, Như Lai lược nương 2 xứ mà thuyết giáo *Vô giới*: 1. Thuyết giáo Hữu dư y Niết-bàn giới; 2. Thuyết giáo Vô dư y Niết-bàn giới. Nếu do phiền não được đoạn trừ như thế, gọi là bổ-đặc-già-la thành tựu đoạn, không cấu thành phiền não, cho nên không trụ quả phiền não các khổ hậu hữu. Nên biết đây gọi là thuyết giáo Hữu dư y Niết-bàn giới. Nếu do không trụ quả phiền não các khổ hậu hữu như vậy, tiếp tục cho đến thọ tận, lúc mạng chung tất cả sự y còn lại đều không sót thừa. Không trụ thân đây, không trụ thân khác, không trụ trung hữu, chứng đắc tất cả các ngăn mé khổ. Nên biết

đây gọi là thuyết giáo Vô dư y Niết-bàn giới.

Lược có 3 chủng nhân nên có được lực nhớ nghĩ mạnh mẽ: 1. Do tuổi trẻ cường tráng mạnh mẽ; 2. Do đời trước đã từng xuyên suốt huân tập; 3. Do hiện pháp lớp lớp tập.

Lại nữa, do 5 chủng tướng nên biết Niết-bàn là pháp nội chứng. Đó là vì lìa tín cho đến vì lìa kiến thẩm sát nhãn, nên biết như trước đã thuyết. Đó là ở hiện pháp, bên trong mỗi mỗi riêng khác, trong ngoài tăng thượng phát sanh tạp nhiễm như thật rõ biết là “có” và “chẳng phải có”.

Lại nữa, do 3 nhân duyên hiển thị chư Phật Vô thượng Bồ-đề: 1. Vì giác liễu tất cả cảnh; 2. Vì giác liễu “có” và “chẳng phải có” đúng như sự thật; 3. Vì giác liễu hai phẩm nhiễm-tịnh của tất cả pháp. Cho nên người ở nơi 3 xứ sai khác như vậy mà thỉnh hỏi Đức Thế Tôn.

Lại nữa, các pháp hữu vi lúc câu hữu triển chuyển khiến tâm mê loạn, năng khiến ở nơi tướng tà chấp thủ phân biệt. Cho nên Như Lai vì các đệ tử khai thị phân biệt, khiến ở nơi tướng kia quyết định ngộ nhập không điên đảo, tức vì muốn họ rõ biết tướng chân thật, cũng vì muốn họ không tự

khinh dối mình, cũng vì muốn họ đối với người bình thân, vô úy mà chân chánh ký biệt.

Lại nữa, những người xuất gia xả bỏ các học xứ lực tăng thượng, nên biết được an lập trong cảnh giới luyến tiếc. Lại người xuất gia vì hủy phạm giới luật lực tăng thượng, nên biết được an lập trong số những kẻ chưa xuất gia, tâm buông xả trái nghịch, tâm chai cứng che đậy các việc làm, xa lìa tâm quý, nên là một hướng ái vị. Nếu kiên cố chấp thủ cảnh giới sở duyên, nên biết gọi kia là ái vị cùng cực. Do nhân duyên đây với việc tu tập các nghiệp thiện phẩm thượng, tâm chai cứng không điều nhu, không thể kham năng nghĩa. Lại tức do đây lực tăng thượng, nên hành các ác hạnh, bên trong ôm lòng che giấu; vì gây tạo nhiều việc xấu ác, nên phát sanh sự che giấu. Tất cả như vậy lược nhiếp làm một, gọi là ở nơi cảnh ái vị cùng cực, tâm chai cứng che đậy các việc làm.

Lại nữa, nếu hành giả không phòng hộ giữ gìn các căn, vui nghe pháp bất chánh liền sanh vô minh xúc, do đây sanh khởi tác ý nhiễm ô. Vì tác ý đây lực tăng thượng, nên ở đời vị lai sở hữu quá hoạn do các xứ sanh khởi không như thật biết. Do

không như thật biết quá hoạn kia, nên khởi mong cầu. Do mong cầu kia, nên tạo tác tăng trưởng nghiệp tương ưng. Do tạo tác tăng trưởng nghiệp tương ưng, nên ở đời đương lai sanh khởi sáu xứ. Như vậy gọi là đạo lý thuận thứ lớp.

Đạo lý nghịch thứ lớp tức là sáu xứ kia lấy nghiệp làm nhân, nghiệp ái làm nhân. Ái lại dùng vô minh kia làm nhân. Vô minh lại dùng không như chánh lý tác ý làm nhân. Tác ý bất chánh lại dùng vô minh xúc làm nhân. Lại ở trong đây, chỗ tạo nghiệp đời trước chính là nhân của hiện pháp thọ sáu xứ. Hiện pháp tạo nghiệp chính là duyên của sanh thọ sáu xứ kế tiếp, hoặc chính thọ sáu xứ sau do nương nhờ nghiệp ái... tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Lại nữa, do 2 nhân duyên khiến hậu hữu sanh khởi: nghiệp hậu hữu và ái hậu hữu. Nhưng chỉ nói “các loại hữu tùy theo nghiệp mà hành”, chẳng nói tùy theo ái. Vì cố sao? Lược có 3 ái: 1. Dục ái; 2. Sắc ái; 3. Vô sắc ái. Trong đây Dục ái là bất thiện, tuy có dị thực nhưng nếu chẳng khởi làm nghiệp ác bất thiện, trọn chẳng thể cho dị thực đi vào đường ác. Nếu Dục giới ái ở nơi vô minh xúc

phát sanh các thọ, khi khởi mong cầu, nơi cảnh đáng yêu phát sanh tham dục, nơi cảnh đáng ghét phát sanh sân khúể, nơi cảnh đáng mê phát sanh ngu si. Do 3 chủng dây lực tăng thượng, nên hành nghiệp bất thiện. Do nghiệp đây nên sanh vào các đường ác, chẳng phải do tham sân si trên kia quyết định khiến đọa đường ác. Nhưng tức ái đây đối với sự tạo nghiệp, vào lúc dị thực sanh năng làm trợ bạn.

Lại do mong cầu cảnh giới khả ái lực tăng thượng, nên tu hành thân ngữ ý nghiệp thiện hạnh. Do đây làm nhân được sanh các cõi thiện. Trong đây, các quả khả ái dị thực chỉ lẽ dụng nghiệp làm nhân dẫn sanh, không phải do tánh ái nhiễm ô.

Lại hệ buộc Sắc ái, hệ buộc Vô sắc ái đây tuy chẳng phải bất thiện nhưng là nhiễm ô, tất cả đều không có quả dị thực. Lại tức do Sắc ái, Vô sắc ái đây nên gọi là kẻ ái hữu. Kẻ kia do nhân lắng nghe chánh pháp, nên đối với Dục giới quán là tướng thô, chứng đắc minh xúc, phát sanh như lý tác ý thế gian tương ưng các thọ, điều phục tham sân si Dục giới... tạo tác tu tập thành nghiệp thiện hữu lậu. Do ở khoảng đây tạo tác nghiệp kia nên được

sanh kia, không phải vì đối với kia có tánh ái nhiễm ô. Nhưng tức ái đây đối với sự tạo nghiệp, vào lúc dị thực sanh năng làm trợ bạn, cho nên chỉ nói “các loài hữu tình tùy theo nghiệp mà hành”, không nói “tùy theo ái”.

Lại nữa, đối với các sự thế gian bên ngoài giả danh lực tăng thượng, nên cũng nói là có quả và có thọ giả, kia hoặc có lúc “không” thế gian hiện có được, hoặc có lúc “chẳng không”. Như quả và thọ giả, thì nhân và tác giả nên biết cũng vậy. Như vậy gọi là thế tục đế không, chẳng phải thắng nghĩa không. Nếu thuyết: “Hằng thời tất cả các hành chỉ có nhân quả, đều không thọ giả cùng với tác giả”, nên biết đây gọi là thắng nghĩa đế không. Nên biết *không* đây lại có 7 chủng: 1. Hậu tế không; 2. Tiền tế không; 3. Trung tế không; 4. Thường không; 5. Ngã không; 6. Thọ giả không; 7. Tác giả không.

Nên biết trong đây không có “các hành ở đời vị lai thật có hành tự tự tánh an lập, các hành khi sanh từ kia mà đến”. Nếu có việc kia, các hành kia ở đời vị lai chẳng nên sanh, bởi lẽ tự tánh các hành đã thật có, lại chẳng nên có vô thường khả được. Đã có vô thường khả được, cho nên nên biết

các hành khi sanh không từ đâu lại, xưa không nay có. Đây gọi hậu tế không.

Lại không có “các hành ở đời quá khứ có thật hành tụ tụ tánh an lập, các hành sanh rồi diệt rồi, qua đến kia tích tập trụ vững”. Nếu có việc kia, không nên thi thiết các hành có diệt, bởi lẽ quá khứ hành tụ tụ tánh nghiêm nhiên thường an trụ vậy. Nếu các hành đã không có diệt, thì tánh vô thường của kia lẽ chẳng thể biết. Nhưng đã có thể biết, cho nên các hành với khi đang diệt đều không chỗ đến, tích tập trụ vững, có rồi tan diệt, không đợi nhân khác tự nhiên hoại diệt. Đây gọi là tiền tế không.

Lại ở trong hành sát-na sanh diệt, chỉ có các hành tạm thời có được, trong đây đều không hành khác khác được, cũng không có vật riêng. Đây gọi là trung tế không. Nên biết cũng là thường không và ngã không.

Vì dụng vô ngã, nên tánh quả các hành không, không có thọ giả và tánh nhân nghiệp hành không, không có tác giả. Như vậy gọi là thọ giả và tác giả, hai chủng đều không.

Vì tác giả thọ giả không chỗ có, chỉ có các

hành về trước sanh diệt, chỉ có các hành về sau sanh sanh, ở trung gian đều không xả “trước sanh”, không thủ “sau sanh”. Cho nên thuyết rằng: “Chỉ có các pháp từ các duyên sanh năng sanh các pháp”.

Lại tất cả pháp đều không có tác dụng, không có chút pháp năng sanh chút pháp, cho nên thuyết rằng: “Đây có nên kia có, đây sanh nên kia sanh”. Duy chỉ ở trong pháp nhân quả kia nương thế tục để mà giả lập tác dụng, nên tuyên thuyết pháp đây năng sanh pháp kia.

Lại nữa, có 5 chủng tướng ở nơi cảnh giới sở duyên năng thuận theo hỷ. Đó là thuận theo đó mà hành thâm tâm vui thích, không như chánh lý mà lại chấp thủ tướng, phát sanh tham dục, khởi nhiều tầm tư, phương tiện tìm cầu, nhân đây rộng hành phước, hành phi phước. Như ở nơi cảnh giới sở duyên năng thuận theo hỷ, thì ở nơi cảnh giới sở duyên năng thuận theo ưu, năng thuận theo xả bỏ, như chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Nhưng đây có sự khác biệt ở chỗ, tức ở nơi cảnh giới sở duyên năng thuận ưu, thuận theo đó mà hành thâm tâm chán ghét, phát sanh sân khuể. Ở nơi cảnh giới sở duyên năng thuận xả bỏ, thuận theo đó mà hành

thâm tâm ngu muội, phát sanh ngu si, còn lại như trước thuyết.

Lại nữa, các Bí-sô chúng A-la-hán, các lậu vĩnh viễn tận, ở tất cả các cảnh sở duyên tùy thuận mà hành, hằng thời không kham cho đến lạc mất chánh niệm khiến sanh phiền não. Cho nên hằng trụ an trụ không tạp nhiễm, do nhân duyên đây gọi là hằng trụ. Đối với hành thuận theo các phẩm hoặc hỷ, hoặc ưu, hoặc vui, hoặc buồn, các bậc A-la-hán đều không có, cho đến trong thiện cũng không chỗ có. Lại vì hằng trụ kia rất khó hành và vì vô tội, nên gọi là tối thắng. Người có khả năng thành tựu cũng rất khó có, nên thuyết danh là chân thật phước điền bậc nhất phải nên phụng thờ, cho đến nói rộng như phần *Nhiếp Di Môn* trước đã thuyết.

Lại nữa, ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, bậc Đại sư và các chúng đệ tử mỗi mỗi do 2 tướng mà biết được viên mãn đức.

- Sao gọi là do 2 tướng nên biết bậc Đại sư viên mãn đức? Vì nương hành lợi người, muốn khiến người ngộ nhập “sở hữu các thọ đều là khổ”, cho nên thuyết sở y thọ, thuyết nhân duyên thọ, thuyết

chỗ tùy hành theo các thọ kia năng khiến tạp nhiễm, thuyết sở đối trị và năng đối trị, thuyết tất cả chủng rốt ráo xuất ly. Đây gọi là bậc Đại sư viên mãn đức thứ nhất.

Lại nương hành lợi mình, tuyên thuyết 3 chủng bất cộng niệm trụ, không trụ tạp nhiễm. Đây gọi là bậc Đại sư viên mãn đức thứ hai.

- Sao gọi là do 2 tướng nên biết đệ tử viên mãn đức? Đối với vô lượng giáo pháp của Như Lai đã năng rõ biết, mà chưa được nghe môn “đến bờ kia”. Vì “đến bờ kia” cần phải tu hành tùy pháp hành pháp, chúng đặc xuất ly, không phải chỉ thọ trì mà cho là vui đủ. Đã rõ biết rồi, như lý tu hành tùy pháp hành pháp, không chỉ theo âm thanh ngôn ngữ đã thuyết cho là rốt ráo. Đây gọi là chúng đệ tử viên mãn đức thứ nhất.

Tu hành tùy pháp hành pháp như vậy, chẳng lấy chút phần thấp hèn mà sanh vui đủ, cần phải hướng đến địa của sự hiền từ, mẫn tiệp, trượng phu, quyết định sẽ hoạch đắc những điều cần đắc. Đây gọi là các chúng đệ tử viên mãn đức thứ hai.

Lại nữa, ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, lại do 3 tướng nên biết Đại sư viên mãn đức, lại do

2 tướng nên biết chúng đệ tử viên mãn đức.

- Sao gọi là 3 tướng nên biết bậc Đại sư viên mãn đức? Chư Phật Thế Tôn vì các đệ tử trước tiên chánh hành trung đạo, xa lìa hai biên. Đây là bậc Đại sư viên mãn đức thứ nhất.

Lại kẻ chưa sanh tịnh tín, kẻ có hủy phạm đối với thánh giáo... thì dùng chánh phương tiện khiến nhập thánh giáo, khiến xa lìa các hủy phạm. Đây gọi là bậc Đại sư viên mãn đức thứ hai.

Lại người kia đã được nhập thánh giáo, dùng bốn pháp nhiếp để chân chánh nhiếp thọ. Đây gọi là bậc Đại sư viên mãn đức thứ ba.

Bốn chủng pháp nhiếp: 1. Đối với người ẩn kín, dụng “nhàn tĩnh” như pháp mà dạy trao, không dụng phi pháp; 2. Đối với người trái phạm, dụng “khổ” như pháp, dụng lời thân thiết hiện tiền quở trách, trị phạt, đuổi bỏ, không phải không như pháp; 3. Đối với người tầm tư nương tựa vui thích nơi giáo pháp, nên khiến bên trong siêng tu tịch tĩnh; 4. Khiến thời thời lắng nghe chánh pháp thường không bỏ phế; lại khiến xa lìa tương tự chánh pháp và khiến đối trị việc xả bỏ chánh hạnh.

Nên biết đối với người ẩn kín, năng dùng dạy trao “nhàn tĩnh” như pháp mà dẫn dắt. Đối với người thật hủy phạm, nếu chánh rõ biết phải quả trách mới năng điều phục, thời dùng lời như pháp hiện tiền quả trách, tâm không tạp nhiễm. Đối với người tầm tư, phương tiện khiến đây được quyết liễu. Đối với kẻ nổi trôi theo năm điệu dục, cho kia biết được lỗi lầm họa hoạn khiến sanh nhàm chán xa lìa, thứ lớp tu học cho đến chứng nhập Đệ tứ tĩnh lự. Đối với người tầm tư nương tựa vui thích giáo pháp, năng khiến kia bên trong rốt ráo tịch tĩnh, đã tự mình không bị nhiệt não, cũng khiến nhiếp thủ người. Nên biết đây gọi là thời thời lắng nghe chánh pháp thường không phế bỏ.

- Sao gọi là 2 tướng khiến chúng đệ tử viên mãn đức? Các đệ tử ban đầu nhận thọ sở kiến của Đại sư, tức là kiến “ở trong các pháp không, vô ngã”. Do nhân duyên đây, ở trong các pháp chẳng tăng ích ngã khởi tà chấp đắm, cũng chẳng hủy hoại đạo lý thế tục. Vì ý lạc thù thắng nên không đuổi theo kia. Vì tùy thuận ngôn thuyết nên cũng không xa lìa kia. Đây gọi là chúng đệ tử viên mãn đức thứ nhất.

Lại, kia ở nơi kiến đã nhận thọ rồi, năng chánh tu hành tùy pháp hành pháp. Lúc được sự nhiếp thọ của bốn pháp nhiếp, nếu các pháp kia có khổ có hại, như thật rõ biết năng chóng đoạn diệt. Nếu các pháp kia không khổ không hại, như thật rõ biết năng chóng tác chứng. Đây gọi là chúng đệ tử viên mãn đức thứ hai.

Như vậy, trong thánh giáo chư Phật, chỗ nhiếp thọ của bậc Đại sư và chúng đệ tử nên biết một hướng vô nhiễm thanh tịnh, là chỗ hướng đến quay về của các bậc thông tuệ.



Quyển 93

Thứ 3. NHIẾP TRẠCH SỰ

DUYÊN KHỞI - THỰC - ĐẾ - GIỚI KHẾ KINH

Phần 1

Như vậy đã thuyết nhiếp trạch Sự Xứ, nay Ta sẽ thuyết nhiếp trạch **Sự Duyên Khởi, Thực, Đế, Giới.**

Ốt-Đà-Nam nói chung:

*Lập thấy, hai đế thấy
Lấy xúc làm duyên thấy
Hữu diệt thấy, thực thấy
Như lý thấy rốt sau.*

Ốt-Đà-Nam nói riêng:

*Lập, tụ khô, quán đế
Thánh giáo nhiếp, trí tế
Tư lượng tế, quán sát
Thượng mạn, sau thẩm sâu.*

Lược do 3 tướng nên biết kiến lập duyên khởi sai biệt: 1. Từ tiền tế, trung tế được sanh; 2. Từ

trung tế, hậu tế được sanh; 3. Ở trung tế sanh rồi, hoặc thú hưởng lưu chuyển, hoặc thú hưởng thanh tịnh.

Trong đây sao gọi là từ tiền tế, trung tế được sanh và ở trung tế sanh rồi lưu chuyển? Như có người đời trước không phải thông huệ, vì vô minh làm duyên nên thân, ngũ, ý gây tạo và tăng trưởng nghiệp tội, phước, bất động. Do đây làm duyên, thức tùy theo nghiệp đã hành cho đến mạng chung lưu chuyển không đoạn dứt, năng làm hậu hữu, tức nhân sanh thức tương tục tiếp nối sanh. Triển chuyển như vậy có ái bên trong, bên ngoài. Khi thức đây sắp sanh quả, lấy ái bên trong, bên ngoài đang hiện tiền làm trợ bạn mà phát khởi. Đã mạng chung rồi, do nhân tiền tế, ở đời hiện tại tự thể được sanh. Đã sanh rồi, dần dần trong thai mẹ, nhân thức làm duyên tiếp nối sanh quả thức, theo đây triển chuyển không dứt, nhậm vận giữ gìn chỗ có phần vị danh sắc yết-la-lam... phần vị về sau càng thù thắng hơn, bắt đầu từ trong thai tạng cho đến già suy.

Lại tức thức đây đương lúc tương tục sanh, năng cảm sự sanh, thọ nghiệp cùng quả dị thực.

Thức dị thực sanh lại nương danh sắc tương tục mà chuyển, đó là nương giá sáu y xứ là nhân.. mà chuyển, do đây nói là danh sắc duyên thức. Năm căn y đồng sanh gọi là sắc, căn y diệt không gián đoạn gọi là danh. Tùy chỗ thích hợp danh sắc năng làm chỗ nương cho sáu thức. Vì nương tựa danh sắc kia cho đến lúc mạng chung, thức lớp lớp tùy chuyển.

Lại năm sắc căn, hoặc đại chủng sở y của căn, hoặc xứ sở của căn, hoặc đại chủng năng sanh của kia được gọi là sắc; còn lại gọi là danh. Do thức chấp giữ chỗ có các căn, rơi trong sự tương tục mới lưu chuyển không dứt. Cho nên hai tên gọi hợp chung đây nương vào thức, tương tục lưu chuyển. Do đây nên nói thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức. Ở đời hiện tại giống như bó cỏ lau nương nhau mà chuyển cho đến lúc mạng chung. Như vậy gọi là từ tiền tế, trung tế các hành duyên khởi được sanh, ở trung tế sanh rồi lưu chuyển không dứt. Nên biết trong đây nương loài thai sanh mà thuyết thứ lớp lưu chuyển; nếu loài noãn sanh và thấp sanh, trừ ở thai mẹ, còn lại như trước thuyết. Hữu tình thuộc tụ hữu sắc ở Dục giới và Sắc giới có sự sai khác so với loài trước, tức là hữu tình

thọ hóa sanh ở hai cõi đây, lúc sơ sanh các căn viên mãn. Hữu tình ở Vô sắc giới có sự sai khác, đó là thức nương nơi danh và chủng tử sắc. Lấy thức làm chỗ nương, danh và chủng tử sắc chuyển. Bởi thức kia bên trong chứa chủng tử sắc, tuy sắc gián đoạn nhưng về sau lại được sanh. Như vậy gọi là chỗ sai khác trong đây. Do nghiệp phước, nên sanh ở hai cõi trời và người Dục giới. Do nghiệp tội, nên sanh trong đường ác. Do nghiệp bất động, nên sanh trong Sắc giới và Vô sắc giới.

Sao gọi là từ trung tế hậu tế các hành duyên khởi được sanh? Sao gọi là bất sanh, do bất sanh nên chứng đắc thanh tịnh? Đó là kia như vậy, ở trung tế bố-đặc-già-la đã sanh, lãnh thọ hai quả do nghiệp trước thu được: 1. Lãnh thọ quả dị thực bên trong; 2. Lãnh thọ quả tăng thượng do cảnh giới phát sanh. Bố-đặc-già-la kia hoặc do lắng nghe pháp bất chánh, hoặc do đời trước lực thường xuyên tập quen, nên phát khởi ngu si đối với hai chủng quả. Do ngu si đối với quả dị thực bên trong, nên không thể như thật rõ biết đương lai khổ hậu hữu sanh... Do tiền tế hậu tế vô minh đây lực tăng thượng, ở nơi các hành gây tạo và tăng trưởng nên

biết như trước. Do nghiệp mới đây huân ướp chuyển biến thức, nên ở trong hiện pháp thức theo nghiệp hành. Như vậy lấy vô minh làm duyên, nên các hành được sanh, hành làm duyên khiến thức chuyển biến. Nên biết thức đây ở trong hiện pháp chỉ là tánh nhân, vì về sau nhiếp thọ sanh các quả thức. Tóm lại, tổng nương tất cả thức gọi là sáu thức thân. Lại tức thức đây là chỗ đuổi theo của chủng tử danh sắc hậu hữu đương lai. Chủng tử danh sắc lại là chỗ đuổi theo của chủng tử sáu xứ hậu hữu đương lai. Chủng tử sáu xứ đây lại là chỗ đuổi theo của các chủng tử xúc hậu hữu đương lai. Chủng tử xúc lại là chỗ đuổi theo của các chủng tử thọ hậu hữu đương lai. Nên biết đây gọi là trung tế dẫn dắt nhân hậu hữu, do thức làm tiền dẫn, thọ đi sau cùng khắp năng dẫn dắt các tự thể. Như vậy, do ngu đối với quả dị thực thứ nhất khiến dẫn hậu hữu rồi, lại do ngu đối với quả tăng thượng do cảnh giới phát sanh thọ, duyên cảnh giới thọ phát sanh tham ái. Do ái đây nên hoặc cầu các dục, hoặc cầu các hữu, lại chấp dục thủ, hoặc chấp kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ. Chấp các thủ rồi, ái và thủ đây hòa hợp thấm nhuần khiến nhân dẫn dắt trước

chuyển gọi là hữu, chính đây nhiếp thuộc nhân sanh khởi hậu hữu. Hữu đây không gián đoạn, đã mạng chung rồi, như nhân dẫn dắt đây dẫn dắt các hành sanh khởi, thức là đầu tiên, thọ là rốt sau, hoặc từ từ sanh, hoặc lại sanh ngay. Như vậy nên biết ở trong hiện pháp ban đầu dụng vô minh xúc sanh thọ, thọ làm duyên sanh ái, ái làm duyên nên kế sanh thủ, thủ làm duyên nên chuyển thành hữu, hữu làm duyên nên sanh được sanh khởi, sanh làm duyên nên thứ lớp các thứ khổ lão, bệnh, tử... sai biệt hiện tiền. Nên biết trong đây hoặc có nơi sanh đến hiện tiền, hoặc có nơi chủng tử đuổi theo. Như vậy, trung tế vô minh duyên hành, thọ duyên ái... năng khiến hậu tế các hành duyên khởi sanh.

Nếu trong hiện pháp từ người được nghe pháp, hoặc ở đời trước đã tích tập tư lương, do kia làm nhân năng ở nơi hai chủng tánh quả các hành như lý tư duy. Hoặc ở nơi nhân kia, hoặc ở nơi diệt kia, hoặc hướng đến hành diệt mà như lý tác ý tư duy, nên phát sanh chánh kiến. Lại ở nơi các đế dần dần thành tựu trí kiến hữu học, vô học thanh tịnh. Kia do lực trí kiến như vậy, năng vĩnh viễn đoạn

vô minh và ái không sót thừa. Do đoạn diệt kia, nên ở nơi sở duyên không như thật biết kia, tức các thọ do vô minh xúc sanh khởi, cũng lại theo đó đoạn trừ. Do đoạn đây nên trong hiện pháp lìa vô minh, chứng tuệ giải thoát. Lại ở nơi vô minh xúc sanh khởi các thọ, trong tâm sanh khởi phiền não tương ưng tham ái, tức ở nơi tâm kia cũng năng lìa trói buộc. Do lìa tham nên chứng tâm giải thoát.

Lại, các hữu vô minh lúc chưa đoạn diệt, nương thức... cuối cùng là thọ, hậu tế các hành lẽ được sanh khởi. Do vô minh kia diệt, nên kia đều chẳng được sanh, thành pháp bất sanh. Cho nên thuyết rằng: “Vô minh diệt nên các hành theo đó diệt, thứ lớp cho đến dị thực sanh khởi các xúc cũng diệt, dị thực sanh khởi các thọ cũng theo đó diệt”.

Lại trong hiện pháp vô minh diệt, nên vô minh xúc diệt. Do vô minh xúc vĩnh viễn diệt, nên thọ do vô minh xúc phát sanh cũng theo đó diệt. Do các thọ vĩnh viễn diệt, nên ái cũng theo đó diệt. Do ái diệt nên như trước nói: “Sở hữu thủ... cho đến tổn não lấy làm biên cuối của các hành đều diệt, thành pháp bất sanh”. Như vậy, ở trong hiện pháp các hành đều không lưu chuyển. Do

không lưu chuyển, nên ở trong hiện pháp trụ Hữu dư y Bát-niết-bàn giới, gọi là chứng được hiện pháp Niết-bàn. Vị kia bấy giờ thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức sót thừa vĩnh viễn diệt, nên được gọi là thanh tịnh sáng sạch. Cho đến vị kia trụ thân có thức chưa diệt, thường lãnh thọ “liạ sự trói buộc của các thọ”, không lãnh thọ “có sự trói buộc của thọ”. Thân có thức hằng trụ tương tục cho đến tận thọ lượng do nghiệp trước dẫn dắt, xả bỏ thân mà thức giữ gìn, cũng xả mạng căn. Từ đây trở về sau chỗ có mạng căn diệt hẳn không sót, đều không còn lại gì.

Lại các thức cùng tất cả thọ ở trong vị đây nhậm vận mà diệt. Vì nhân đã diệt trước, nên phần sót lại chẳng tương tục, cũng diệt hẳn không sót. Do đạo lý đây gọi là Vô dư y Bát-niết-bàn giới, rốt ráo tịch tĩnh, thường trụ tịch tĩnh. Vì nghĩa đây nên thường thuận theo Niết-bàn, thường lấy Niết-bàn làm rốt ráo, ở nơi Thế Tôn tu tập phạm hạnh thành thực. Đây gọi là nói rộng do 3 chủng tướng kiến lập duyên khởi, đó là từ tiền tế, trung tế lưu chuyển; từ trung tế, hậu tế lưu chuyển; lại ở trung tế lưu chuyển thanh tịnh.

Lại an lập 9 tướng cây khổ hậu hữu năng sanh hữu đương lai. Đó là có người thế gian không thông tuệ, ở trong hiện pháp gây tạo nghiệp mới như cây khổ còn nhỏ. Hoặc có người thế gian không thông tuệ, năng thuận theo các xứ lậu, nương đời hiện tại tùy quán ái vị, nương đời quá khứ sanh sâu luyến tiếc, nương đời vị lai chuyên tâm buộc đấm. Đã trụ như vậy, vì trước chưa đoạn trừ tất cả tham ái, lại thêm lớp lớp tập, nên càng triển chuyển tăng trưởng. Đây chẳng phải bổ-đặc-già-la thông tuệ. Người kia lại muốn khiến cây nhỏ hậu hữu thêm tươi tốt, nên lấy nước tham ái thường tưới rót, khiến năng chiêu cảm quả thủ đương lai dần dần to lớn cho đến chín muồi. Nếu các Thánh đệ tử đã văn tuy tạo hữu lậu năng cảm các cây nghiệp nhỏ đương lai, nhưng lúc thuận theo các hành phiền não như vậy, mà tùy quán pháp tánh sanh diệt không diên đảo. Lúc ở đoạn giới, vô dục giới và diệt giới, tùy quán là tánh tịch tĩnh không diên đảo, khiến nghiệp kia tổn giảm không thể tăng trưởng, khiến cho nước ái tiêu tan. Cho nên bậc thông tuệ không muốn tưới cây nhỏ hậu hữu khiến tươi tốt, bèn đoạn diệt ái đây. Ái duyên thủ... đã bị

tổn hoại như vậy, khiến tất cả đều chẳng thể sống sót, huống lại khiến thêm tăng trưởng.

Lại có bổ-đặc-già-la đã sanh khởi tự thể, chỗ tạo tác tăng trưởng xưa kia là nghiệp thuận lãnh thọ về sau, nên trong hiện pháp chịu sự trói buộc. Tức tự thể và chỗ gây tạo nghiệp xưa kia thuận thọ về sau nhiếp chung làm một gọi là hậu hữu, như cây khổ đã lớn. Người kia đã năng thuận các pháp phiền não như trước, cho đến chuyên tâm buộc đấm; trụ như vậy rồi, chỗ gây tạo nghiệp xưa kia thuận lãnh thọ về sau như tưới nước thẳng; xuống rễ khiến cây càng thêm sum suê. Kể kia trong hiện pháp, ái phiền não như đạo nương tựa khiến cây nảy nở tươi tốt. Lấy đây làm nhân, khiến tất cả chủng tử thức đi theo hoặc nghiệp hành ở đời đương lai được tiếp nối sanh, trụ nơi danh sắc. Như vậy cây khổ trường thời được sống sót. Nên biết bổ-đặc-già-la như vậy muốn khiến cây khổ phát triển nảy nở tươi tốt. Ở đây phẩm bạch nên biết như trước.

Lại nữa, Thế Tôn khi xưa làm Bồ-tát, xả bỏ các đạo thế tục trước đã được cùng các thầy thế gian mà ngồi tòa diệu Bồ-đề. Vì dục-bi-mẫn, lấy lợi

tha hữu tình làm thượng thủ, tự khởi chánh quán sát các đế. Bây giờ, vì muốn trải qua quán khổ đế, nương chi lão tử nhiếp thuộc khổ đế, trải qua quán sát nghịch duyên khởi. Nên biết trong đây do 3 chủng tướng, nên ở nơi lão tử đây như lý quán sát: 1. Quán sát nhân duyên tế; 2. Quán sát nhân duyên thô; 3. Quán sát chẳng phải không quyết định.

Nhân duyên cảm sanh cũng gọi là sanh. Tự thể sanh cũng gọi là sanh. Sanh trước là tế, sanh sau là thô. Trong đây vì quán sanh tế trước có nên có lão tử, vì quán sanh thô sau “duyên” nên được có lão tử. Đương lai lão tử của sanh tế làm nhân, hiện pháp lão tử của sanh thô làm nhân. Có sao gọi là chẳng phải không quyết định? Tức là trừ sanh xứ kia nhiếp lấy hai chủng sanh khởi tự thể, các xứ còn lại nhất định không thể cho quả lão tử. Như quán lão tử, thì mỗi một sanh, hữu, thủ, ái do 2 chủng đều như lý quán sát, nên biết cũng vậy. Như vậy gọi là đạo lý nghịch thứ lớp bắt đầu từ lão tử quán khổ, tập đế của duyên khởi. Trong đây nên biết pháp thuận tập đế giống như tim đèn, tập đế đây như dầu, mỡ... khổ đế giống như châm dầu liên tục. Các bổ-đặc-già-la không thông tuệ, ví như rút

dầu đều đặn vào tim đèn tập. Như vậy đèn khổ cháy trường thời. Nên biết phẩm bạch trái với tướng trên, tức là khéo phương tiện quán diệt đế và đạo đế.

Lại có 2 chủng bổ-đặc-già-la. Những gì là hai?
 1. Chỉ riêng mình hành, chẳng phải hành lợi ích, đó là châm dầu liên tục vào tim đèn, khiến cây đèn khổ tương tục cháy mãi; 2. Có bổ-đặc-già-la khác tuy mình, người, vô lượng đại chúng hành, nhưng không phải hành lợi ích, tức mình người bị đốt trong tụ lửa khổ lớn. Sự nhiếp thọ lắng nghe tà pháp làm tiền dẫn, tuệ văn tư tu do tà hạnh dẫn phát ví như thân gom thêm cỏ khô, củi khô và phân bò khô. Do nhân duyên đây khiến tụ lửa khổ trường thời được đốt cháy không tắt dứt.

Lại nữa, Thế Tôn khi xưa làm Bồ-tát, ngồi tòa diệu Bồ-đề, nương môn duyên khởi nghịch thứ lớp mà được nhập vào. Trước duyên hậu tế, như lý tư duy lão tử khổ đế cho đến ái khổ đế. Như vậy quán sát hậu tế khổ đế và hậu tế khổ sở hữu tập đế mà chưa vui đủ, bèn lại quán sát hậu tế tập đế, nhân duyên nhiếp lấy các khổ hiện tại. Đó là nghịch quán thọ, xúc, sáu xứ, danh sắc và thức. Nên biết

trong đây quán khổ vị lai chính là khổ đế. Quán tập nhân kia chính là tập đế. Quán tập đế của khổ đời vị lai do cái gì mà có. Biết nguyên do từ tập trước sanh khởi, thức làm ngăn mé, hiện pháp khổ hữu. Tức đã biết từ tập trước sanh khởi, chẳng nên quán trở lại “đây làm sao có”. Cho nên khi xưa Thế Tôn làm Bồ-tát, vì quán sở hữu khổ, tập đương lai, quán khổ hiện tại cho đến tác ý tương ưng tâm thức mà chuyển trở lại. Lại thứ lớp quán y xứ hậu tế tập đế kia, nơi nương tựa của hậu tế khổ đế tức là hậu tế tập đế, cho đến thức, lại trở lại quán thuận như trên. Như vậy thuận nghịch như lý quán sát khổ, tập của duyên khởi. Từ đây không gián đoạn quán diệt đế, nghịch thứ lớp bắt đầu từ lão tử nhập vào cho đến vô minh. Vì có sao? Vì quán sát khổ đế hiện tại như vậy, sao gọi là tất cả thấy đều tận diệt? Vì không tạo tác nghiệp hành mới do vô minh làm duyên. Như vậy trải qua quán ba thánh đế rồi, kể lại tầm cầu diệt thánh đế đây: “Đạo gì, hành gì năng chứng đắc?”. Do túc trụ tùy niệm như trước thuyết, nhớ xưa vì cầu vĩnh viễn tận các lậu, nương chánh kiến thế gian, khiến hiện tiền điều đã được dạy trao, khởi tư duy đây: “Ta nay chứng

đắc chánh đạo xa xưa, vết tích xưa có các tiên đồng đạo chơi”. Như vậy chỉ dùng tác ý thế gian trải qua quán tứ đế. Lại dụng chánh kiến ở trong các đế được nhập hiện quán, phương tiện thứ lớp chứng giác Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; phương tiện hiện kiến, thu được trí kiến thiện tịnh vô lậu hữu học, vô học. Vì nghĩa đây mà ở ba đại a-tăng-kỳ kiếp tu hành tất cả hạnh khó hành. Nay ở nơi nghĩa đây đều đã chứng đắc. Vì lợi người, vì ai muốn các trời người thế gian, tùy người kham năng nhập thánh pháp thì khai thị bốn Thánh đế khiến sanh khởi giác ngộ.

Lại nữa, giáo của chư Phật Thế Tôn nhiếp thuộc 3 xứ. Những gì là ba? 1. Vì khéo kiến lập các pháp duyên sanh, không tác dụng; 2. Vì kia làm chỗ nương hành lợi tha; 3. Vì kia làm chỗ nương hành tự lợi.

Trong đây khéo kiến lập các pháp duyên sanh không tác dụng. Đó là từ hậu tế khổ, quán nghịch hiện pháp tiền tế khổ tập, danh sắc duyên thức, thức duyên danh sắc triển chuyển nương nhau, như bó cỏ lau nương nhau mà được đứng vững. Ở trong khoảng các pháp duyên sanh đây đều không

phải mình làm, cũng không phải người làm, không phải mình người làm, không phải không nhân sanh. Thi thiết như vậy gọi là khéo kiến lập các pháp duyên sanh không tác dụng. Vì cơ sao? Các hành vô thường, vì tiền tế không, vì hậu tế không, vì trung tế chỉ có sát-na tác dụng động chuyển, trong đệ nhất nghĩa đều không chỗ có, chỉ nương thế tục tạm giả thi thiết. Thi thiết như vậy là như thật không điên đảo, cho nên thuyết đây gọi là khéo kiến lập. Tức nương như vậy khéo kiến lập tánh, nương các duyên khởi vì người tuyên thuyết giáo pháp thánh đế, gọi là kia làm chỗ nương hành lợi tha. Tức đây làm chỗ nương, tự năng thú nhập thánh đế hiện quán, tùy pháp hành pháp, lại năng chứng đắc hiện pháp Niết-bàn. Nên biết đây gọi là dụng kia làm chỗ nương hành tự lợi.

Lại các chúng đệ tử trước tích tập tư lương trí tuệ, thành tựu tuệ câu sanh mãnh lợi, gọi là thông tuệ. Vì đầy đủ giáo trí, gọi là minh liễu. Vì đầy đủ chứng trí, gọi là khéo điều phục. Vì không do tha duyên mà tự thông hiểu các pháp, gọi là vô sở úy. Vì duyên nơi Niết-bàn như thật giác, gọi là kiến cam lồ. Vì tận vô sanh trí làm chỗ nương, chứng

Hữu dư y Niết-bàn giới, gọi là thân chứng đắc, đầy đủ an trụ cam lồ giới vi diệu.

Lại nữa, có các chủng loại ngu phu ngoại đạo tuy năng quán thấy bốn đại chủng thô của thân tánh vô thường, do quán thân đây tuy mạng sống kéo dài mà lúc tăng, lúc giảm, lúc sống, lúc chết, có xả, có thủ, bèn ở nơi thân đây năng nhàm chán, năng xa lìa, năng khởi xác quyết, dụng đạo thế gian ly dục Dục giới, ly dục Sắc giới cao nhất cho đến Hữu đảnh, nhưng nên biết kia ở nơi thân đây gọi là chưa được giải thoát. Vì có sao? Do ở trong định đã đắc kia, thức đây chỉ được mài giữa sáng sạch, chấp thủ đây làm ngã, trụ nơi tạp nhiễm. Lại vào thời sau thọ tận nghiệp tận, thối lui sanh trở lại cõi dưới, vì ở nơi duyên khởi không được thiện xảo vậy.

Các Thánh đệ tử tuy ở nơi duyên khởi đã được thiện xảo, mà chỉ tùy quán bốn đại chủng tế của thân tánh vô thường, chưa quán sát ngay thức tánh vô thường. Vì có sao? Bốn đại chủng thân trải qua thời gian tồn tại lâu, tướng thường khá có được, vì sát-na của thân kia tương tự tiếp nối lưu chuyển, tánh vô thường của chúng khó thể nhận biết. Còn

tướng thức vô thường thô hiển dễ có được, vì sát-na sát-na sở duyên dễ thoát, tướng của chúng chuyển biến vô lượng phẩm loại có sự sai biệt. Tuy tướng thức đây tánh vô thường, vô lượng phẩm loại thô hiển dễ có được, nhưng lại thuyết danh tối cực vi tế, phải biết tánh đây vì khó thể biết, vì khó thể nhập. Vì có sao? Vì chỉ là cảnh thấy của huệ nhãn vậy. Bốn đại chủng thân có tăng, có giảm, có xả, có thủ, tánh vô thường đây mà còn chẳng phải lý của cảnh giới nhục nhãn, hướng dùng nhục nhãn thấy duyên khởi thiện xảo. Các Thánh đệ tử vì muốn ngộ nhập thức tánh vô thường tối cực vi tế, ở nơi duyên khởi như lý tư duy. Do năng phân biệt ở trong sự tương tục xúc sanh khởi các thọ, phần vị các thọ tánh sai biệt, liền năng ngộ nhập thức tánh vô thường. Vị kia đã thành tựu trí kiến như vậy, thứ lớp ở nơi thọ nương tựa thân, các xúc làm nhân và tất cả danh khác nhiếp lấy hành, đều năng chán lìa, sanh thắng giải. Ở nơi tất cả kia cũng được giải thoát. Vì đắc giải thoát nên rất ráo an trụ hai Niết-bàn giới, hoặc Hữu dư y, hoặc Vô dư y.

Lại nữa, Bí-sô ở nơi pháp duyên khởi được

thiện xảo, do 3 chủng tướng ở nơi 3 tế dây mà năng chân chánh tư duy suy lường, sẽ năng tận khổ.

Sao gọi là 3 tướng? 1. Nương xứ khổ; 2. Nhân duyên khổ; 3. Nhân duyên nương xứ khổ. Đây gọi là 3 tướng.

Sao gọi là 3 tế? 1. Trung tế; 2. Quá khứ tế; 3. Vị lai tế. Đây gọi là 3 tế.

Trong đây nên biết nương khổ trong thân là lạnh, nóng... và các thứ khổ sai biệt như bệnh, chết... là chỗ nương tựa của khổ hiện pháp sanh khởi. Vì có sao? Vì có đây, nên nương tựa nơi thân sở y mà kia được sanh.

Nương khổ nhiếp thọ bên ngoài là cha mẹ, thân thuộc, bạn bè... là chăm sóc, hầu hạ... là cầm nắm dao gậy lấy làm biên sau, là ưu sầu, bị thán... chỗ nương tựa của các thứ khổ sai biệt. Vì có sao? Như trước đã thuyết, hai chủng “nương” dây dụng ái nhiếp thọ làm nhân. Do nương tập ái dây sanh khởi, gọi là nhân duyên khổ. Lại tức ái dây nương theo cảnh giới diệu sắc khả lạc lấy làm chỗ nương mới bèn sanh khởi, cho nên thuyết kia danh là chỗ nương của nhân duyên khổ.

Lại các sở hữu cảnh giới hiện tại có lửa tham

sân si nhiệt não làm nhân khiến phát khởi cháy khát, do đây ham muốn uống vào. Cảnh giới sở duyên diệu sắc khả lạc ví như tạp độc, uống vị ngon ngọt ấy không thể xả bỏ mà chuyển tăng thêm khát ái. Do khát ái nên có “nương” đương lai. Do “nương” đương lai, liền có các thứ khổ. Như vậy nên biết nhiếp vào đệ nhất nghĩa gọi là hưởng đến chết. Do đạo lý hiện tại như vậy, nên rõ biết đạo lý quá khứ, vị lai. Đây gọi là năng chân chánh tư duy suy lường trung tế, quá khứ tế và vị lai tế.

Lại tức nương theo 4 chủng ngôn thuyết *thấy*, *nghe*, *hiểu*, *biết* nên biết tất cả nương ba lượng. Hai chủng ngôn thuyết hoặc *thấy*, hoặc *biết* là nương hiện lượng. Một chủng ngôn thuyết *hiểu* là nương tỷ lượng. Một chủng ngôn thuyết *nghe* là nương chí giáo lượng.

Lại nữa, do 5 chủng tướng chánh siêng phương tiện quán sát duyên khởi, năng tận các thứ khổ, năng tác biên khổ. Những gì là năm? 1. Quán sát nhân duyên sanh khởi của các pháp duyên sanh; 2. Quán sát nhân duyên kia diệt; 3. Như thật rõ biết năng hưởng đến kia diệt, tu tập chánh hạnh; 4. Tu hành tùy pháp hành pháp; 5. Ở nơi sự chứng đắc

lìa tăng thượng mạn. Như vậy gọi là khéo khởi quán sát và quả thành tựu viên mãn.

Ban đầu từ vị lai nương nhân duyên khổ, nghịch thứ lớp cho đến thức duyên danh sắc. Do bốn chủng tướng quán sát thông đạt tu tập chánh hạnh. Đó là do quán sát hai tướng “đương lai vì có nhân nên có quả; vì không nhân nên không quả”. Đã quán sát rồi, tu tập chánh hạnh thông đạt “nhân” không. Đã thông đạt rồi, lại chánh tu hành tùy pháp hành pháp. Lại chánh quán sát: “Ở trong hiện pháp vô minh làm duyên cho nghiệp mới; phước, phi phước, bất động là có nhân pháp, nên tùy nghiệp phước, phi phước, bất động đã hành ấy mà có quả thức. Vì kia không có, nên đây cũng không có”. Đã quán sát rồi, như trước thông đạt và chân chánh tu hành. Khi chánh tu hành không tạo vô minh làm duyên gây tạo nghiệp mới, nên tiếp xúc nghiệp cũ rồi chóng năng tiêu dung, ở trong hiện pháp chứng đắc hiện kiến thánh đạo, đạo quả Niết-bàn. Người kia lúc bấy giờ ví như thợ làm đồ gốm, nỏ lửa phiền não nung chín tùy miên, theo đó thân có thức cũng được nung chín như nung chín cái lu, đặt ở bờ Niết-bàn cực thanh lương, khiến lìa tất cả

phiền não thiêu đốt. Lại khiến thân có thức nhiếp lấy y được thanh lương. Nên biết như trước lãnh thọ thọ lượng của thân, cho đến nói rộng chưa xả mạng căn thường ở xứ *hàng trụ*, trọn không thối thất quả A-la-hán, cũng không năng tạo vô minh duyên hành.

Sao gọi là ở nơi sự chứng đắc lìa tăng thượng mạn? Vị kia lúc bấy giờ thành tựu trí kiến năng duyên duyên khởi diệt thiện thanh tịnh, khởi tư duy đây: “Nương thắng nghĩa đế không kể lưu chuyển, không người Niết-bàn; chỉ có pháp này sanh khiến pháp kia sanh, chỉ có pháp này diệt khiến pháp kia diệt”.

Lại nữa, lược có 2 chủng tăng thượng mạn: 1. Ở hàng hữu học tăng thượng mạn; 2. Ở hàng vô học tăng thượng mạn.

Nếu hàng hữu học tăng thượng mạn, kia bảo người rằng: “Ta đã vượt qua nghi, vĩnh viễn đoạn ba kiết. Ta đối với sở chứng hữu học giải thoát đã lìa do dự, đã nhổ tên độc, đã năng vĩnh viễn đoạn thân kiến là căn bản của tất cả kiến thứ”.

Nếu hàng vô học tăng thượng mạn, kia bảo người rằng: “Không còn việc nào vượt hơn để ta

đáng nên làm, chỗ nên quyết trách ta đều đã làm”. Hai chủng như vậy hoặc nương duyên khởi, hoặc nương Niết-bàn.

Lại khi nương điều Thánh thuyết như là xuất ly, thế gian, tánh không, tương ưng, thuận nghịch duyên khởi của tánh duyên thắm sâu... cũng không thể hiểu rõ, không tùy ngộ nhập. Do hai chủng nhân và duyên đây, ở nơi hiểu biết như thật mà phát khởi hoài nghi, đối với vĩnh viễn đoạn phiền não tương tục của tự thân, tác chứng Niết-bàn cũng sanh do dự. Vì cơ sao? Do hàng hữu học tăng thượng mạn kế chấp ngã ngã sở, thường đuổi theo nhập vào tác ý ngã mạn vi tế triển chuyển gián đoạn, không gián đoạn mà không thông đạt rõ biết. Lại nhậm vận giữ gìn Xa-ma-tha tương tục, ngăn phòng phiền não thô khiến không tạp loạn. Do nhân duyên đây, kia đối với chỗ chưa đắc sanh tướng đã đắc, đối với chỗ chưa phòng hộ sanh tướng đã phòng hộ, liền khoe khoang với người.

Lại hàng vô học tăng thượng mạn kia tự cho rằng “ta đã tịch tĩnh, ta đã Niết-bàn, ta đã lìa ái, ta đã lìa thủ” là đối với các tăng thượng mạn vi tế hiện hành chưa đoạn mà không thể rõ biết, đối

với chỗ chưa đắc sanh tướng đã đắc, đối với chỗ chưa phòng hộ sanh tướng đã phòng hộ, liền khoe khoang với người.

Lại nên biết người vô học tăng thượng mạn quyết định trước sanh khởi tăng thượng mạn đối với kẻ hữu học, thì không đúng nghĩa. Các hữu học đối với vô học trên khởi tăng thượng mạn. Vì có sao? Chẳng phải người vô học kia phiền não tương tục hiện hành, buộc tâm trụ bền chắc nơi ấy. Chỉ có lạc niệm mỏng yếu, tạm thời phiền não hiện hành, tầm lại thông đạt chóng năng xa lìa. Lại kia như vậy, hoặc do thời trước đối với chỗ chưa đắc khởi tăng thượng mạn đã đắc, hoặc ở thời nay đối với chỗ đã đắc sanh nghi hoặc do dự hoại nơi tâm, liền sanh ưu sầu khởi tư duy: “Nếu sở chứng của ta không chỗ có, thì sở chứng của người lẽ cũng không có”. Như vậy liền sanh tà kiến phỉ báng các bậc thánh, thọ nhân đi vào đường ác, chịu sự suy tổn lớn.

Sao gọi là những điều thăm sâu mà bậc Thánh thuyết, như trước đã nói? Đó là năng khai thị duyên khởi thăm sâu, cứu cánh Niết-bàn, ba tướng tương ưng thể tánh hữu vi, vô vi sai biệt: hữu vi vô thường,

vô vi thường trụ, các hành đều khổ, Niết-bàn tịch tĩnh; tất cả hữu vi nói chung chỉ là khổ và chỉ là nhân khổ, tất cả vô vi nói chung chỉ là các khổ và nhân vĩnh viễn diệt. Nếu các Bí-sô ở trong hiện pháp đặc Niết-bàn, vĩnh viễn đoạn các đường nhân khổ hậu hữu, khiến đời đương lai chỗ có quả khổ rốt ráo không chuyển, thời sau không tiếp nối khổ, nhân trước dẫn dắt khổ y hiện tại nhận vận mà diệt tận cho đến ngần mé khổ, nhập Vô dư y Bát-niết-bàn giới. Trong đây đều không người trước từng lưu chuyển, cũng không người nay Bát-niết-bàn. Nếu năng khai thị nghĩa như vậy, nên biết gọi là những điều thâm sâu mà bậc Thánh thuyết như trước đã nói.

Lại nữa, bản tánh duyên khởi tối cực thâm sâu, nếu có người năng khai thị khiến người khác dễ hiểu, nên biết do 2 nhân duyên: 1. Do Đại sư khéo khai thị; 2. Do bổ-đặc-già-la đây thành tựu trí thông mẫn sâu xa rộng lớn. Các cú nghĩa nói về người thuyết hoặc người nghe, nên biết như đã nói ở trước trong phần *Nhiếp dị môn*. Nên biết trong đây các pháp duyên khởi lược do 4 tướng tối cực thâm sâu. Những gì là bốn? 1. Do nhân quả vi tế

khó rõ biết; 2. Do vô ngã khó rõ biết; 3. Do hữu tình là hệ mà có hệ phược khó rõ biết; 4. Do hữu tình có hệ mà là hệ phược khó rõ biết.

1. Sao gọi là nhân quả vi tế khó rõ biết? Nương quán sát đạo lý thánh đế, bắt đầu từ lão tử cho đến thức duyên danh sắc, chỗ có chi hữu có *thể tánh* duyên.

Sao gọi là có *thể tánh* duyên? Ở trong đây hữu là nhân duyên của sanh, nếu đây chưa vĩnh viễn đoạn thì có sanh sanh khởi. Sanh đã sanh rồi chỉ đợi thời sau lão tử. Nên biết trong đây nhân duyên của sanh cũng gọi là sanh, nhân duyên phát khởi cũng gọi là sanh. Có sanh trước nên có sanh sau, có sanh sau nên có lão tử. Trong đây, sanh trước là nhân của sanh sau cũng là duyên với lão tử, sanh sau chỉ là duyên của lão tử. Như vậy tất cả nhiếp chung làm một lược thuyết là sanh duyên lão tử. Nên biết đây gọi là chi lão tử có *thể tánh* duyên thứ nhất. Như đã thuyết về chi sanh, thì chi hữu và chi thủ nên biết cũng an lập như vậy. Trong đây, thủ có sự sai khác ở chỗ là dục tham không sai biệt gọi là thủ. Chi thủ sai biệt an lập có bốn. Như vậy chi ái, hoặc vì môn cầu dục mà phát khởi các

nghiệp, hoặc vì môn cầu hữu mà phát khởi các nghiệp. Do môn nghiệp chỗ có các ái đây, nên biết quay về thọ ái, phi ái. Lại tức ái đây do môn sáu xứ phát khởi vô minh xúc sanh thọ làm duyên khiến chuyển. Lại có thọ khác không phải ái đây duyên, đó là thọ do minh xúc khiến sanh khởi và thọ do chẳng phải minh chẳng phải vô minh xúc sanh khởi. Lại tức thọ đây nên biết tất cả đều dụng tương tự xúc làm duyên. Sự việc đây thế nào? Đó là minh và vô minh tương ứng với tăng ngữ xúc. Trái tướng đây là hữu đối xúc. Lại minh xúc và vô minh xúc đây thuận theo tăng ngữ xúc, như chỗ thích hợp nên biết kia dụng lắng nghe chánh pháp hoặc chẳng phải chánh pháp; ở nơi cảnh sở duyên hoặc chánh hoặc tà, trí văn tư tu tương ứng các danh lấy làm duyên của kia. Chẳng phải minh chẳng phải vô minh xúc nhiếp lấy hữu đối xúc. Nên biết kia dụng hoặc nội, hoặc ngoại các sắc làm duyên. Như vậy gọi chung là danh sắc duyên xúc.

Lại tức sáu xứ có hai phần là danh và sắc cùng xúc làm duyên. Nên biết trong đây ý xứ phi sắc cùng tương ứng các pháp phi sắc khác, một phần như vậy thuyết gọi là danh. Các sắc xứ khác gom

chung làm một phần thuyết gọi là sắc. Lại danh sắc đây ở trong hiện pháp do thức tiếp nối sanh làm duyên dẫn dắt và năng giữ gìn khiến không tan hoại. Lại tức thức đây tiếp nối sanh rồi, về sau nương danh sắc trụ, hoặc đồng thời sanh, hoặc không gián đoạn sanh, nương kia mà chuyển. Nên ở hiện pháp đây cũng dụng danh sắc kia làm duyên. Nên biết danh sắc do nghiệp trước dẫn dắt và thức nương nhau triển chuyển, triển chuyển làm duyên. Như vậy nên biết thức duyên danh sắc lấy làm biên sau. Chỗ có chi hữu tùy theo tướng lão tử như trước đã thuyết, tùy chỗ thích hợp có thể tánh duyên. Như vậy gọi là nhân quả vi tế khó thể rõ biết. Vì khó rõ biết nên biết duyên khởi gọi là thăm sâu, tối cực thăm sâu.

2. Sao gọi là khó có thể rõ biết vô ngã? Đó là đã an lập các nhân quả duyên khởi, ngang việc như vậy ở trong khắp tất cả chúng hữu tình khởi tăng ngữ hữu tình không sai biệt, tức tăng ngữ đây nên biết là đường. Nương xứ đây có ngôn từ chuyển, thi thiết mỗi hữu tình đều riêng khác, đó là loài chim, cá, rắn, bọ cạp, người, trời... Lại mỗi một loài sai khác thì lập danh tự sai khác, như anh vũ, xá lợi,

khổng tước, hồng nhạn; Đa văn, Trì quốc, Tăng trưởng, Xú mục; Xá Lợi Tử, Cự Hiền Thiện, Cấp Cô Độc... Danh tự sai khác của tất cả nghĩa hình thành. Ngang việc như vậy ở nơi các ngôn thuyết thế tục gọi là “sĩ phu” có nói năng bàn luận chuyển, đó là các sở hữu thọ hoặc minh xúc sanh, hoặc vô minh xúc sanh, hoặc chẳng phải minh chẳng phải vô minh xúc sanh. Như vậy tất cả đều cùng cả hai danh và sắc. Nếu các danh sắc vĩnh viễn diệt không còn, thì sở hữu các thọ không thể được sanh. Nên biết đây gọi là duyên khởi vô ngã khó thể rõ biết.

3. Sao gọi là khó có thể rõ biết tánh hữu tình là hệ mà có hệ phược? Như ngoại đạo lãnh nạp cái thọ do xúc đối vô minh xúc mà sanh khởi do ba môn nên ở nơi vô ngã duyên sanh các hành đây mà khởi kiến thi thiết phân biệt “có ngã”.

Sao gọi là ba môn? 1. Ở Dục giới chưa đắc ly dục. Ở trong ba chủng thọ hệ buộc Dục giới, kế chấp hư vọng một phần là minh ngã sở, kế chấp hư vọng một phần là tánh thọ giả, khởi kiến thi thiết phân biệt “có ngã”; 2. Ở Dục giới đã đắc ly dục, ở Đệ tam tinh lự chưa đắc ly dục, chỉ ở nơi thọ lạc mà kế chấp cho là “có chỗ đắc”, tức kế chấp hư vọng

đây là minh ngã sở. Kế chấp khởi kiến thi thiết bên ngoài thọ đây riêng có thật ngã là kẻ năng thọ, ngã đây là có pháp thọ, tức dụng thọ kia lãnh nạp thọ đây; 3. Ở Đệ tam tĩnh lự trở lên, các thọ không khổ không lạc vi tế không thể thông đạt phân biệt có ngã, khởi kiến thi thiết “ở nơi các thọ đều chẳng có người thọ”.

Như vậy tất cả do ba chủng môn sanh khởi ngã kiến đều không đúng lý. Vì cơ sao? Bởi lẽ ba chủng thọ đều vô thường, nên chỗ kế chấp ngã lẽ cũng vô thường, cho nên kiến ba thọ kia là ngã thì không đúng đạo lý. Lại ở Đệ tứ tĩnh lự trở lên đều không thọ lạc, trong đây cũng không kẻ năng thọ lạc để kế chấp “Ngã ở kia thọ lạc nên gọi là có pháp thọ” thì không đúng đạo lý.

Lại ở Đệ tứ tĩnh lự trở lên cho đến Vô sắc định... kia kế chấp “ngã lẽ không cảm thọ”. Kia do định tịch tĩnh phát sanh thọ, phát khởi ngã mạn cho là “ngã tịch tĩnh”. Mạn đây lẽ không, nhưng lại có mạn đây, cho nên kế chấp đây cũng không đúng lý. Nên biết trong ấy nếu các duyên khởi không thăm sâu, thì kẻ kia lẽ không có như vậy mà vô trí kế chấp hư vọng hoại mất như vậy. Các

Thánh đệ tử nội pháp đa văn ở nơi các thọ do xúc đối minh xúc sanh khởi, rõ biết tất cả chỗ khởi ngã kiến đều không đúng lý, cho nên quán kiến các pháp vô ngã. Kia ở nơi thế tục và thắng nghĩa để đều được thiện xảo, cho nên như trước đã thuyết, ở nơi Như Lai diệt về sau hoặc có hoặc không, cho đến chẳng phải có chẳng phải không, đều không chấp trước. Đối với việc như vậy mà tâm được giải thoát. Giả sử có người đến hỏi “Như vậy là có chẳng?”, như chỗ thích hợp mà không ký biệt. Như vậy là không, hoặc vừa có vừa không, hoặc chẳng phải có chẳng phải không, như chỗ thích hợp đều không ký biệt. Như vậy các vị kia do diệu trí làm tiền dẫn mà không ký biệt. Nếu có kẻ cho rằng đây là người vô trí, nên biết kẻ ấy là cực đại vô trí, cực đại tà kiến.

Lại kẻ kia như vậy hành theo kiến ngoại đạo, ở trong hiện pháp nương ba chủng vọng kiến như trước thuyết, hoặc thi thiết ngã đây là hữu sắc, hoặc thi thiết ngã đây là vô sắc, hoặc thi thiết ngã là hẹp nhỏ, hoặc thi thiết ngã là vô lượng. Như hiện pháp khởi kiến thi thiết phân biệt “ngã là chân thật có được”, như vậy đương lai khởi kiến

phân biệt vì người thi thiết nên biết cũng vậy. Tuy có nhiều chủng hư vọng phân biệt ngã, nhưng vì chỉ có một loại hữu thân kiến tùy miên hệ buộc. Vì chưa đoạn kia, nên tuy các kẻ đạo thế tục dần dần lìa hệ phược cho đến Hữu danh, nhưng do thấp kém nên biết kia vẫn gọi là hệ phược. Như vậy gọi là diệu trí thiện xảo dùng các duyên khởi, năng tùy ngộ nhập “hữu tình lìa hệ mà có hệ phược, tánh khó rõ biết”.

4. Sao gọi là hữu tình có hệ mà lìa hệ phược, tánh khó rõ biết? Đó là các Thánh đệ tử đa văn vì xúc đối minh xúc phát sanh thọ, nên ở trong hiện pháp không đắc “thật ngã”, cũng không thi thiết. Thân hoại rồi về sau cũng không ở trong bảy thức trụ kia thi thiết tất cả chúng hữu tình, hoàn trở lại ở cõi dưới tiếp nối sanh thức xứ.

Lại ở cõi sanh khởi thức xứ, vị kia ở nơi thức trụ và ở nơi hai xứ, lúc dụng các duyên khởi, đạo lý thánh đế như thật quán, thành A-la-hán, hoặc A-la-hán tuệ giải thoát, hoặc A-la-hán câu giải thoát, đầy đủ tám giải thoát tịnh lự đẳng chí. Vị kia ở hiện pháp tuy năng hiện thấy có sanh lão tử, nhưng gọi là từ kia mà được lìa hệ. Tuy lại hiện kiến lãnh

nạp các thọ, nhưng gọi là ở nơi thọ mà được lìa hệ. Tuy lại hiện kiến có thức, danh, sắc, nhưng gọi là ở nơi kia mà được lìa hệ. Như vậy gọi là diệu trí thiện xảo dụng các duyên khởi, như thật rõ biết “hữu tình có hệ mà lìa hệ phục, tánh khó rõ biết”.

Như vậy do bốn tướng đã nói trên, nên biết duyên khởi gọi là thâm sâu, tối cực thâm sâu.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

*Khác, thế tục, thắng nghĩa
Pháp nhĩ, đây làm thấy
Đại không và phân biệt
Mình làm là rốt sau.*

Ở trong chánh pháp Tỳ-nại-da đây, kẻ ngu, người trí, cả hai từ tiền tế đến trung tế, khắp do hai chủng phiền não căn bản tập thành “thân có thức”. Thân đây làm duyên, ở bên ngoài thuộc sở hữu tình, chẳng phải hữu tình, danh sắc nhiếp lấy cảnh giới sở duyên, lãnh nạp ba thọ. Nhưng ở nơi tất cả tiền, trung, hậu tế kia người trí và kẻ ngu có sự sai biệt lớn. Nên biết trong đây ở trung tế có sai biệt, tức là do hai chủng phiền não căn bản tập thành “thân có thức” như vậy, ở trong hiện pháp

hai chủng dây đều đoạn. Vì hai dây đoạn, nên ở đời đương lai lại không có thức kia đi theo thân. Dây tức gọi là ở hậu tế sai biệt.

Hỏi: Duyên nào người trí thành tựu tánh của người trí?

Đáp: Ở trong hiện pháp sở hữu tập đế và hậu tế sở hữu khổ đế đều là hệ buộc.

Hỏi: Duyên nào kẻ ngu thành tánh kẻ ngu?

Đáp: Vì không có lực năng đoạn hai kia.

Đã từng huân tập thuận thánh giáo gọi là người trí, vì trước đã tầm cầu tư lương trí nhiếp các phạm hạnh. Ở nơi thánh giáo chưa từng tu tập gọi là kẻ ngu, vì trước không tầm cầu tư lương trí nhiếp các phạm hạnh. Nên biết đây gọi là kẻ ngu, người trí ở tiền tế sai biệt.

Lại nữa, các Thánh đệ tử đa văn ở nơi các duyên khởi thiện xảo, như thật rõ biết đạo lý hai đế là thế tục đế và thắng nghĩa đế. Vì như thật biết, ở trong hiện pháp thân có thức... chỗ có các pháp rõ biết vô ngã, trọn không chấp kia cho là ngã, ngã sở.

Do ở nơi thắng nghĩa được thiện xảo, nên không sanh tà chấp. Ở nơi hữu tình đọa trong các hành

tương tục của nghiệp chính mình tạo tác, như thật rõ biết không có triển chuyển người làm mình làm, cũng không tạo tác nghĩa kết tường. Rõ biết đây rồi bèn chánh siêng tu là hệ buộc phiền não.

Do ở nơi thế tục được thiện xảo, nên xa là chỗ có tăng thêm những điều không thật có, tổn giảm những điều thật có. Ở trong hiện pháp người kia đối với “thân có thức” trước đã tạo tác, tư duy chỗ mong muốn của kia, tư duy chỗ kiến lập của kia. Do thế nguyện nên văn-tư thành tựu diệu tuệ, lấy duyên khởi thiện xảo làm chỗ nương, dụng Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na tu tập thành tựu hạnh năng tùy ngộ nhập. Lại ở nơi thức, xúc, thọ, tưởng, tư, thân trải qua quán là khổ. Lại khi quán ái thân sai biệt nên biết tức là quán sát tập đế. Vị kia ở nơi hai đế có *sanh diệt trí*, như thật rõ biết do có nhân tập nên như chỗ ấy tập, do nhân diệt nên như chỗ ấy diệt. Đó là do tác ý tu tập định địa thế gian, nhân duyên tác ý như vậy nhập đế hiện quán. Vị kia vào thời trước ở nơi thế gian tập và thế gian diệt, do tuệ văn tư mà gọi là khéo thấy, cũng gọi là khéo biết; do tuệ tu, nên gọi là khéo tư duy. Nay ở nơi thánh đế, lúc nhập hiện quán gọi là khéo liễu,

cũng gọi là khéo thông đạt. Do tận sở hữu, như sở hữu, nên tùy theo thứ lớp ấy, bấy giờ nếu do tuệ văn tư gọi là hướng đến chánh pháp, do tuệ tu gọi là thân cận chánh pháp, do thông đạt để gọi là chứng chánh pháp. Lại do hướng đến, do thân cận chánh pháp, nên gọi là đến nguồn đáy; do chứng chánh pháp gọi là đến khắp nguồn đáy. Lại tuệ hữu học gọi là nhập thế gian. Diệu tuệ *ra khỏi, tận diệt* đây vì vô lậu, vì tương tục trong thánh mới có được, nên gọi là Thánh tuệ. Vì năng tận diệt, năng ra khỏi tất cả phiền não và các khổ, nên gọi là tuệ xuất ly. Vì năng thông đạt tối cực rốt ráo, nên gọi là tuệ quyết trạch. Vị kia đã thành tựu diệu tuệ như vậy, lại khởi suy nghĩ: “Ta sẽ tinh tấn đoạn tất cả sở hữu phiền não về sau”, tức đổi việc đây nhiều tu tập, nên ở nơi tu đạo vượt khỏi phiền não sót thừa, tận diệt tất cả khổ. Như vậy hiển thị sở hữu chánh đạo từ sơ nghiệp địa cho đến thành tựu quả A-la-hán.

Lại nữa, do hai nhân duyên ở nơi các duyên khởi và pháp duyên sanh kiến lập hai phần đạo lý sai biệt, đó là như chỗ lưu chuyển và các chỗ lưu chuyển.

Nên biết trong đây có mười hai chi lưu chuyển sai biệt, lại như chỗ thích hợp thứ lớp lưu chuyển đúng lý nhân quả. Lại thứ lớp đúng lý nhân quả đây, từ thời vô thủy đến nay triển chuyển an lạc, gọi là pháp tánh. Do đời hiện tại gọi là pháp trụ. Do đời quá khứ gọi là pháp định. Do đời vị lai gọi là pháp như tánh. Chẳng phải không tánh nhân nên gọi là như tánh. Chẳng phải không như tánh, như thật tánh nhân, nên gọi là thật tánh. Như thật quả tánh nên gọi là đế tánh. Sở tri thật tánh nên gọi là chân tánh. Do tánh y xứ như thật trí, nên gọi là không điên đảo tánh, chẳng phải điên đảo tánh. Do tánh y xứ vẫn tự kiến lập tương ưng tất cả duyên khởi kia, nên gọi là duyên khởi đây thuận thứ lớp tánh.

Lại hai chủng thiện xảo đây, các Thánh đệ tử đa văn ở trong ba đời như thật rõ biết, xa lìa tất cả tác ý phi lý. Ở nơi thánh đế năng nhập hiện quán, ở nơi các kiến thú ngoại đạo năng được lìa hệ buộc. Nên biết như phần “Hướng đến...” đã rộng thuyết ở trước.

Lại duyên khởi kia từ thời vô thủy đến nay nhân quả triển chuyển lưu chuyển tương tục. Như

Lại ở nơi thật tánh lưu chuyển đây hiện Đẳng Giác rồi, dùng trí vi diệu khởi chánh ngôn từ phương tiện khai thị “Không phải sanh, không phải làm tạo”. Nên biết trong đây từ thời vô thủy đến nay nhân quả triển chuyển pháp trụ pháp tánh. Do kia tương ưng danh, cú, văn thân, vì khiến hiểu rõ nên tùy thuận kiến lập pháp trụ, pháp giới, chủng tánh, y xứ.

Lại nữa, do hai nhân duyên mà ở nơi tác đây thọ đây, tác khác thọ khác không nên ký biệt. Sao gọi là hai? 1. Vì chỉ mỗi một nhân quả phụ thuộc lẫn nhau, vì các hành tương tục trước sau khác nhau; 2. Khác đây, tác giả, thọ giả chẳng thể có được. Nếu ở luận đây không lãnh thọ, không chấp thủ, dùng hành trung đạo, như chỉ dùng nhân quả mà chánh ký biệt, thì cũng không có lỗi.

Lại nữa, tất cả vô ngã không có sai biệt, gọi chung là không, đó là bổ-đặc-già-la vô ngã và pháp vô ngã.

Bổ-đặc-già-la vô ngã: đó là lìa ngoài tất cả duyên sanh hành riêng có thật ngã thì chẳng thể được.

Pháp vô ngã: tức tất cả duyên sanh các hành

tánh không phải thật ngã, vì vô thường vậy.

Hai chủng như vậy lược nhiếp làm một, ở xứ kia thuyết đây gọi là đại không. Đó là nếu có người lìa ngôn thuyết thế tục, kiến hư vọng làm chỗ nương, khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Có vật riêng khác pháp duyên sanh”; hoặc “Pháp duyên sanh khác kia thuộc kia”. Đây nương vọng kiến, chẳng phải trụ phạm hạnh. Vì cố sao? Do kiến như vậy nương “không” thứ nhất mà kiến sở tri chuyển, vì người phát khởi kiến đây không xứng với giải thoát. Hoặc lại tức trong danh sắc nhiếp lấy pháp duyên sanh, nương ba chủng kiến hư vọng như trước thuyết, khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Mạng tức là thân”, cho đến nói rộng. Như vậy cũng chẳng phải an trụ phạm hạnh. Vì cố sao? Do kiến như vậy nương “không” thứ hai mà kiến sở tri chuyển, vì người phát khởi kiến đây không xứng với giải thoát. Xa lìa hai biên tà kiến như vậy, chỉ kiến nhân quả, gọi là hành trung đạo. Sở tri chân như gọi là như thật tánh. Năng tri chân như gọi là không điên đảo tánh. Ở nơi các hành, giả thi thiết có, tức là “Chính là các hành, các hành thuộc kia”. Nếu nương thắng nghĩa có như vậy, thì tất cả hành

kia hoặc diệt, hoặc đoạn, sao lại khá thuyết “Chính là các hành, các hành thuộc kia”? Bởi lúc bấy giờ hai chủng như vậy đều chẳng thể có được.

Lại nữa, do 2 nhân duyên nên biết thi thiết sở hữu duyên khởi tất cả chủng tướng, đó là nêu cử chung hoặc phân biệt riêng. Sao gọi là hai? 1. Vì tánh như sở hữu; 2. Vì tánh tận sở hữu.

Sao gọi là tánh như sở hữu? Đó là các pháp duyên sanh như vô minh... thứ lớp tương ưng thể tánh nhân quả. Vì nhân đây chưa đoạn, nên có quả kia chưa đoạn. Vì đây chưa đoạn nhân sanh, nên kia chưa đoạn quả sanh. Như vậy gọi là tánh như sở hữu.

Sao gọi là tánh tận sở hữu? Là tất cả chủng tướng của các duyên sanh hành như vô minh... Như vô minh kia là do ở nơi tiền tế không hiểu biết, cho đến nói rộng thể tướng sai biệt. Danh rộng phân biệt nên biết như phần *Nhiếp dị môn* ở trước. Kiến lập phân biệt nên biết như trước. Như vậy gọi là tánh tận sở hữu. Tức nương tánh tận sở hữu, tánh như sở hữu như vậy, hoặc nêu cử chung, hoặc phân biệt riêng. Trước nêu ra chung gọi là ban đầu, về sau tức ở đây lại rộng khai thị gọi là phân biệt.

Lại nữa, do 2 nhân duyên tự tạo ra khổ vui mà không thể thi thiết, không thể ký biệt. Như vậy người tạo ra, mình người tạo ra, không phải mình không phải người tạo ra, không nhân mà sanh nên biết cũng vậy.

Sao gọi là hai? 1. Các hành như trước đã thuyết không có tác dụng; 2. Vì khác đây, tác giả, hữu tình không thể có được. Trong đây vì các hành không có tác dụng, nên đây thọ, đây lãnh tự tạo tác khổ vui thì không đúng đạo lý. Lại vì khác đây, tác giả, hữu tình không thể có được, nên thọ khác, lãnh khác không đúng đạo lý; nên thọ sự khát ái, nhiếp thọ người thọ cũng không đúng lý. Vì có các duyên, nên các thọ được sanh, nên không nhân sanh cũng không đúng lý. Cho nên trước xa lìa ba chủng luận biên ác nhân, về sau xa lìa một chủng luận biên không nhân, hiểu rõ như trước; dạy hành trung đạo, siêng tu chánh hạnh, năng tận các thứ khổ.

Quyển 94

Thứ 3. NHIẾP TRẠCH SỰ

DUYÊN KHỞI - THỰC - ĐẾ - GIỚI KHẾ KINH

Phần 2

Ốt-Đà-Nam nói:

*Xúc duyên, kiến viên mãn
Thật, giải, không yêu thích
Pháp trụ trí, tinh tấn
Sanh xứ thấy đi sau.*

Ở trong tất cả xúc duyên thọ cho đến hữu, lược có ba chủng ký biệt không điên đảo: 1. Ký khai hiển tông mình; 2. Ký điều phục tông người; 3. Ký có chấp, không chấp, tạp nhiễm, thanh tịnh.

Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn tuyên nói luận không nhân, ác nhân như trước, thỉnh hỏi đây làm, đây thọ, cho đến nói rộng Đại sư, đệ tử an trụ chánh pháp hoặc thù thắng, hoặc thấp kém. Nên biết trong đây đối với điều kia hỏi không ký sai biệt, tức ký “Các khổ vui đều từ duyên sanh” là

tông của ta truyền đạt. Đây gọi là ký khai hiển tông mình.

Nếu đối với điều kia hỏi, tác ký như vậy: “Các kế chấp khổ vui do mình làm, người làm, mình người làm, không phải mình người làm, không nhân mà sanh... ở tất cả xứ do xúc sanh thọ, dụng cái gì mà kế chấp hư vọng cho là mình người làm? Nếu xúc nhân thọ hiện không có được, lại cầu nhân khác tức là diệu khéo. Nhưng xúc nhân thọ đã hiện có được, thì cầu nhân khác chẳng phải diệu khéo”. Người ký như vậy chính là ký điều phục tông người. Vì cơ sao? Do 2 nhân duyên kia bị chiết phục: 1. Vì loại trừ căn, cảnh và thức hòa hợp, không thể chỉ ra kẻ tạo làm khác; 2. Không thể bác bỏ tất cả hiện lượng thế gian như lý về nhân duyên có được xúc. Lại kia chẳng thể thiết lập tông mình, nên cũng không thể phá tông người, gọi là bị chiết phục.

Nếu đối với điều kia hỏi tác ký như vậy: “Ta cũng chỉ nương căn, cảnh giới, thức giả lập mình làm, người làm, mình người làm, hoặc khổ hoặc vui, mà nơi thật ngã đều không chỗ chấp. Ông ở trong đây vì tà chấp trước nên chẳng tin theo. Vì

có sao? Nếu có chấp trước tức là tạp nhiễm, nếu không chấp trước tức là thanh tịnh”.

Sao gọi là nếu có chấp trước tức là tạp nhiễm? Bởi những kẻ thế gian kia không thông tuệ, nếu ở tiền tế có chỗ chấp trước vô minh duyên hành, nói rộng như trước, bèn ở nơi trung tế khổ vui tạp nhiễm. Nếu ở trung tế có sự chấp trước, kẻ kia cũng như trước ở nơi hậu tế khổ vui tạp nhiễm.

Sao gọi là nếu không chấp trước tức là thanh tịnh? Bởi những bậc thông tuệ hoặc ở tiền tế, hoặc ở trung tế, không ở nơi các hành chấp ngã ngã sở. Kia ở tiền tế nhân các thọ diệt rồi Bát-niết-bàn, hoặc ở hậu tế nhân các thọ diệt sẽ Bát-niết-bàn.

Như vậy gọi là ký có chấp, không chấp, tạp nhiễm, thanh tịnh thứ ba.

Lại nữa, nếu có người xả bỏ không nhân, ác nhân, đối trong nhân sanh pháp có năm chủng nhân mà có được chánh kiến, gọi là kiến viên mãn. Do ở nơi chánh pháp đây và Tỳ-nại-da không bị động chuyển, cũng được gọi là thành tựu kiến chánh trực. Do đối với Niết-bàn ý lạc thanh tịnh, nên cũng gọi là ở nơi Phật thành tựu chứng tịnh. Do ở nơi cảnh sở tri, trí thanh tịnh. Do thứ lớp ba

duyên như vậy, gọi là hướng đến gần gũi chánh pháp và chúng đắc chân chánh.

Sao gọi là từ nhân sanh pháp có 5 chủng nhân?

1. Nhân đường ác, đó là các bất thiện và bất thiện căn; 2. Nhân đường thiện, đó là tất cả thiện và các thiện căn; 3. Nhân ở nơi thức trụ khiến thức trụ, đó là bốn chủng thực; 4. Nhân hiện pháp hậu pháp tạp nhiễm, đó là tất cả lậu; 5. Nhân thanh tịnh, đó là duyên khởi đế. Nếu có người ở nơi tự tánh các nhân đây như thật rõ biết là tự tánh ấy, ở nhân duyên đây như thật liễu tri là nhân duyên ấy, ở nhân duyên diệt như thật rõ biết chân thật là diệt, ở nơi hướng đến diệt đạo như thật rõ biết chân thật là đạo, gọi là kiến viên mãn. Vì quán duyên sanh sự cho đến vô minh làm ngăn mé, nên vượt quá đây lại không quán duyên sanh “nhân”, chỉ do quán đây tự nghĩa rốt ráo.

Lại nữa, lược có 3 chủng ở trong hiện pháp chân thật tịch diệt, cho đến thọ lượng chưa dừng hẳn, hằng tương tục chuyển cảnh sự sở tri. Ở nơi kia, hàng hữu học lúc đang tu hành, thi thiết tánh học. Ở nơi kia, hàng vô học khởi tư duy đây: “Ta tận tất cả, chẳng lại sẽ tận, chỗ tư trạch của tận

trí, vô sanh trí”, nên gọi là tư trạch pháp.

Sao gọi là ba? 1. Sáu xứ; 2. Sáu xứ duyên xúc; 3. Xúc duyên thọ. Nên biết trong đây các Thánh đệ tử đa văn theo chỗ lãnh thọ liền ở nơi thọ kia như thật biết khắp; lại tức đối với kia chán lìa, dục diệt, siêng tu chánh hạnh. Lại năng như thật rõ biết xúc dẫn sanh thọ kia xúc trở lại do sáu xứ kia dẫn sanh, tức ở nơi xúc kia dẫn nhân sáu xứ, chán lìa, dục diệt, siêng tu chánh hạnh.

Lại ở nơi sự thật của tất cả thọ, xúc và sáu xứ kia lược nhiếp làm một, rõ biết tất cả đều do vô thường diệt, gọi là diệt pháp. Ở trong hiện pháp, đối với sự thật của tất cả ba chủng vô thường diệt pháp đây, như trước tu hành chán lìa, dục diệt. Do chánh hạnh đây gọi là học thường thuận theo. Lại do tu hành chánh hạnh đây, nên không chỗ gây tạo, rốt ráo giải thoát, cho nên gọi là trạch pháp thường thuận theo. Vì muốn chứng đắc điều chưa từng chứng, chưa từng đắc, nên tu gia hạnh không gián đoạn, ân trọng, phương tiện, gọi là học thường thuận theo. Vì ở nơi sở hữu hiện pháp lạc trú không thối thất, thực hành không gián đoạn, thực hành ân trọng, do đây gọi là trạch pháp thường

thuận theo. Thuyết tất cả sự pháp với cảnh, cú, văn thân tăng thượng, gọi là pháp giới. Vì những bậc đã thành tựu vô ngại giải, nên danh, cú, văn thân được tùy muốn tự tại, cho nên gọi là khéo thông đạt pháp giới. Do ở nơi pháp giới đã khéo thông đạt, tức ở nghĩa tướng chân thật như vậy lại dùng tên gọi khác tùy theo ý muốn mà tuyên thuyết sai biệt, cho đến có đủ năng lực ở trong bảy ngày, bảy đêm, hoặc hơn lượng kia biện thuyết văn từ không cùng tận. Lại dùng chủng loại sai biệt, như thật tuyên thuyết kia là hữu vi, tư duy chỗ tạo tác, động chuyển, yếu kém, nhất thời... như bệnh, như ung... cho đến nói rộng.

Lại nữa, nên biết các A-la-hán đầy đủ sở giải, lược có 6 chủng ký biệt tri giải: 1. Ký biệt có dị môn; 2. Ký biệt không dị môn; 3. Ký biệt trí; 4. Ký biệt đoạn; 5. Ký biệt chung; 6. Ký biệt riêng.

Ký biệt có dị môn: Như có người do có người thỉnh hỏi, hoặc tự nhiên, vì muốn khiến người đối với lời Phật thánh dạy khởi nhiều cung kính, nên ký như vậy: “Nay ta không một chút nghĩ hoặc”.

Ký biệt không dị môn: Như tác ký: “Ta sanh đã tận”, cho đến nói rộng.

Ký biệt trí: Như có người hỏi rằng: “Cớ sao biết, cớ sao thấy sanh kia đã tận?”. Liền ký biệt rằng: “Vì duyên sanh tận, nên sanh kia tận”. Dùng tướng ký biệt như vậy tự mình khéo giải thoát trí nhiếp lấy tận trí, gọi là ký biệt trí.

Ký biệt riêng: Tức ở đây ký biệt: “Nhân duyên hữu kia”. Lại ký biệt: “Nhân duyên sanh kia, nhân duyên các thủ”. Lại ký biệt: “Tướng các thủ đây vì như thật biết, vì như thật thấy, khiến thủ không có”.

Ký biệt chung: Ở nơi tất cả điều đã ký đây, rõ biết sở hữu các thọ đều khổ, đã rõ biết rồi khiến sanh kia tận. Người ký như vậy gọi là ký biệt chung.

Ký biệt đoạn: Do bên trong giải thoát khỏi kia, nên tất cả nhân duyên tham ái đều tận. Người ký như vậy gọi là ký biệt đoạn. Ký biệt đoạn đây nếu như trước thuyết gọi là ký biệt riêng. Nếu lược do 3 chủng hành tướng thì gọi là ký biệt chung. Như đức Bạc-Già-Phạm thuyết: “Ta đều không còn các kiết”, đây gọi là ký biệt đoạn chung thứ nhất, đó là các hữu kiết đều vĩnh viễn đoạn. Lại: “Ta an trụ chánh niệm như vậy. Do ta an trụ chánh niệm đây, tất cả tham ưu, pháp ác bất thiện năng khiến

rốt ráo không rỉ lậu nơi tâm”, đây gọi là ký biệt đoạn chung thứ hai, đó là hằng trụ. Lại: “Ở trong đây tự không kiêu mạn”, đây gọi là ký biệt đoạn chung thứ ba, đó là không có tăng thượng mạn sót thừa. Như vậy tổng thuyết có sáu ký biệt.

Lại nữa, có 3 chủng pháp là chỗ yêu thích của thế gian, nương bên trong mà thuyết: 1. Thế lực; 2. Diệu sắc; 3. Thọ mạng. Lại có 3 chủng pháp riêng không đáng yêu thích, năng trái ngược tổn hại 3 pháp trên: 1. Tật bệnh; 2. Già suy; 3. Chết yếu. Nếu ở nơi ba học mà khởi tà hạnh, liền không kham nhiệm năng vượt qua tật bệnh, già suy và chết yếu. Nếu ở nơi ba học khởi chánh hạnh, liền năng vượt qua ba sự như vậy. Sao gọi là ba học? 1. Tăng thượng giới học; 2. Tăng thượng tâm học; 3. Tăng thượng tuệ học.

1. Sao gọi là nương sở hữu tăng thượng giới học phát khởi các tà hạnh? Như có người ở trong học đầu tiên mà có chỗ phạm, hoặc quán nơi mình, hoặc quán nơi người, không biết hổ thẹn. Đã tự mình trụ không hổ thẹn, liền ở nơi tất cả pháp ác bất thiện không tự phòng hộ. Đã ở nơi pháp kia không tự phòng hộ, thì đối với Phật Pháp Tăng

cũng không khởi cung kính và đối với các sở học dạy trao dạy răn đều không kính quý, lại thêm tránh xa. Do nhân duyên đây, nếu ở nơi sự việc đây có người chân chánh cử tội, can ngăn, liền đối với lời khuyên can của người không thể nhẫn thọ, tự mình cũng im lặng không cùng giao tiếp. Nếu bổ-đặc-già-la năng chân chánh phân tích điều phải điều quấy, cùng cử tội và khuyên can, thì kẻ kia càng tăng thêm chống trái xa lìa. Đối với kẻ hành tà hạnh đồng pháp thì gần gũi giao du, thích cùng cộng trú. Do cùng bạn ác chung sống, nên đối với các bậc Thánh hiền còn sanh ganh ghét chống trái, hướng sẽ đến kia cung kính thân cận. Giả sử có đến, các bậc Thánh vì kia tuyên thuyết chánh pháp, nhưng vì tăng thêm chống trái nên chẳng muốn nghe, giả sử có chú tâm lắng tai nghe cũng không kính thuận, chỉ ôm lòng tranh cãi trái nghịch, không vì cầu học mà lắng nghe. Ở trong phân biệt chánh hạnh thị xứ, phi xứ mà các bậc trí luận nói, thì không vui an trụ. Do tâm kẻ kia ôm lòng chống trái, nên tuy lắng nghe mà không tín thọ, cũng không nương theo đó hành trì. Lại, các bậc Hiền thánh im lặng không nói, kẻ kia liền

khởi suy nghĩ: “Hành giả như vậy chẳng kham dạy răn dạy trao”. Kẻ kia không pháp chế ngự bản thân, lại bị sự xả bỏ của các bậc Hiền thánh, nên trong tâm hằng không tịch tĩnh, ngoài thân ngũ ý tạp loạn xấu xa, ác tham lam mạnh mẽ, miệng phát lời cao ngạo. Ở nơi các việc như vậy không thấy tội lỗi, nhiều lỗi hủy phạm, chẳng như pháp hối. Do nhiều tập quen nên dần dần hủy phạm tất cả giới luật. Nên biết đây gọi là nương sở hữu tăng thượng giới học phát khởi các tà hạnh. Trái tướng đây nên biết tức là nương sở hữu tăng thượng giới học phát khởi các chánh hạnh.

2. Sao gọi là nương sở hữu tăng thượng tâm học phát khởi các tà hạnh? Vào thời hành, ở nơi cảnh giới không như chánh lý chấp thủ các tướng tùy hảo. Do nhân duyên đây phát khởi vọng niệm, tức ở trong đây không quán lỗi lầm tai họa, phiền não sanh rồi kiên cố chấp đắm chẳng xả. Do nhân duyên đây không trụ chánh biết. Vào thời trụ, ở chốn viễn ly không an trú gì khác, tức lấy vọng niệm trụ không chánh biết làm chỗ nương, tâm lưu tán buông thả bên ngoài. Như vậy gọi là nương sở hữu tăng thượng tâm học phát khởi các tà hạnh.

Trái với tướng đây nên biết tức là nương sở hữu tăng thượng tâm học phát khởi các chánh hạnh.

3. Sao gọi là nương sở hữu tăng thượng tuệ học phát khởi các tà hạnh? Như có người xa lìa thân cận các bậc Hiền thánh, nương gần bạn ác, nghe pháp bất chánh làm nhân tin hiểu, không như lý tư trạch các pháp. Đối với các ác dục và các ác kiến vui muốn thọ hành. Đối với sở học rộng lớn, chỗ đắc pháp vi diệu lại tự mình khinh miệt. Như vậy gọi là nương sở hữu tăng thượng tuệ học phát khởi các tà hạnh. Trái với tướng đây nên biết tức là nương sở hữu tăng thượng tuệ học phát khởi các chánh hạnh.

Trong đây, bổ-đặc-già-la dị sanh nương ba chủng học như vậy mà khởi tà hạnh, không thể kham năng vượt qua dị sanh địa, điên đảo không thể thú nhập chánh tánh ly sanh, không thể vĩnh viễn đoạn ba kiết. Do không vĩnh viễn đoạn ba chủng kiết, nên không kham năng nương tu đạo, đắc A-la-hán. Trong hiện pháp không kham năng vĩnh viễn đoạn tham sân si không sót thừa, không thể vượt qua tất cả phiền não tật bệnh, suy lão, cho đến chết yếu... ở đương lai. Trái tướng đây, nên

biết tức là ở trong ba học như thật chánh hành tất cả phẩm bạch, nói rộng cho đến vượt qua bệnh tật, già suy cùng với chết yếu ở đương lai.

Lại nữa, nếu có Bí-sô đầy đủ tịnh giới, an trụ luật nghi Biệt giải thoát thanh tịnh, tăng thượng tâm học. Do lực tăng thượng nên đắc Sơ tĩnh lự, phần cận nhiếp lấy thắng tam-ma-địa làm chỗ nương, tăng thượng tuệ học. Do lực tăng thượng nên đạt được pháp trụ trí và Niết-bàn trí, dung hai trí đây làm chỗ nương. Lại do bốn chủng viên mãn viễn ly đã thọ học từ trước, nay triển chuyển khiến tâm giải thoát tất cả phiền não, đắc A-la-hán, thành tựu tuệ giải thoát.

Sao gọi là pháp trụ trí? Như có người đã lắng nghe rồi, đã thuận theo lời dạy duyên khởi của tánh duyên không điên đảo rồi, đối với phần vị nhân quả của duyên sanh hành, trụ dị sanh địa, liền năng như thật dùng văn-tư-tu thành tựu tác ý như lý tư duy, năng dùng diệu tuệ ngộ nhập tin hiểu khổ chân thật là khổ, tập chân thật là tập, diệt chân thật là diệt, đạo chân thật là đạo. Chỗ có các diệu trí như vậy xứng với pháp nhân quả đã an lập, gọi là pháp trụ trí.

Sao gọi là Niết-bàn trí? Nương pháp nhĩ, ở nơi khổ, tập, diệt, đạo lúc dùng diệu tuệ đây tin hiểu ngộ nhập chính là chân khổ, tập, diệt, đạo đế, liền ở nơi khổ tập trụ tướng chán nghịch, đối với diệt Niết-bàn khởi tướng tịch tĩnh, chỗ gọi là rốt ráo tịch tĩnh vi diệu, xả bỏ tất cả chỗ nương tựa sanh tử, cho đến nói rộng. Như vậy chỉ nương pháp trụ trí kia và nhân nơi khổ hoặc nhân duyên khổ mà trụ tướng chán nghịch, bèn đối với Niết-bàn năng dùng diệu tuệ tin hiểu ngộ nhập là tịch tĩnh thấy. Diệu trí như vậy gọi là Niết-bàn trí.

Lại nữa, ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, các bậc thông tuệ chánh quán 6 chủng viên mãn hoàn toàn hiện tiền, đủ năng phát khởi an trụ siêng tinh tấn.

Sao gọi là 6 chủng viên mãn hoàn toàn? 1. Đại sư viên mãn hoàn toàn; 2. Thánh giáo viên mãn hoàn toàn; 3. Thánh giáo dễ nhập viên mãn hoàn toàn; 4. Chứng được tự nghĩa vô thượng viên mãn hoàn toàn; 5. Tuyên thuyết tất cả như lý không gián đoạn viên mãn hoàn toàn; 6. Có thánh ngôn sắp đầy đủ viên mãn hoàn toàn.

1. Đại sư viên mãn hoàn toàn: Là chư Như Lai

thành tựu mười lức, bốn vô sở úy... Hết thấy như vậy gọi là Đại sư viên mãn hoàn toàn.

2. Thánh giáo viên mãn hoàn toàn: Đó là tự xưng lời: “Nay Ta ở ngôi vị Đại Tiên Tôn năng chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng chánh Sư tử hống, khai thị tất cả thuận nghịch duyên khởi, Niết-bàn tịch diệt”. Hết thấy như vậy gọi là thánh giáo viên mãn hoàn toàn.

3. Thánh giáo dễ nhập viên mãn hoàn toàn: Chỗ có văn cú của thánh giáo đây, tánh ấy minh hiển, nghĩa ấy thẳm sâu. Do thánh giáo đây năng chánh khai phát các nghĩa thẳm sâu, nên nói văn cú đây tánh minh hiển, nghĩa thẳm sâu. Như vậy gọi là thánh giáo dễ nhập viên mãn hoàn toàn.

4. Chứng đắc tự nghĩa vô thượng viên mãn hoàn toàn: Không có Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào vượt hơn Như Lai trong việc năng chánh khai giác thông tuệ, cho nên so với chứng đắc tự nghĩa của người đúng với nghĩa nên đắc, đúng với nghĩa nên giác, chỉ có Như Lai sở thuyết giáo pháp là vi diệu, là không gì vượt hơn. Nếu vượt quá đây, tuyệt dứt đường ngôn ngữ. Như vậy gọi là chứng đắc tự nghĩa vô thượng viên mãn hoàn toàn.

5. Tuyên thuyết tất cả như lý không gián đoạn viên mãn hoàn toàn: Chư Như Lai sở thuyết giáo pháp khắp vì tất cả trời người khai thị không điên đảo, khai thị tất cả pháp mà không ý cậy quyền làm thầy, khai thị không thiếu sót. Như vậy gọi là tuyên thuyết tất cả như lý không gián đoạn viên mãn hoàn toàn.

6. Có thánh ngôn sắp viên mãn hoàn toàn: Có người lấy tín rộng lớn làm chỗ nương, năng đoạn trừ tất cả nghi hoặc và năng sanh khởi tất cả thiện căn, tất cả thiện pháp. Hiện tiền ở chỗ Đại sư mới năng an đặt hiện lượng. Như vậy gọi là có thánh ngôn sắp đầy đủ viên mãn hoàn toàn.

Các bậc thông tuệ chánh quán 6 viên mãn hoàn toàn hiện tiền đây, đủ năng phát khởi siêng an trụ tinh tấn. Ở trong ba học, nương tăng thượng giới tu tập Du-già, nương tăng thượng tâm tu không phóng dật, nương tăng thượng tuệ đối với điều Đại sư dạy, tu hành Du-già.

Nếu có kẻ tâm trụ giải đãi, nên biết là gọi mời hai chủng quá hoạn: 1. Gọi mời năng sanh các thứ khổ, tất cả phiền não tạp nhiễm ưu khổ hiện pháp, đương lai chẳng trụ an ổn; 2. Gọi mời thối

thất tất cả thiện pháp chưa chứng, đã chứng; thối thất nghĩa rộng lớn năng dẫn phát, năng an trụ đường thiện hướng đến Niết-bàn. Trái với tướng đây tức là người siêng tinh tấn gọi mời hai chủng thắng lợi. Người tinh tấn đây ở nơi các thiện pháp chưa chứng năng chứng, không thối thất, năng biện trọn nghĩa lợi mình, nghĩa lợi người, nghĩa lợi mình người.

Năng biện trọn nghĩa lợi mình: tức đã xuất gia rồi, do hai tướng đây gọi là có quả: 1. Chứng đắc lìa hệ buộc của phiền não, cứu cánh Niết-bàn, đó là quả lìa hệ buộc; 2. Năng phát khởi lạc thù thắng thế gian, đó là quả vui dị thực đi vào đường thiện.

Năng biện trọn nghĩa lợi người: tức là rộng vì người tuyên thuyết pháp yếu, khiến họ cấn cõi thiện thế gian, cứu cánh Niết-bàn.

Năng biện trọn nghĩa lợi mình người: tánh tự tu sửa trị, thanh tịnh ruộng phước, kham nhiệm thọ dùng, từ biên tịnh tín như pháp thu được các sự y phục... do đây thọ dụng nuôi dưỡng thân, khiến thân đây thuận làm tất cả phẩm thiện. Lại năng khiến người ở nơi việc đã làm được quả báo lớn, đó

là ở đương lai đến cõi thiện, nên được lợi ích thù thắng rộng lớn; sẽ thu được tài bảo, kẻ hầu người hạ đều viên mãn, nên được hưng thịnh sung mãn rộng lớn; tự mình thu được sắc lực, thọ mạng, vui biện tài... viên mãn, nên được sự tu học rộng lớn. Đối với ba điều đã đạt được trên, trường thời tùy chuyển theo không gián đoạn.

Lại do 4 chủng tướng nên biết thánh giáo Thế Tôn sở thuyết gọi là thiện thuyết pháp: 1. Năng hướng đến tịch tĩnh, vì năng khiến chứng đắc Hữu dư y Niết-bàn giới; 2. Năng Bát-niết-bàn, vì năng khiến chứng đắc Vô dư y Niết-bàn giới; 3. Năng hướng đến Bồ-đề, vì năng khiến chứng đắc ba Bồ-đề là Thanh văn, Độc giác và Vô thượng Chánh đẳng; 4. Khéo phân biệt không gì vượt hơn, vì chỗ khai thị của bậc Đại sư Vô thượng hiển bày tối cực rốt ráo hiện lượng.

Lại nữa, đầy đủ 4 viên mãn năng sanh thánh xứ. Nếu có người thành tựu viên mãn đây, lúc chánh tu hành trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, gọi là người thiện lai, thiện xuất gia. Sao gọi là 4 chủng viên mãn? 1. Tăng thượng ý lạc viên mãn; 2. Căn viên mãn; 3. Trí viên mãn; 4. Túc ở thánh xứ có

Phật xuất thế, được gặp gỡ viên mãn.

Tăng thượng ý lạc viên mãn: như có người đối với Bát-niết-bàn, tu sửa trị, ý lạc cực tịh tăng thượng rồi mới xuất gia, không do các nguyên nhân khác bức bách sợ hãi mà cầu xuất gia, cho đến nói rộng. Nên biết người như vậy xuất gia gọi là thiện xuất gia sanh nơi thánh xứ.

Căn viên mãn: như có người mắt tai không khuyết, không phải bán nữ, không khiếm khuyết chi phần. Do được căn không khuyết như vậy, ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da kham nhiệm xuất gia, đủ khả năng kham nhiệm lắng nghe thọ trì khi người thuyết chánh pháp.

Trí viên mãn: như có người tánh không ngu si, nóng vội, tức không bị chướng ngu si phẩm hạ; cũng không căm ngọng, tức không bị chướng ngu si phẩm trung; chẳng phải dùng tay thay lời, tức không bị chướng ngu si phẩm thượng. Do xa lìa ba chủng ngu si chướng ngại trí, nên có lực năng hiểu pháp nghĩa là thiện thuyết hay ác thuyết.

Ở nơi thánh xứ có Phật xuất thế được gặp gỡ viên mãn: như thời nay có Bạc-Già-Phạm Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện nơi đời, đây là Như Lai

Ứng Chánh Đẳng Giác, cho đến nói rộng. Nếu giải thích rộng nên biết như trước trong phần *Nhiếp Di Môn*. Tuyên thuyết chánh pháp hướng đến tịch tĩnh... nói rộng như trước. Nên biết trong đây vì sanh thánh xứ, gọi là người thiện lai khéo được xuất gia. Vì căn không khuyết, vì không ngu si nóng vội, vì không cảm ngộ, vì không dùng tay thay lời, gọi là khéo có được thân người đầy đủ.

Lại nữa, ở nơi duyên sanh các hành lưu chuyển, người tu quán hành lược ở nơi 2 chủng phát khởi nghi hoặc đối với pháp. Sao gọi là hai? 1. Tập theo tiếp nối luận thuyết không nhân; 2. Tập theo tiếp nối luận thuyết ác nhân.

Trong đây người tập theo tiếp nối luận không nhân quán tất cả chủng đều không nhân, liền sanh nghi hoặc: “Làm sao các pháp không nhân mà năng chuyển?”. Người tập theo tiếp nối luận ác nhân cũng sanh nghi hoặc: “Làm sao do kia nhân không giống nhau, nhân không đúng lý mà có các pháp chuyển?”.

Nếu là bậc Thánh đệ tử đa văn, thì xa lìa hai chủng luận không chân thật đây mà chánh quán lưu chuyển. Do nhân duyên đây được khéo quyết

định không còn nghi hoặc, nội chứng chân thật. Nếu ở nơi xứ đây mà thuyết “Có các Thánh đệ tử đa văn”, nên biết trong đây nói các dị sanh. Nếu ở xứ đây mà thuyết “Có các Thánh đệ tử”, nên biết trong đây nói người đã kiến đế.

Lại nữa, ở trong chánh pháp lược có 3 chủng bổ-đặc-già-la vẫn còn khổ não, trụ không an ổn.

Sao gọi là ba? Như có người vì cầu Niết-bàn, hướng đến Niết-bàn, nên xả bỏ đời sống gia đình, hướng đến đời sống xuất gia ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da. Đã xuất gia rồi, chỉ năng thọ trì an trụ cấm giới mà cho là vui đủ, không tùy từng giai đoạn mà triển chuyển thắng tiến tu tập tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học. Khi kia xả cuộc sống cư gia, đối với cảnh giới đã thọ dụng trước kia chưa thể tùy được an lạc vô thượng, chứng đạo Niết-bàn, cho nên ở trong khoảng giữa đây vẫn còn khổ não, trụ không an ổn. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thứ nhất.

Như có người tuy không chỉ an trụ cấm giới đã thọ cho là vui đủ, nhưng chưa thể vượt qua dị sanh địa. Vì chưa thể vượt qua dị sanh địa, vì ở nơi tất cả pháp bị duyên khác dẫn dắt, nên thường xem mặt

người, thường quán miệng người, thì làm sao như thật rõ biết ở nơi chỗ thấy biết được! Phải hằng thường đến bậc Đại sư để thỉnh cầu lắng nghe chánh pháp, dạy răn dạy trao. Cho nên vẫn còn khổ não do tự tâm có nghi có hoặc, trụ không an ổn. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thứ hai.

Như có người là hữu học đã thấy dấu vết mà trụ phóng dật, năng nhiếp thọ nhân sanh khởi hữu thể thứ hai, ở trong hiện pháp không kham năng chứng đắc cứu cánh Niết-bàn. Cho nên vẫn còn khổ não do trụ hữu thứ hai, trụ không an ổn. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thứ ba.

Ba loại bổ-đặc-già-la như vậy, lại có ba bổ-đặc-già-la khác chứng được an lạc, khéo trụ an ổn, đó là A-la-hán nhất hướng lạc trú.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

*Hữu diệt, hoặc Sa-môn,
Bà-la-môn, thọ trí
Lưu chuyển cùng đến đi
Phật thuận nghịch theo sau.*

Các bậc hữu học đã thấy dấu vết, tuy ở nơi hữu diệt tịch tĩnh Niết-bàn chẳng phải do người mà

tin theo, bên trong thánh tuệ nhãn tự năng soi thấu, nhưng vẫn còn chưa thể tự thân chạm đến chứng đắc. Ví như có người bị nóng khát bức bách chạy đến giếng sâu, tuy dùng mắt thị hiện thấy giếng nước trong sạch thanh tịnh lìa các cấu bẩn, mà đối với nước đây tự chưa thể uống. Như vậy, bậc hữu học tuy thánh tuệ nhãn hiện thấy sở cầu, về sau sẽ đoạn trừ phiền não, tối cực tịch tĩnh, mà ở nơi đoạn đây tự chưa chạm đến chứng đắc.

Lại nữa, có các Sa-môn hoặc Bà-la-môn đoạn diệt tham sân si không sót thừa, nhưng ở nơi chân nghĩa Sa-môn, chân nghĩa Bà-la-môn hoàn toàn chưa chứng được. Những người thế gian khởi tưởng đó là Sa-môn, đó là Bà-la-môn. Kia cũng tự xưng là chân Sa-môn, chân Bà-la-môn. Những người thế gian đối với kia tuy khởi tưởng đây, nhưng kia chỉ là Sa-môn, Bà-la-môn thế tục, không phải đệ nhất nghĩa. Các Sa-môn, Bà-la-môn đệ nhất nghĩa đều không chấp nhận cho kia là Sa-môn, Bà-la-môn. Vì cơ sao? Do kia không thể như thật rõ biết các pháp tạp nhiễm, nhân pháp tạp nhiễm, cũng không như thật rõ biết *đường* kia diệt, *hành* kia diệt.

Pháp tạp nhiễm: là chi lão tử nhiếp lấy các

thứ khổ và dụng chi sanh.

Nhân pháp tạp nhiễm lại có 2 chủng: 1. Sở tác ái; 2. Sở tác nghiệp.

Sở tác ái: do đạo lý nghịch thứ lớp duyên khởi từ hữu, thủ đến ái, hoặc vô minh xúc sanh ra các thọ, hoặc vô minh xúc và vô minh giới đi theo sáu xứ.

Sở tác nghiệp: do đạo lý nghịch thứ lớp duyên khởi từ danh sắc, thức, hành... tức ở nơi như vậy, kia không như thật rõ biết. Như ở nơi pháp trụ trí còn chưa thể hiểu rõ, hướng lúc như kia hiện quán để mà năng rõ biết khắp. Hoặc như tu đạo chưa rõ biết khắp, thì như vô học địa chưa năng siêu vượt.

Lại nữa, lược do 2 chủng minh xúc sanh khởi pháp, ở trong duyên sanh tất cả hành, nương lý tứ đế nhập vào hiện quán. Sao gọi là hai chủng? 1. Minh xúc sanh thọ do lãnh nạp sở duyên làm tánh; 2. Minh xúc sanh tuệ do chọn lựa sở duyên làm tánh. Nên biết trong đây ở nơi 11 chi an lập bốn đế, nương mỗi một chi đế đây kiến lập 44 sự, tức là nương minh xúc sanh các thọ, như vậy tuyên thuyết 44 chủng sự thọ sai biệt; tức là nương minh xúc sanh các tuệ, như vậy tuyên thuyết 44 chủng sự trí

sai biệt. Trong đây ở nơi hậu tế chỗ tạo tác lão tử chỉ là quả, chẳng phải nhân. Ở nơi tiền tế chỗ phát khởi vô minh chỉ là nhân, chẳng phải quả. Chi hữu còn lại cũng là nhân, cũng là quả. Vì ở nơi ba thời biến trí có sai biệt, vì quyết định biến trí có sai biệt như trước đã thuyết, vì pháp trụ trí nhiếp lấy năng thủ trí, tánh vô thường có sai biệt, nên biết kiến lập 77 chủng sự trí sai biệt. Như vậy hiển thị trải qua quán tất cả hành tướng các đế, từ đây không gián đoạn nhập đế hiện quán, dần dần tu tập cho đến thành tựu quả A-la-hán.

Lại nữa, do 3 chủng tướng ở nơi duyên sanh hành nên chánh rõ biết thứ lớp lưu chuyển. Những gì là ba? 1. Vì nhân tăng ích; 2. Vì quả sanh khởi; 3. Vì quả tích tập tăng trưởng. Tất cả như vậy lược nhiếp làm một gọi chung là các pháp hoặc tăng, hoặc sanh, hoặc tích tập; nương nhân quả diệt, như chỗ thích hợp gọi là hoặc giảm, hoặc diệt, hoặc chết. Như vậy đạo lý ý thú sai biệt không trái pháp tánh.

Lại có nghĩa riêng, đó là vì thời sơ, trung, hậu tế khác biệt; vì Dục, Sắc, Vô sắc giới sai biệt, như thứ lớp đây hoặc tăng, hoặc giảm, hoặc sanh, hoặc

diệt, hoặc tập, hoặc chết phải chánh rõ biết.

Lại nữa, nên biết lược có 2 chủng tạp nhiễm:

1. Nghiệp ái tạp nhiễm; 2. Vọng kiến tạp nhiễm.

Hai tạp nhiễm đây nương 2 phẩm: 1. Phẩm tại gia;

2. Phẩm xuất gia. Nên biết trong đây chỗ tạo tác

NGHIỆP ÁI TẠP NHIỄM gọi là *tư* gây tạo. Vọng kiến

TẠP NHIỄM là do tà kế chấp sanh khởi, gọi là kế sở

chấp. Trong đây dị sanh hoặc phẩm tại gia, hoặc

phẩm xuất gia có đầy đủ cả hai tạp nhiễm. Do các

triền và tùy miên, cho nên nhân sở duyên kia ở

nơi bốn thức trụ khiến tâm sanh khởi các tạp nhiễm

rồi, chiêu tập hậu hữu tuần hoàn đến đi chẳng

được giải thoát.

Hàng hữu học thấy dấu vết đã vĩnh viễn đoạn

trừ vọng kiến tạp nhiễm, duy có ngã mạn nương xứ

tập khí vẫn còn sót thừa, mà không tạo nghiệp

mới, không vui hậu hữu nghiệp ái tạp nhiễm, không

có các triền năng khiến tạp nhiễm, chỉ có tùy

miên tương tục nương tựa năng khiến tạp nhiễm.

Nhân sở duyên kia ở nơi các thức trụ khiến tâm

tạp nhiễm, chiêu tập hậu hữu.

Hàng vô học thì hai chủng triền và tùy miên

đều vĩnh viễn đoạn, tức trong hiện pháp ở nơi các

thức trụ khiến tâm tạp nhiễm, cùng với đương lai chỗ chiêu tập hậu hữu, tất cả đều không.

Lại nữa, quá khứ chư Phật lúc làm Bồ-đát như lý tư duy pháp duyên khởi rồi, chứng giác Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nay Bạc-Già-Phạm cũng ở nơi duyên khởi chánh tư duy rồi, chứng giác Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Như quá khứ chư Phật đắc Bồ-đề, tức ở nơi duyên khởi tác ý duyên theo đạo lý thuận nghịch, phương tiện tùy tu hiện pháp lạc trú, đã trụ an lạc. Nay Bạc-Già-Phạm cũng lại như vậy. Kia tuy vô lượng, nhưng tương tự bảy kiếp của thế gian, nên chỉ thuyết bảy. Như vậy, Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề còn do như thật biết duyên khởi, nên chưa chứng năng chứng, chứng rồi thu được hiện pháp lạc trú, hướng chỉ những pháp thấp hơn thuộc sở hữu Bồ-đề mà không năng chứng sao? Lại như thật giác hết thấy duyên khởi nhiếp thọ năm chi, phương tiện đoạn nên biết như trước.

Nay lược chung nghĩa duyên khởi: Đó là nương phẩm chuyển có nhân các khổ. Lại nương phẩm hoàn có nhân sở hữu các pháp vô lậu. Lại có nhân khổ, nhân duyên các lậu. Lại chỗ nương tựa tánh các lậu kia từ vô minh xúc sanh các thọ. Lại pháp

có nhân, nhân duyên trụ lập, tức trong hiện pháp phiền não đoạn trừ, chỉ có nương duyên.

Lại nữa, vì chúng đặc *không tạo tác, cứu cánh Niết-bàn*, nên tu tập thứ lớp 7 chủng thanh tịnh. Nên biết tuyên thuyết như vậy thuận theo ngôn giáo duyên khởi của tánh duyên thẳm sâu.

Sao gọi là 7 chủng thanh tịnh? 1. Giới thanh tịnh; 2. Tâm thanh tịnh; 3. Kiến thanh tịnh; 4. Vượt qua nghi thanh tịnh; 5. Trí kiến đạo, phi đạo thanh tịnh; 6. Trí kiến hành thanh tịnh; 7. Trí kiến hành đoạn thanh tịnh.

Sao gọi là tu tập thứ lớp thanh tịnh như vậy? Có Bí-sô an trụ đầy đủ giới, thủ hộ luật nghi Biệt giải thoát, nói rộng nên biết như *Thanh văn địa*. Do vị kia đầy đủ giới như vậy, nên được không hối hận, nói rộng cho đến tâm được chánh định, dần dần cho đến đầy đủ an trụ Đệ tứ tĩnh lự. Vị kia đã thu được tâm định như vậy, dần dần cho đến chất trực điều nhu, an trụ không động chuyển. Vì chúng đặc lậu tận trí thông, tâm hướng đến định, ở nơi bốn Thánh đế chứng nhập hiện quán, đoạn trừ tất cả phiền não kiến sở đoạn, thu được chánh kiến hữu học vô lậu. Vì đã được chánh kiến, nên năng

ở nơi tất cả Khổ Tập Diệt Đạo và Phật Pháp Tăng vĩnh viễn đoạn trừ nghi hoặc. Do sẽ rất ráo đoạn trừ, vượt khỏi do dự, nên gọi là vượt qua nghi.

Lại ở nơi “đạo” lấy chánh kiến làm tiên hành, như thật rõ biết đó là chánh đạo, do đây năng đoạn kiến sở đoạn, sau đoạn hoặc tu sở đoạn. Lại ở nơi “phi đạo” lấy tà kiến làm tiên hành, như thật rõ biết đó là tà đạo. Ở nơi đạo, phi đạo đây đã được khéo léo, nên xa lìa phi đạo, đạo nơi chánh đạo.

Lại ở nơi 4 chủng dấu vết hành đạo như thật rõ biết. Những gì là bốn? 1. Khổ chậm chạp thông; 2. Khổ nhanh chóng thông; 3. Lạc chậm chạp thông; 4. Lạc nhanh chóng thông. Dấu vết hành như vậy đã biện rộng như phần *Thanh văn địa*.

Ở nơi dấu vết hành đây, như thật rõ biết dấu vết hành thứ nhất nên đoạn tất cả, vì nghĩa vượt qua, chẳng phải do nghĩa lìa hệ buộc phiền não. Như thật rõ biết dấu vết hành khổ nhanh chóng thứ hai và dấu vết hành lạc chậm chạp thứ ba, hai chủng dấu vết hành nên đoạn một phần. Như vậy, như thật rõ biết chủng thứ nhất nên đoạn hoàn toàn và hai, ba nên đoạn một phần rồi, nương “lạc nhanh chóng thông” chánh siêng tu tập. Từ đây

không gián đoạn vĩnh viễn tận các lậu, ở trong hiện pháp thu được không tạo tác, cứu cánh Niết-bàn. Thân hoại rồi về sau chúng Vô dư y Bát-niết-bàn giới.

Như vậy lấy 7 chủng thanh tịnh làm chỗ nương, tu tập thứ lớp cho đến thu được các lậu vĩnh viễn tận, không tạo tác, cứu cánh Niết-bàn. Trong đây nên biết, bảy chủng thanh tịnh như vậy phải thứ lớp tu tập đầy đủ tất cả mới chúng đắc không tạo tác, cứu cánh Niết-bàn, chẳng thể tùy khuyết một chủng. Cho nên phải siêng cầu tất cả như vậy, ở nơi Thế Tôn tu thành thực tất cả phạm hạnh, chẳng phải chỉ cầu một.

Lại, Phật Thế Tôn do nhân duyên đây cũng thi thiết đầy đủ tất cả như vậy, vì khiến chúng đắc không tạo tác, cứu cánh Niết-bàn, chẳng thể xả bỏ dẫu chỉ một chủng.

Lại, ở trong đây nương mỗi một mà thuyết, không phải chỉ do đây, cũng không phải lìa đây mà năng hoạch đắc không tạo tác, cứu cánh Niết-bàn. Nên biết duyên khởi của tánh duyên thâm sâu như vậy.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

*An lập cùng nhân duyên
 Quán sát nơi nghĩa thực
 Rất nhiều các quá hoạn
 Tập nhiễm thấy đi sau.*

Ở trong hiện pháp có 4 chủng pháp cần yếu năng trưởng dưỡng các căn đại chủng. Sao gọi là bốn? 1. Khí lực; 2. Hỷ lạc; 3. Ở nơi cảnh khả ái, chuyên chú hy vọng; 4. Khí lực, hỷ lạc, chuyên chú hy vọng làm chỗ nương cho căn đại chủng, bao gồm thọ mạng, hơi ấm, khiến các căn an trụ không bị hư hoại.

Bốn pháp như vậy tùy theo thứ tự nên biết riêng lấy bốn pháp làm thức ăn (thực): 1. Đoạn; 2. Xúc thuận thọ lạc; 3. Hữu lậu ý hội tư; 4. Thức năng chấp thọ các căn đại chủng.

Nên biết trong đây đoạn năng làm thức ăn cho khí lực hiện pháp. Do khí lực nên năng trưởng dưỡng các căn đại chủng. Các xúc hữu lậu 'thuận thọ lạc năng làm thức ăn cho hỷ lạc. Do hỷ lạc nên trưởng dưỡng các căn đại chủng. Nếu tại ý địa năng gặp cảnh tư duy, gọi là ý hội tư. Ý hội tư năng làm thức ăn của chuyên chú hy vọng nơi tất cả

cảnh khả ái. Do chuyên chú hy vọng nên năng trưởng dưỡng các căn đại chủng. Do thức năng chấp thọ giữ gìn các căn đại chủng, khiến các căn đại chủng kia, bao gồm thọ mạng, hơi ấm và thức không lìa thân làm nhân mà được trụ, cho nên nói thức là nhân khiến kia trụ. Do kia trụ nên khí lực, hỷ lạc, chuyên chú hy vọng nương kia mà chuyển. Như vậy bốn thực năng khiến hữu tình đã sanh được tồn tại.

Lại do đoạn mà có khí lực, vì có khí lực nên các căn đại chủng đều được tăng trưởng. Do nhân duyên đây, ngu phu có sự luyến tiếc thân mạng, cũng do nghĩa đây nên có sự truy cầu. Vào lúc truy cầu, tạo tác chủng chủng nghiệp thiện ác mới, cũng lại khiến nghiệp kia tăng trưởng, cũng lại năng tăng trưởng chủng chủng phiền não. Như đã thuyết ở nơi đoạn, thì ở nơi xúc và ý hội tư tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Do ba môn đây năng huân tập thức, nghiệp, phiền não hậu hữu. Vì ở hiện pháp đây có nghiệp phiền não đuổi theo nên thành hữu thủ đây, liền năng nhiếp thọ hậu hữu đương lai. Bốn chủng thực như vậy khiến cầu hậu hữu, vui thích hậu hữu. Ở nơi hậu hữu đây mà chưa

năng đoạn, tức là năng nhiếp hậu hữu, khắp nhiếp hậu hữu, tùy nhiếp hậu hữu.

Lại, các đoạn thực ở trời Dục giới gọi là tế, hoặc ở xứ trung hữu, thai mẹ, nắp trong vô trứng nên biết cũng vậy. Ở xứ Dục giới khác, đoạn thực gọi thô. Xúc, ý hội tư và thức thực ở Vô sắc giới nên biết gọi là tế, xứ khác gọi là thô. Vì cố sao? Vì có sắc làm chỗ nương nên dễ phân biệt, vì không sắc làm chỗ nương thì khó phân biệt.

Lại các thực đây có nghĩa môn thô tế khác nhau. Đó là nếu năng khiến hữu tình đã sanh được tồn tại, thì gọi là thô. Nhiếp ích đối với các hữu tình cầu hữu, nên biết là tế. Như vậy nên biết an lập bốn thực.

Lại nữa, như trên đã thuyết các căn đại chủng do tập đế nhiếp, trước tiên do ái mà sanh. Vì muốn khiến kia được tăng trưởng nên truy cầu bốn thực. Do đạo lý đây, hữu tình đã sanh tuy do bốn thực mà được tồn tại, nhưng gốc nương nhờ ái làm duyên nên có.

Lại có ái đây nên ở trong hiện pháp thân nương các thực. Do ba chủng môn nuôi dưỡng tăng trưởng nghiệp hoặc, năng biện nghiệp hoặc, thường

đuổi theo thức hữu thủ, ở trong hiện pháp nhiếp thọ hậu hữu. Cho nên tất cả hữu tình cầu hữu tuy được sự nhiếp ích của bốn chủng thực, nhưng lại nương nhờ ái làm duyên nên có.

Lại tức ái đây ở trong hiện pháp do vô minh xúc sanh các thọ làm duyên nên được khởi. Vô minh xúc sanh các thọ đây do vô minh xúc làm duyên nên được khởi. Vô minh xúc đây do trước thường xuyên tập các vô minh giới đuổi theo sáu xứ làm duyên, nên được khởi. Sáu xứ đây về sau lại không có nhân khác, ở trong hiện pháp chỉ có sáu xứ đây nương nhau triển chuyển. Các căn hữu sắc nương nơi thức, thức cũng nương thức chấp thọ giữ gìn các căn hữu sắc. Do nhân duyên đây sáu xứ về sau không nói trở lại.

Nếu lại có người lắng nghe chánh pháp làm ngoại lực, như lý tác ý chánh siêng tu tập làm nội lực, do nhân duyên đây sanh khởi chánh kiến. Chánh kiến sanh khởi nên năng đoạn diệt vô minh, năng sanh minh. Người kia ở trong hiện pháp các vô minh giới đuổi theo sáu xứ đều được trừ diệt. Minh giới đuổi theo sáu xứ được sanh, gọi là chuyển y. Phẩm thô trọng kia đều dừng dứt, sáu xứ đã

diệt, dần dần cho đến ái cũng diệt theo. Do ái diệt, nên các thực cũng diệt. Các pháp năng thủ hậu hữu diệt, nên biết hậu hữu cũng lại tùy diệt. Cho nên biết người ở xứ minh đây không cầu hậu hữu.

Lại nữa, không có chút pháp sanh rồi tồn tại, cũng không có ngã năng thực sở thực. Do nhân duyên đây, kia nào gọi là thực? Nhưng chỉ trong phạm vi cùng các pháp chưa sanh lập nên lý duyên sanh, chỉ là pháp dẫn pháp, nói là nghĩa thực. Chỉ do giả pháp, ở nơi thức trên giả tưởng thì triết bổ-đặc-già-la so với bốn thực đây thuyết là người thực. Vì muốn tùy thuận ngôn thuyết thế gian, trong phạm vi thế tục để nói có bổ-đặc-già-la như vậy năng thực bốn thực; không phải trong phạm vi thắng nghĩa. Vì có sao? Nếu nói có thức sanh rồi an trụ, thế là chân thật bổ-đặc-già-la gọi là kẻ năng thực, thì không nên lập thức là tánh thực ấy, chưa từng thấy có bổ-đặc-già-la hoàn tự năng thực bổ-đặc-già-la. Trong một tương tục, quyết định không có hai thức đồng thời an trụ. Cho nên lập thức, thế là chân thật bổ-đặc-già-la là kẻ năng thực, thì không đúng đạo lý. Do không đúng lý như vậy, nếu có người hỏi: “Ai thực thức thực?”, nên

biết hỏi đây là hỏi phi lý. Nếu hỏi: “Gì là nhân duyên năng thực thức thực?”, nên biết hỏi đây là hỏi như lý, vì năng khiến nhập vào lý duyên khởi.

Lại nữa, có 2 hữu: sanh hữu và nghiệp hữu. Nếu là đương lai hậu hữu sanh khởi, thì nay trong hiện pháp các nghiệp phiền não đuổi theo thức làm nhân năng dẫn sanh hữu đương lai, tức kia từng có tánh nghiệp làm hành dẫn đầu, gọi là nghiệp hữu. Vì ở trong hiện pháp lại có hữu đây, nên khiến đương lai sanh hữu nhiếp lấy hậu hữu sanh khởi. Vào lúc mạng chung, sáu xứ tiền tế vừa mới vô thường diệt, sáu xứ hậu tế liền tiếp nối sanh. Tức sáu xứ đây, ở thời trước thức là duyên năng dẫn, lại ở thời nay là duyên kết sanh. Như vậy do thức nhập thai mẹ, nên được có danh sắc. Danh sắc làm duyên liền có sáu xứ. Do vô minh giới đuổi theo sáu xứ lấy làm duyên, nên có tương tự xúc, thứ lớp cho đến vì thủ làm duyên khiến hậu tế nghiệp chuyển thành hữu ấy. Như vậy, các pháp trước chưa từng có, tất cả mới từ duyên riêng biệt mà sanh khởi. Nên biết trong đây đều không xúc giả cho đến hữu giả năng có sở xúc cho đến có hữu. Chỉ có các pháp riêng gọi là sở thực, riêng gọi là

năng thực. Cho nên nhân quả rơi trong các hành tương tục lưu chuyển không diệt dứt. Do tiền tế nghiệp hữu đi đến các cõi, hậu tế sanh hữu. Lại do hậu tế nghiệp hữu trở lại các cõi, tiền tế sanh hữu. Như vậy duyên khởi luân hồi chẳng dứt, từ thế gian này đến thế gian kia, từ thế gian kia trở lại thế gian này. Cho nên chỉ có nghĩa “pháp năng dẫn pháp”, nên biết trong đây gọi là nghĩa “thực”.

Lại nữa, 3 thực làm nhân năng khiến 3 chủng khổ bên trong sanh khởi: 1. Bệnh khổ phát khởi do giới trong thân không điều hòa; 2. Khổ do mong muốn hy cầu; 3. Khổ do cầu mà không được đầy đủ. Khổ thứ nhất, đoạn thực làm nhân. Khổ thứ hai, xúc thực làm nhân. Khổ thứ ba, ý hội tư thực làm nhân.

Đoạn thực làm nhân duyên năng sanh bệnh khổ bên trong, cho nên Bí-sô phải quán đoạn thực tưởng như ăn thịt con, không nên tham trước.

Xúc tùy thuận thọ lạc thực làm nhân duyên năng sanh khổ bên trong do mong muốn hy cầu, cho nên Bí-sô phải quán sáu chủng xúc xứ thuận kia như trâu không da. Nên khởi quán đây: “Nếu ta nương nơi sáu chủng xúc xứ, phát khởi chủng chủng

tham mong muốn hy cầu, tức là trụ nương các sắc. Vì nương sắc khiến ta phát khởi chủng chủng tâm tư các ác bất thiện. Như trâu không da mà bị các trùng cắn rứt, sanh nhiều thứ khổ, trụ không an ổn”. Quán như vậy rồi, ở nơi xúc xứ ban đầu thấy sâu quá hoạn mà an trụ vô nhiễm. Như nương nơi sắc, thì nương thanh, hương, vị, xúc, pháp nên biết cũng vậy. Như với xúc xứ ban đầu thấy sâu quá hoạn mà trụ vô nhiễm, cho đến ở nơi xúc xứ thứ sáu nên biết cũng vậy.

Hữu lậu ý hội tư thực làm nhân duyên năng sanh khổ bên trong do cầu mà không được đầy đủ, cho nên Bí-sô phải quán hữu lậu ý hội tư thực như lửa cháy. Quán sát như vậy: “Sự mong cầu không được đầy đủ năng dẫn thân tâm nhiệt nã lớn”. Người kia chánh quán sát như vậy rồi, trọn không mong muốn vì nương sự thực... mà đi đến nhà người, cho nên không chạm phải khổ phát sanh do sự mong cầu không được đầy đủ, tâm đây thản nhiên trụ nơi an lạc. Do nhân duyên đây nên chánh quán sát như thế đối với ba thực, chỗ gọi là đoạn thực, xúc thực, ý hội tư thực.

Tức ba thực như vậy làm nhân duyên khiến

phát sanh khổ bên trong là do nường thức, cho nên Bí-sô phải quán thức thực như ba trăm mũi nhọn đâm. Vì có sao? Đoạn thực làm nhân duyên năng khiến chẳng phải một chủng, mà nhiều phẩm loại bệnh khổ nường thức sanh khởi. Xúc thuận theo thọ lạc thực làm nhân duyên năng khiến tăng bội khổ, do mong muốn hy cầu nường thức sanh khởi. Hữu lậu ý hội tư thực làm nhân duyên năng khiến khổ do chủng chủng cầu mà chẳng được đầy đủ, nường thức sanh khởi. Người hành như vậy ở trong thức thực chân chánh quán thấy “các thực lầy thức làm chỗ nường phát sanh nhiều quá hoạn”, do nhân duyên đây không luyến tiếc thân mạng. Như vậy đối với bốn chủng thực như lý chánh quán sát sâu. Do quán sát sâu làm chỗ nường, năng ở hiện pháp vĩnh viễn đoạn các thực. Vì thực vĩnh viễn đoạn, nên thấy đến gần mé khổ hậu hữu đương lai.

Lại nữa, nếu chẳng như thật quán bốn thực đây, liền bị nhiễm ô của hỷ và tham. Nếu bị hai sự nhiễm ô đây, nên biết gọi mời hai chủng quá hoạn đương lai và hiện pháp.

Ở trong bốn thực, thì hữu lậu ý hội tư thực là nhân duyên khiến chuyên chú hy vọng đồng hành

hỷ nhiễm, gọi là hỷ. Xúc tùy thuận thọ lạc thực là nhân duyên, ở nơi năng thuận theo vui thích các thực sanh nhiều nhiễm trước, gọi là tham. Hai phiền não đây ở trong hiện pháp năng nhiễm nơi thức, khiến an dừng bốn chủng thức trụ, tăng trưởng chủng tử hậu hữu đương lai. Đã tăng trưởng rồi, sanh khởi các khổ hậu hữu như sanh... Nên biết đây gọi là hai chủng phiền não hỷ và tham gây ra quá hoạn đương lai.

Do người kia ở trong bốn thực như vậy an trụ hai chủng phiền não hỷ và tham, liền ở hiện pháp có sự nhiễm trần. Do nhiễm trần, nên lúc thực biến hoại, ở trong hiện pháp liền sanh bi thán, sầu ưu, phiền muộn. Nên biết đây gọi là hai chủng phiền não hỷ tham gây ra quá hoạn hiện pháp.

Lại nữa, những người ở trong bốn chủng thức đây chưa đoạn hỷ tham, sáu xứ kia nhiếp lấy thân hữu thức, giống như trên đài cao nhìn qua sáu khung cửa mở, ánh sáng năng cùng duyên cảnh phiền não chiếu vào. Ánh sáng ở đây hoặc trụ địa trên, hoặc trụ địa dưới. Đã được trụ rồi, như trước đã thuyết ở nơi bốn chủng thức trụ năng nhiễm nơi thức sanh khởi các khổ hậu hữu đương lai. Nếu

có người năng đoạn hai chủng phiền não hỷ tham như vậy, trái với kia, duyên cảnh phiền não còn chẳng được khởi, huống nương đây nhập được mà trụ vững.

Lại nữa, nếu có bồ-đặc-già-la chưa đoạn hỷ tham, liền bị ma tìm đến dụng chủng chủng cảnh giới mỹ diệu giống như hình sắc mà tô vẽ bồ-đặc-già-la như vậy, khiến đây biến đổi hiển hiện chủng chủng tướng mạo phiền não. Nên biết bồ-đặc-già-la chưa đoạn hỷ tham như vậy giống như đất, năng bị chủng chủng màu sắc phiền não đã tô vẽ làm chỗ nương tựa. Bồ-đặc-già-la đã đoạn hỷ tham, ma đến chỗ này như trước nói rộng. Nên biết bồ-đặc-già-la đã đoạn hỷ tham như vậy giống như hư không, chẳng bị chủng chủng màu sắc phiền não đã tô vẽ làm chỗ nương tựa. Nên biết gọi là ở trong các thực hỷ tham chưa đoạn, như thứ lớp ấy có các quá hoạn. Nên biết bồ-đặc-già-la ở trong các thực hỷ tham đã đoạn, như thứ lớp ấy có các lợi ích thù thắng.

Quyển 95

Thứ 3. NHIẾP TRẠCH SỰ DUYÊN KHỞI - THỰC - ĐẾ - GIỚI KHẾ KINH Phần 3

Lại nữa, Ớt-Đà-Nam nói:

Như lý, tập đế nhiếp

Đắc, tướng, chỗ nương, nghiệp

Chướng, lỗi, dị thực hắc...

Nghĩa lớn, khó được theo sau.

Nếu ở nơi đế trí hoặc như lý tăng thượng, hoặc không như lý tăng thượng, mà không như thật biết, thì không thể tận các lậu. Trái với tướng đây tức như thật biết, nên năng tận các lậu. Trong đây nên biết các trí phát khởi do nghe pháp bất chánh, không vì tịch tĩnh, không vì tự điều phục, không vì cầu Niết-bàn, gọi là không như lý. Lắng nghe chánh pháp và trái tướng trên nên biết gọi là như lý.

Lại, ở trong đây bổ-đặc-già-la trụ pháp ác

thuyết, ở nơi chánh pháp Phật, đệ tử Phật chân thiện tượng phu mà không vui chiêm ngưỡng. Ở nơi luật nghi giới Biệt giải thoát, mật hộ căn môn, an trụ chánh biết... trong pháp Thánh hiền mà không tự điều phục, không triển chuyển lãnh thọ tu học. Ở nơi các Thánh đế không văn tư tu, không tự chiếu soi thông đạt.

Lại kia ở trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da, nghe pháp bất chánh khởi tà tin hiểu, ở nơi chẳng như lý mà sanh khởi điên đảo vọng tưởng như lý, ở nơi chẳng như lý mà không như thật biết là chẳng như lý. Lại ở nơi việc lắng nghe chánh pháp như lý mà không như thật biết là như lý. Do không biết nên ở trong pháp ác thuyết, ác hiểu, trói buộc, không giải thoát, điên đảo... không nên tư duy, vì không thể hiểu rõ nên cố tư duy. Ở trong pháp thiện thuyết, thiện hiểu, giải thoát, không trói buộc, không điên đảo, chỗ gọi là Khế kinh, Ứng tụng... cho đến nói rộng phải nên tư duy, vì không thể hiểu rõ nên lại không tư duy. Như vậy cũng gọi là không như lý tác ý. Do tác ý đây không vì tự điều phục, không vì tịch tịnh, không vì Niết-bàn, nên gọi là phi lý.

Lại kể kia vì lắng nghe pháp bất chánh, nên lực nương duyên ba sự ngôn tăng thượng, hiển thị phẩm loại kế chấp ngã quá khứ, vị lai, hiện tại. Do lực tăng thượng như vậy, nên ở nơi cảnh ba đời khởi không như lý tác ý tư duy, đó là ở quá khứ phân biệt kế chấp ngã hoặc có, hoặc không; ở vị lai, hiện tại nên biết cũng vậy. Kia đã không như chánh lý tác ý tư duy, hoặc duyên sở thủ sự, hoặc duyên năng thủ sự. Không như lý tác ý tư duy đây, hoặc ở nơi các hành phân biệt có ngã, hoặc là các hành phân biệt có ngã.

- Ở nơi các hành phân biệt có ngã: Khi người kia ở nơi sự kế chấp đã xác quyết, nếu duyên sở thủ sự phân biệt làm ngã thì phân làm hai kiến. Hoặc thành thường kiến, do kiến đây nên khởi tư duy: “Ta có ngã, ở trong hiện pháp là thật, là thường”. Hoặc thành đoạn kiến, do kiến đây nên khởi tư duy: “Ta không có ngã, ở trong hiện pháp là thật, là thường”.

Nếu duyên năng thủ sự kế chấp có ngã kiến, phân biệt làm ngã, khởi tư duy: “Ta nay lấy ngã quán sát nơi ngã”; hoặc cho là ngã, ngã ấy trước có nay không, nên khởi tư duy: “Ta nay lấy ngã quán sát vô ngã”.

Nếu lại duyên năng thủ sự kế chấp vô ngã kiến, ở trong hiện pháp lấy vô ngã đây phân biệt làm ngã, khởi tư duy: “Ta nay lấy vô ngã đây tùy quán xưa từng có ngã”.

Như vậy vừa thuyết năm tướng sở thủ, năng thủ sai biệt, không như chánh lý tác ý tư duy năm chủng kiến xứ, tức là chỗ có các hành ba đời phân biệt có ngã.

- Lìa các hành phân biệt có ngã: Kẻ kia ở nơi không như chánh lý, so lường tác ý “lìa các hành phân biệt có ngã”. Chỗ kế chấp thật ngã của kẻ kia như vậy, đó là: hoặc tự mình năng tạo làm cảm nghiệp hậu hữu, gọi là năng tác giả; hoặc người khác khiến tạo làm, gọi là đẳng tác giả; hoặc tự mình năng khởi sĩ dụng hiện pháp, gọi là năng khởi giả; hoặc người khác khiến khởi, gọi là đẳng khởi giả; hoặc vì tự mình tạo tác nghiệp hậu hữu, hoặc vì người khác khiến tạo tác nghiệp hậu hữu, nên cảm quả dị thực, gọi là năng sanh giả; hoặc tự mình năng khởi sĩ dụng hiện pháp, hoặc người khởi hết thấy sĩ dụng hiện pháp, nên có được quả sĩ dụng, gọi là đẳng sanh giả; hoặc do tự kiến, hoặc do tha kiến mà tùy khởi ngôn thuyết như vậy, hoặc

do tự mình nghe hiểu biết, hoặc do người khác mà nghe hiểu biết, nên tùy khởi ngôn thuyết, gọi là năng thuyết giả; hoặc đối với thân bằng quyến thuộc tùy nghi dẫn dạy khiến trụ xứ đây, như vậy cũng gọi là năng thuyết giả; hoặc lại đương lai quả nghiệp đã sanh, gọi là năng thọ giả; hoặc ở hiện pháp các quả sĩ phu đã hiện sanh, gọi là đẳng thọ giả; hoặc ở trong quá khứ, trong những kiếp về trước, kia tạo tác chủng chủng nghiệp thiện hoặc bất thiện, nay ở hiện pháp lãnh thọ chủng chủng quả dị thực, gọi là lãnh thọ giả. Hoặc cho đến thọ lượng giảm tận mà bị chết yếu, năng xả uẩn đây, năng tiếp nối uẩn khác. Nếu khác đây tức đã không có ngã, có sao được thành các việc tạo tác như trên đã thuyết? Đây gọi là không như chánh lý tác ý tư duy nhiếp lấy kiến xứ thứ sáu.

Như vậy các kiến vừa thuyết trên đều lấy thân kiến làm tự tánh mà năng sanh khởi. Hơn nữa, chỗ có các kiến thú lấy thân kiến làm căn bản, nên gọi là kiến xứ. Do năng chướng ngại tuệ năng thủ chân thật vi diệu, nên gọi là kiến rừng rậm. Tổn thiện pháp nên gọi là kiến đồng trống. Lao nhọc vất vả nên gọi là kiến nhàm chán trái lìa. Sở

hành trái qua cầu đục, cầu hữu, nên gọi là kiến trái qua hành. Hối vạy luận người, tránh khỏi những điều đã luận, bị dao động, nên gọi là kiến dao động. Năng khéo xâu kết hậu hữu khổ nên gọi là kiến kết. Tập hành các tà hạnh như vậy, ở trong hiện pháp các lậu chưa hiện tiền khiến khởi hiện tiền; đã hiện tiền rồi, khiến nương phẩm hạ mà khởi lậu phẩm trung, khiến nương phẩm trung mà khởi lậu phẩm thượng. Do đây làm nhân sanh khởi pháp khổ lão bệnh tử... đương lai.

Như vậy nên biết do ở nơi như lý và không như lý mà không như thật biết, nên tạo tác khổ đế, tập đế tạp nhiễm. Trái với tướng đây tức là lắng nghe chánh pháp khởi chánh thắng giải. Ở nơi như lý đây, không vọng tưởng điên đảo là không như lý. Ở nơi như lý đây, như thật rõ biết là như lý; nói rộng cho đến ở nơi pháp nên tư duy không điên đảo, thì năng chánh tư duy. Do nhân duyên đây, ở nơi hành ba đời bao gồm sở thủ cùng với năng thủ như thật tùy quán không ngã, ngã sở, nên ở nơi Thánh đế lúc nhập hiện quán, ở nơi các lậu kiến sở đoạn đều được giải thoát. Thành tựu việc đây rồi, ở nơi các lậu tu đạo sở đoạn cao hơn,

vì khiến vĩnh viễn đoạn diệt không sót thừa, nên tinh cần tu tập 4 chủng nhân duyên. Những gì là bốn? 1. Vì khéo hộ thân; 2. Vì khéo giữ gìn căn; 3. Vì khéo trụ niệm; 4. Vì đã thấu đạt thế gian, nhiều tu tập *diệu tuệ vượt khỏi, tận diệt*, khéo tu tập đạo xuất thế gian như trước đã đạt được.

Khéo hộ thân: là chánh an trú tránh xa voi ác... cho đến nói rộng như trong *Thanh văn địa*. Do tránh xa nên đối với việc tu tập tận các lậu không bị chướng ngại.

Khéo giữ gìn căn: ở nơi các cảnh giới khả ái hiện tiền chánh an trụ. Nếu có cảnh giới tướng tịnh diệu phi lý hiện tiền, năng chân chánh xa lìa, như lý tư duy tướng bất tịnh kia.

Khéo trụ niệm: tức là trụ 4 điều: 1. An trụ tư duy chọn lựa trong việc thọ dụng y phục...; 2. Ở chốn tịch tĩnh, an trụ năng chánh trừ khiến các ác tâm tư hiện hành; 3. An trụ năng chánh nhẫn thọ, phát siêng tinh tấn vượt qua hết thấy khổ phát sanh do mỗi nhọc, do ác bất chánh rỉ lậu, khổ do lời thô ác của người, khổ do các giới trong thân không điều hòa; 4. An trụ ở nơi tu đạo, nương không phóng dật, không chung sống hỗn tạp. Do

chánh an trụ 4 điều như vậy, gọi là khéo trụ niệm.

Như vậy vị kia vì khéo hộ thân, vì khéo giữ gìn căn, vì khéo trụ niệm, vì khéo tu tập đạo xuất thế gian như trước đã đăc, nên các lậu tu sở đoạn đều năng giải thoát và tùy chúng đăc tối cực cứu cánh.

Lại nữa, nếu có người nói rằng: “Bốn Thánh đế đây chỉ là cảnh giới hoặc có ngã, hoặc có hữu tình duyên thánh đế đây tu các thiện pháp”. Nên bảo kia rằng: “Chớ tác thuyết như vậy. Vì cớ sao? Có vô lượng thiện pháp thế, xuất thế sanh khởi, tất cả đều quy về nhiếp vào bốn Thánh đế”. Nên biết các pháp lược có hai chủng: 1. Trí năng tri; 2. Cảnh sở tri.

Trí năng tri đây cũng là cảnh sở tri, cho nên các trí đồng hành thiện pháp không gì chẵn; nhiếp trong bốn Thánh đế. Vị kia tiếp tục tu tập tuần thân niệm, tu tập phẩm Quán, phẩm Chỉ và sở hữu thiện pháp của hai phẩm đây; ban đầu *Tu trị nghiệp địa*, sau *Đã tác biện địa* được sanh khởi.

- Sao gọi là tu tuần thân niệm? Hoặc có người ban đầu an trụ *Tu trị nghiệp địa*, như lý duyên theo hoặc nội hoặc ngoại các đại chủng sắc làm cảnh chánh niệm. Hoặc lại do hành động yêu thích và

không yêu thích của người, nên lúc tăng ngữ xúc và hữu đối xúc hiện hành, như lý duyên theo xúc, thọ, tưởng, hành cùng với các thức làm cảnh chánh niệm.

Hoặc nếu có người trụ *Đã tác biện địa*, như lý duyên theo các sắc sở tạo làm cảnh chánh niệm. Hoặc lại tác ý như lý duyên theo cùng chỗ sanh khởi thọ, tưởng, hành, thức làm cảnh chánh niệm.

Như vậy tất cả lược nhiếp gọi là tu tuần thân niệm. Nên biết niệm đây hoặc duyên sắc thân, hoặc duyên danh thân.

- Sao gọi là Quán? Sao gọi là sanh khởi thiện pháp phẩm Quán? Ở nơi nội ngoại các đại chủng sắc và uẩn khác, tuệ chánh quyết định chọn lựa, gọi là Quán. Nếu có người từ đầu tu tập không diên đảo phân tách tụ tướng, nơi ngoại đại chủng do quán kiếp tận, tu tướng vô thường; nơi nội đại chủng hợp thành thân, do quán “chỉ có thực dần dần chuyển hóa thành các bất tịnh”, tu tướng bất tịnh. Do quán bắt đầu từ ái sanh trưởng tánh, cùng với pháp tánh hậu tế lão tử, tu tướng vô thường cùng với tướng khổ. Hoặc ở nơi thân đây, tất cả ngu phu vì không như thật rõ biết thể đây là vô thường khổ, cho nên hoặc chấp là ngã, hoặc chấp là ngã sở.

Ở nơi thân đây, các Thánh đệ tử đầy đủ đa văn vì như thật rõ biết nên không có sở chấp, tức là năng tu tướng khổ vô ngã. Tướng vô ngã đây, tức đối với thân này chỉ có tướng giới. Vì có tướng đây, nếu chạm phải hành động yêu thích và không yêu thích của người, liền có tăng ngũ xúc và hữu đối xúc hiện hành. Nói không yêu thích tức là dùng tay, chân, dao gậy... xúc chạm, kia tức ở nơi đây và đây làm duyên phát sanh thọ. Các hành vô sắc thì chánh quán vô thường tức là ái, là khuể. Vì chỉ quán có giới, nên tâm duyên thân đây mà được trụ yên ổn, như thế cũng gọi là xa lìa ngu si. Như vậy chỗ có phân tách các tướng, ở nơi ngoại đại chủng tu tướng vô thường; ở nơi nội đại chủng tu tướng bất tịnh, hoặc tướng vô thường, tướng vô thường khổ, tướng khổ vô ngã; ở nơi sự sanh khởi các pháp như thọ... nương đại chủng thân tu tướng vô thường, là tham sân si. Như vậy vô lượng thiện pháp phẩm Quán, ban đầu *Tu trì nghiệp địa* do chánh tu tập tuần thân niệm, nên đều được sanh khởi.

- Sao gọi là Chỉ? Sao gọi là sanh khởi. thiện pháp phẩm Chỉ? Do tu tập tuần thân niệm, nên lấy Quán làm nương, như lý tu Chỉ. Lại, nói Chỉ tức

là ở bên trong chánh an trụ tâm.

Thiền pháp phẩm Chỉ: là được lực chánh tư duy chọn lựa duyên theo như vậy, dụ như cửa, dạy trao Sa-môn đối với kẻ oan gia phải chánh tu nhẫn nhục, lại ngay duyên kia tu từ không điên đảo. Do sự nhiếp thọ của nhẫn từ, nên giới được thanh tịnh. Quán giới tịnh nên khởi tư duy đây: “Nay ta đã thực hành thánh giáo vi diệu của bậc Đại sư”, do nhân duyên đây không ưu buồn hối hận. Do không ưu buồn hối hận nên sanh hoan hỷ rộng lớn, nói rộng cho đến đắc tam-ma-địa. Vị kia lúc bấy giờ do tâm định tĩnh cho đến thành tựu Đệ tứ tĩnh lực. Vì ở nơi tam-ma-địa đây còn hành câu chấp, nên chưa thể chuyển vận Chỉ Quán song song mà không cần dụng công, chưa khéo thanh tịnh. Vì khiến khéo thanh tịnh, nên tu bốn chi nhiếp lấy hành không phóng dật như trước đã thuyết, phát siêng tinh tấn không khiếm nhược, cho đến nói rộng. Về sau, lúc người kia ở nơi Đệ tứ tĩnh lực được thanh tịnh sáng sủa, nếu lại bị ái vị tĩnh định trôi nổi chuyển nơi tâm, không thể ở nơi định kia mà trụ chánh xả, cũng không thể ở nơi diệt Niết-bàn mà trụ quán tịch tĩnh. Vị kia liền

nương hoặc Phật, hoặc Pháp, hoặc Tăng mà sanh sâu hổ thẹn, khởi nghĩ như vậy: “Ta phước nương Phật bảo là Như Lai đại sư, nương Pháp bảo là pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, nương Tăng bảo là tu tập thiện hạnh không điên đảo. Thực hành như thế không sợ đắc, chẳng được có sợ đắc. Nếu ở nơi thân mà trụ yêu thích nhiếp dưỡng, ở nơi diệt Niết-bàn không quán tịch tĩnh, tức là chạm đến ác, chẳng phải thành tựu thiện”. Do vị kia nội tâm khéo điều nhu, nên vừa chớm sanh nhằm chán liền năng an trụ dẫn nghĩa Sa-môn bình đẳng diệu xả, ở nơi diệt Niết-bàn năng quán tịch tĩnh. Như vậy gọi là sanh khởi thiện pháp phẩm Chỉ, bắt đầu từ nhẫn từ, giới thanh tịnh, hoan hỷ không hối hận, nói rộng cho đến đắc tam-ma-địa, bốn chi nhiếp lấy hành không phóng dật, dẫn nghĩa Sa-môn bình đẳng khéo xả, quán công đức tịch tĩnh của diệt Niết-bàn. Người kia lúc bấy giờ do 2 nhân duyên có nhiều sự thực hành: 1. Do diệu tuệ, ở nơi điều Đại sư dạy khiến tận các lậu, năng tịnh tu trị Đệ tứ tĩnh lục; 2. Do ở nơi thân tâm tăng thượng xả. Ngang đây gọi là ban đầu *Tu trì nghiệp địa* thành tựu viên mãn rốt ráo. Từ đây về sau, đối với điều

đã tu tập không sanh vui đủ, vì muốn kể đây thú nhập *Đã tác biện địa* nên tu tuần thân niệm, quán sắc thân tạo ra như cỏ cây trong bùn, cùng phát khởi pháp vô sắc khác, dùng tuệ như thật thông đạt duyên khởi, năng tùy thú nhập đế trí như thật. Đã được nhập rồi, nương tu đạo cao hơn, ở nơi cảnh giới các căn quá khứ, vị lai, hiện tại năng khởi nhằm chán họa hoạn cho đến giải thoát, năng như thật biết ta đã giải thoát. Như vậy gọi là “*Đã tác biện địa*”. Tu tuần thân niệm sanh khởi thiện pháp, đó là quán tưởng sắc thân như cỏ cây trong bùn; như thế quán sát các pháp vô sắc, diệu tuệ chân thật thông đạt duyên khởi, năng tùy thú nhập bốn Thánh đế trí. Ở trong tu đạo năng khởi nhằm chán họa hoạn, ly dục giải thoát, giải thoát tri kiến. Ngang đây gọi là đối với lời dạy của Đại sư dùng diệu tuệ làm các việc nên làm, các việc cần làm đều đã làm xong. Vì cơ sao? Vì tất cả tự nghĩa đều đã đến rốt ráo, từ đây về sau không lại làm nữa, chẳng phải ở nơi việc đã làm mà trở lại tu phân biệt. Nếu việc cần làm đã làm xong mà lúc khác thối thất phải làm trở lại, thì việc làm đây tuy làm mà chẳng phải rốt ráo làm, như các di

sanh dụng đạo thế gian mà được giải thoát. Trong đây hoặc ban đầu sở hữu thiện pháp hữu lậu của *Tu tri nghiệp địa*, hoặc về sau sở hữu thiện pháp vô lậu *Đã tác biện địa*, như vậy tất cả tùy chỗ thích hợp đều nhập trong bốn Thánh đế.

Lại nữa, do 4 nhân duyên nên chánh rõ biết tập đế nhiếp lấy 108 hành ái: 1. Do nội ngoại sai biệt; 2. Do sở y sai biệt; 3. Do tự tánh sai biệt; 4. Do thời phần sai biệt.

1. Do nội ngoại sai biệt: Do nội ngoại sáu xứ làm chỗ nương mà khởi các hành ái.

2. Do sở y sai biệt: Do ái nương 5 chủng ngã mạn. Những gì gọi là 5 chủng ngã mạn? Những kẻ ngã kiến chưa vĩnh viễn đoạn trừ, nên biết có ngã mạn hiện hành, tức nơi sáu xứ mà kế chấp ngã khởi mạn, cho đến chưa bị sự tổn hoại của già suy, sắc xấu, sức yếu, khổ đau, không có biện tài.. thì các hành tương tự tương tục triển chuyển. Kia hoặc có lúc không chịu sự tổn hoại của già suy, hoặc có lúc thành tựu sắc đẹp, hoặc có lúc thành tựu sức khỏe, an vui, biện tài, hoặc có lúc không như vậy. Nếu chưa già suy, khởi suy nghĩ đây: “Ta nay vẫn như xưa”. Nếu trái với đây, khởi suy nghĩ: “Ta nay biến

đổi”. Nếu kia thành tựu sắc đẹp, sức khỏe, an vui, biện tài, khởi suy nghĩ đây: “Ta nay mỹ diệu”. Nếu trái với đây, khởi suy nghĩ: “Ta không mỹ diệu”.

3. Do tự tánh sai biệt: Nương 5 chủng ngã mạn đây phát khởi hữu ái và vô hữu ái.

Lại hữu ái kia chuyển theo phẩm hạ, trung, thượng sai khác. Vô hữu ái do tư duy chọn lựa sâu mới năng khởi ái, chẳng phải do ý lạc nhậm vận chuyển mà được trụ, cho nên trong đây không kiến lập 3 phẩm sai biệt.

Hữu ái phẩm hạ: Đó là mong muốn ở đương lai “ta sẽ có”, tức ở nơi sáu xứ mong muốn “ta sẽ có”. Ở nơi cùng loài mà mong muốn “ta sẽ có”, tức mong cầu sanh hữu đồng loại. Ở nơi khác loài mà mong muốn “ta sẽ có”, tức mong cầu sanh hữu dị loại. Hoặc người có tự thể trước là khả ái, vì mong muốn tương ưng trở lại nên tạo thiện nghiệp, khởi suy nghĩ như vậy: “Ta mong sẽ có được hữu chủng loại như vậy, như những gì hiện nay đang có”. Hoặc người có tự thể trước chẳng khả ái, vì mong muốn xa lìa nên tạo thiện nghiệp, khởi tư duy đây: “Nguyện ta có được hữu chủng loại như thế, khác với những gì hiện nay đang có”.

Hữu ái phẩm trung: Đó là không sanh mong muốn đối với không có hữu, vì đối trị kia nên mong muốn “ta có được hữu”, tức là ở nơi sáu xứ mong muốn “ta có được hữu”. Như trước đã thuyết, ở nơi cùng loài mà mong muốn “ta có được hữu”, ở nơi khác loài mà mong muốn “ta có được hữu”. Tất cả như vậy nên biết đều gọi là hữu ái phẩm trung.

Hữu ái phẩm thượng: Đó là hành tướng sai biệt như vậy, khởi suy nghĩ như vậy: “Ta mong muốn quyết định có được hữu tốt đẹp để truy cầu bốn chủng tướng ái”. Nên biết đây gọi là hữu ái phẩm thượng.

Tự tánh của 5 chủng ái sai biệt đây do có sở y nội xứ riêng biệt, nên thuyết 18 chủng hành ái sai biệt. Còn ở nơi ngoại xứ nên biết cũng vậy, nhưng có sự sai biệt ở chỗ: như ở trong nội sáu xứ kia kế chấp ngã khởi mạn, cũng vậy ở nơi sắc kế chấp là ngã sở mà khởi mạn: “Ở nơi sắc đây ngã tự tại chuyển”. Như vậy cho đến đối với các pháp, kế chấp là ngã sở mà khởi mạn: “Ở nơi pháp đây ngã tự tại chuyển”. Còn lại tùy chỗ thích hợp nên biết như trước.

Như vậy 18 hành ái ở trước hợp chung với đây

thành 36 chủng hành ái sai khác.

4. Do thời phần sai biệt: Tức là 36 hành như vậy mỗi mỗi có quá khứ, vị lai, hiện tại ba đời sai khác.

Như vậy gọi là do 4 nhân duyên có sai biệt, nên hành ái hợp lại có 108 chủng.

Lại ở trong đó tướng không sai biệt, phạm các sở hữu nhiệm ô mong cầu đều gọi là ái.

Lại tức ái đây do tập đế nhiếp, gọi là nhân. Vì tánh thām nhuần, thuận dòng sanh tử mà trôi nổi lưu chuyển, gọi là lưu nhuần. Vì tánh chấp trước ở nơi các cảnh giới, gọi là trước cảnh. Vì năng cùng sanh rồi nương năm thủ uẩn, chỗ có các khổ như ung, bệnh... làm nhân duyên, gọi là ung căn. Vì khó chế phục, gọi là chảy tràn. Vì ma phược trói buộc vi tế hiện hành, gọi là dây đeo bám; vì trên cho đến Hữu đẳng, gọi là cành nhánh. Vì khiến không đầy đủ, gọi là khô kiệt.

Lại tức chỗ nói chúng sanh ái triển lẫn nhau như vậy, gọi là ngại. Do tùy miên gọi là che giấu. Tức do triển cùng tùy miên như vậy tập thành phẩm thượng, gọi là cao vút; tập thành phẩm trung và phẩm hạ, gọi là phát khởi. Nếu ái ở Dục giới,

ở nơi cảnh sở tri khiến tâm mê hoặc, gọi là tối tăm. Nếu ái ở Sắc giới, ở nơi cảnh sở tri khiến mê hoặc, gọi là hôn muội. Nếu ái ở Vô sắc giới, ở nơi cảnh sở tri khiến mê hoặc, gọi là màn tối. Như có ba người, người thứ nhất mù lòa, người thứ hai bị mất, người thứ ba mắt có màn tối che phủ trước mắt. Trong đây người thứ nhất hoàn toàn không thấy. Người thứ hai thấy chút phần giống như có sự thấy. Người thứ ba mắt thấy nhưng không tịnh, không thấy sắc chân thật. Ba ái như vậy, tùy theo thứ lớp tối tăm, hôn muội và màn tối nên biết cũng vậy.

Lại nữa, do 5 chủng tướng chuyển pháp luân nên biết gọi là khéo chuyển pháp luân: 1. Thế Tôn khi làm Bồ-tát, sở duyên cảnh giới vì đặc điều phải đặc; 2. Phương tiện vì đặc điều phải đặc; 3. Tự mình chứng đặc điều phải đặc; 4. Chứng đặc rồi truyền người nối tiếp, khiến ở nơi điều mình chứng sanh tin hiểu sâu; 5. Khiến người đối với sở chứng của người khác sanh tin hiểu sâu.

- Sở duyên cảnh giới: là bốn Thánh đế, an lập thể tướng của bốn Thánh đế đây nên kiết như trước, hoặc lược hoặc rộng như trong *Thanh văn địa* đã thuyết.

- Phương tiện: tức ở trong bốn Thánh đế đây chánh chuyển ba vòng, mười hai tướng trí.

Chuyển thứ nhất: Khi xưa Bồ-tát nhập hiện quán, như thật rõ biết là Khổ thánh đế, nói rộng cho đến là Đạo thánh đế. Ở trong sở hữu thánh trí hiện lượng, năng đoạn phiền não kiến đạo sở đoạn. Bấy giờ gọi là phát sanh Thánh tuệ nhãn. Tức đây do nương đời quá khứ, vị lai, hiện tại mà có sai biệt. Như thứ lớp đây gọi là trí minh giác.

Chuyển thứ hai: Ở bậc hữu học, dùng diệu tuệ đây như thật thông đạt: “Về sau ta vẫn còn việc phải làm, phải nên biết khắp khổ đế chưa biết, phải nên đoạn hẳn tập đế chưa đoạn, phải nên tác chúng diệt đế chưa chúng, phải nên tu tập đạo đế chưa tu”. Như vậy cũng có bốn chủng hành tướng nên biết như trước.

Chuyển thứ ba: Ở bậc vô học đã đắc tận trí, vô sanh trí, nên nói: “Việc cần làm ta đã làm xong”. Như vậy cũng có bốn chủng hành tướng nên biết như trước. Đây có sự sai biệt: tức là bốn chủng hành tướng ở hai chuyển trước là chân Thánh tuệ nhãn hữu học, một chuyển rốt sau là chân Thánh tuệ nhãn vô học.

- Đắc điều phải đắc: là đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

- Trồng người nối tiếp khiến ở nơi điều mình chứng sanh tin hiểu sâu: Đó là trưởng lão A Nhã Kiều Trần Như nghe chánh pháp từ Thế Tôn rồi, ban đầu giải ngộ pháp bốn Thánh đế, nói rằng: “Pháp ta đã hiểu”. Từ đây về sau rốt ráo năm hành tướng như trước đã thuyết, chứng đắc quả A-la-hán, sanh nơi giải thoát.

- Sau cùng khiến người đối với sở chứng của người khác sanh tin hiểu: Như trưởng lão A Nhã Kiều Trần Như khởi tâm thế gian “Pháp ta đã hiểu”. Như Lai khởi tâm thế gian “A Nhã Kiều Trần Như đã hiểu pháp Ta”. Địa thần biết rồi truyền âm thanh thông báo, trải qua sát-na, hơi thở, nháy mắt, âm thanh triển chuyển cho đến Phạm thế. Nên biết Thế Tôn truyền lại pháp đã giác ngộ cho A Nhã Kiều Trần Như. A Nhã Kiều Trần Như lại tùy chuyển truyền lại thân khác. Thân khác đây lại tùy chuyển truyền lại thân khác... Lấy nghĩa triển chuyển tùy chuyển đây gọi là luân. Do huân tập các pháp như chánh kiến... mà thành tánh, gọi là pháp luân. Như Lai Ứng Cúng là tăng

ngữ Phạm. Vì kia triển chuyển nên cũng gọi là Phạm luân.

Lại, ở nơi bốn Thánh đế chưa nhập hiện quán mà năng nhập hiện quán, nên biết lược có 4 chủng Du-già. Đó là: chúng được pháp tịnh tín tăng thượng chưa đạt được; vì đây nên phát sanh “dục” mãnh liệt; vì dục mãnh liệt tăng thượng, nên tinh tấn mạnh mẽ; vì tinh tấn mạnh mẽ, nên có phương tiện khéo.

Tịnh tín: là chân chánh tin hiểu. Dục: là muốn đạt được. Tinh tấn, như trước lược có 5 chủng: có thế lực, có siêng năng, có dũng mãnh, có kiên cố và không xả ách. Phương tiện khéo: là tu tập không phóng dật. Tướng không quên mất gọi là niệm. Ở nơi quá hoạn của các sự phóng dật, trí phân biệt rõ ràng gọi là chánh biết. Nên biết nhiếp vào hai điều đây gọi là không phóng dật: 1. Ở nơi các pháp nhiệm, phòng hộ giữ gìn tâm; 2. Thường năng tu tập các thiện pháp.

Lại, Khổ đế như bệnh tật, Tập đế như nguyên nhân khởi bệnh, Diệt đế như bệnh sanh rồi được lành, Đạo đế như bệnh đã được lành, khiến sau chẳng sanh. Các kẻ có bệnh đến chỗ lương y, chỉ

nên tìm hiểu cầu lễ chánh pháp như vậy. Các vị lương y cũng chỉ nên trao lễ chánh pháp như vậy. Cho nên lại không có thêm thánh đế thứ năm. Chư Phật Như Lai là bậc lương y không gì sánh được, nhổ mũi tên ái sâu độc, cũng chỉ tuyên thuyết lễ chánh pháp như vậy.

Lại nữa, các Sa-môn, Bà-la-môn trái trí thánh đế, không thành tựu hiện quán, nên biết lược có 10 tướng quá hoạn. Đó là các Sa-môn thắng nghĩa ý không chấp nhận những kẻ kia là Sa-môn, những kẻ kia cũng không thuộc trong số Sa-môn. Bởi những kẻ kia ở nơi các khổ hậu hữu như sanh... đều chưa giải thoát, nơi các đường ác cũng chưa giải thoát. Đối với các học xứ chân chánh, năng xả bỏ. Đối với các thắng pháp xuất thế gian vượt quá pháp người, đó là hướng đến cõi thiện, hướng đến Thánh đạo, đạo quả Niết-bàn, chẳng thể kham năng chứng đắc. Đối với các phước điền bên ngoài khác, trừ bậc học, vô học, thì kham năng tìm tòi nghiên cứu. Đối với việc siêu vượt khổ khổ, chứng quả Bất hoàn, càng không thể kham năng. Cũng không thể kham ở trong hiện pháp rốt ráo giác ngộ, giải thoát tất cả khổ y còn sót thừa. Trái tướng đây

nên biết tức là có các Sa-môn, Bà-la-môn không trái đế trí, thành tựu hiện quán, nên có được 10 tướng công đức.

Lại nữa, người hướng đến đế trí, vui chánh giác, phải nên rõ biết nương bốn Thánh đế lấy làm lực tăng thượng duyên, có được chỗ nương tựa, chứng đắc, đạt được phương tiện.

Nên biết trong đây tịnh tín xuất gia trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, gọi là có được chỗ nương tựa.

Nếu bốn quả Sa-môn nhiếp thọ Thanh văn Bồ-đề, hoặc các Độc giác sở hữu Bồ-đề, hoặc chư Như Lai Vô thượng Bồ-đề, ba chủng như vậy, nên biết gọi là chứng đắc.

Như trước đã thuyết chánh chuyển ba luân, tùy theo thứ lớp trí kiến hiện quán, gọi là đạt được phương tiện. Nên biết vào lúc nhập hiện quán đế, như thật rõ biết là Khổ thánh đế, nói rộng cho đến là Đạo thánh đế, gọi là vị *trí*. Từ đây về sau, ở trong các đế lại còn việc phải nên biết khắp, cho đến phải nên tu tập. Do quán đây gọi là vị *kiến*. Ở vô học địa, như thật hiểu rõ “Ta đã biết khắp, ta đã đoạn hẳn, ta đã tác chứng, ta đã tu tập”, gọi là

vị *hiện quán*.

Lại có cách nói khác: Các vô học tận vô sanh trí nhiếp lấy tất cả cực giải thoát trí, gọi là vị *trí*. Tức vô học cực giải thoát trí đây dẫn dắt chánh kiến, gọi là vị *kiến*. Từ quả Dự lưu cho đến rốt ráo, nên biết chỗ có tất cả tuệ học, gọi là vị *hiện quán*.

Lại nữa, nên biết đế trí đây lược có 6 chủng tác nghiệp và tướng. Đó là đế trí đây năng vĩnh viễn diệt các nhóm khổ là hành dẫn đầu, như mặt trời sắp mọc có tướng ánh sáng xuất hiện trước tiên. Chánh tận khổ, tức là kiến đế đầu tiên đoạn các thứ khổ. Tác biên khổ, tức là A-la-hán đoạn các thứ khổ.

Lại đế trí đây năng đối trị vô minh tối tăm rộng lớn, như ánh sáng mặt trời năng phá tối tăm lớn của thế gian.

Lại như có người đã chứng đế trí, vĩnh viễn đoạn ba kiết. Từ đây không gián đoạn, do lạc mất chánh niệm nên tạm bị nhiễm ô bởi dục tham, sân khuể. Vị kia lúc bấy giờ nương không phóng dật nhập Sơ tĩnh lự, chạm đến đế trí đặc quả Bất hoàn, dần dần thứ lớp nhập cho đến Phi tướng phi phi tướng định. Nhưng so với các ngoại đạo phạm

phu khác, vị đây có sự khác biệt, vì đã chứng đắc pháp bất thối vậy. Như vậy để trí thật có dụng rộng lớn, thật có quả rộng lớn.

Trong đây, chỗ có các hành quá khứ gọi là đã sanh, các hành hiện tại gọi là đang sanh, các hành vị lai gọi là sẽ sanh, tất cả gọi chung là tập pháp. Tức tất cả đây do vô thường diệt, hoặc có đã diệt, hoặc có đang hướng đến diệt, hoặc có sẽ diệt, gọi chung là diệt pháp.

Lại người đã chứng đắc để trí, như nhà lớn làm bằng đá đã khéo trang hoàng, gió tám phương chẳng thể khuynh động, tất cả dị luận chẳng khiến lay chuyển. Sở hữu giải ngộ không mượn duyên người, không nhìn mặt người: “Ta thử lắng nghe kia sắp thuyết gì”; không quán miệng người, người vừa mới mở lời đã khởi ý: “Chỉ có ta lắng nghe tư duy thọ lượng quán sát thâm sâu. Các Sa-môn, Bà-la-môn khác nên biết tức là các bọn ngoại đạo”.

Lại dần dần thứ lớp tập thành tất cả trí bốn Thánh đế, gọi là hiện quán đế, chẳng được tùy khuyết một. Hiện quán đế đây giống như bữa ăn thịnh soạn, các Thánh đệ tử tuệ mạng vô thượng đều nương đây sanh tồn, như kẻ thọ dục được ăn

thức ăn thịnh soạn. Khổ đế trí khuyết, còn lại ba trí, nên biết giống như cây ta-la có cành lá sum suê chỉ còn lại trơ cành. Thứ lớp tu tập thành tựu bốn Thánh đế trí khiến tất cả dây đều viên mãn.

Lại các đế trí vì cùng hỷ lạc đồng hành giác ngộ chân nghĩa, vì năng khiến thân tâm cực khinh an, gọi là hiện quán đế. Sanh trong địa ngục lược có 2 khổ: khổ thiêu đốt và khổ trị phạt. Do khuyết đế trí nên ở nơi ấy phải thu nhận hai khổ, phát sanh vô lượng đại khổ mãnh liệt, chỉ nương Thánh đế trí mới năng vượt qua. Đế trí như vậy, giả sử nhân đây bị khổ lớn mạnh mẽ thiêu đốt trị phạt, cho đến ở trong hiện pháp một thân hoại diệt mà năng đạt được, hãy còn sanh nháy nhót vui mừng nhân thọ; nhân đến cả trăm thân hoại diệt còn sanh hoan hỷ, hưởng chi có một.

Lại nữa, nếu có người tu hiện quán thánh đế, nên biết lược có 4 chủng chướng ngại. Những gì là bốn? 1. Bất tín; 2. Thượng mạn; 3. Đợi thời; 4. Phóng dật.

1. Bất tín có 3 chủng: 1. Ở nơi hiện quán đế, không sanh tin hiểu chắc; 2. Đối với bậc Tăng

thiện hạnh, không sanh tin hiểu sâu chắc; 3. Đối với Phật Bồ-đề, không sanh tin hiểu sâu chắc.

Vì muốn đoạn trừ bất tín ban đầu, nên Thế Tôn tự dẫn hiện lượng, chỗ chứng đắc hiện quán thánh đế, bảo các đệ tử: “Ta ở nơi lý bốn Thánh đế đã đắc hiện quán, chứng giác Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề”.

Vì muốn đoạn trừ bất tín thứ hai, nên lại thuyết rằng: “Ta xưa cùng các ông lâu đời lưu chuyển là do chưa chánh tư duy giác ngộ ở nơi chân đế. Ta nay cùng các ông do thông đạt chánh kiến, lấy thông đạt làm nhân, tận dứt sanh tử lưu chuyển. Vì nhân duyên kia đã tận, nên nay tự mình không có hậu hữu, chỉ còn lại thân cuối cùng trụ giữ khiến không diệt”.

Bất tín thứ ba đối với Phật Bồ-đề có tương chuyển như vậy: “Nếu Sa-môn Kiều-Đáp-Ma là bậc Nhất Thiết Trí, cơ sao có người hỏi thì một loại lại năng ký, một loại lại chẳng ký?”. Vì muốn đoạn trừ bất tín như vậy nên thuyết rằng: “Pháp mà Ta đã giác vô lượng vô biên, ví như các thứ cỏ cây lá nơi đại địa, chỉ vì người thuyết ít phần, không nói đầy đủ. Ví như nắm lá trong tay, phần nhiều lá năng

dẫn nghĩa không lợi, phần ít lá năng đến nghĩa lợi. Nên biết trong đây chẳng phải vì không biết mà không ký biệt, chỉ vì dẫn nghĩa không lợi nên Ta không ký biệt”.

2. Thượng mạn: Tức là ở trong hiện quán để kia khởi tăng thượng mạn. Vì muốn đoạn trừ thượng mạn như vậy, nên lại thuyết rằng: “Như người ở xa dùng tên bắn, tên bay cực nhanh không thấy dấu vết, điều này đã rất hy hữu. Hoặc lại lấy sợi lông chia làm trăm phần, dựng đứng sợi lông không cho rớt xuống. Phân chia sợi lông thành cực nhỏ, việc đây rất khó, hà huống thông đạt Thánh đế rồi triển chuyển, việc đây càng khó hơn. Vì có sao? Do lấy tác ý ấy trở lại thông đạt năng thủ tác ý, như vậy mới có năng duyên, sở duyên bình đẳng, vô lậu trí sanh thông đạt lý đế. Cho nên việc đây rất vi tế, rất khó. Quy luật bắn tên, chẻ lông thẳng thì không như vậy”.

3. Đợi thời: Tức là đối với những điều cần thực hành, lại trì hoãn chờ thời sau. Vì muốn đoạn trừ đợi thời như vậy, nên Thế Tôn thuyết: “Thân

người rất khó được”; lại dẫn rùa mù làm dụ cho sự việc đây.

4. Phóng dật: Nếu nói lược, hoặc là tà tư duy, hoặc là tà tâm tư, hoặc là tà hý luận, gọi là phóng dật.

- Tà tư duy: Nếu những điều không nên tư duy mà tư duy mãi lợi, gọi là tà tư duy. Như tư duy “Ta ở đời quá khứ là từng có chăng?”, nói rộng cho đến ở đời vị lai. Bên trong do dự: “Ta là ai? Cái gì là ta? Hữu tình nay có từ đâu mà đến, ở đây chết rồi sẽ đi về đâu?”. Hoặc tư duy “Thế gian là thường”, cho đến nói rộng; như vậy hoặc nói “Thế gian có biên”, cho đến nói rộng. Hoặc tư duy “Hữu tình cho rằng mạng tức thân”, cho đến nói rộng. Hoặc tư duy “Hữu tình nghiệp quả dị thực”, tức là hư vọng tư duy tác đây, thọ đây, cho đến nói rộng. Hoặc lại tư duy người tu tĩnh lự, cảnh giới tĩnh lự. Hoặc tư duy chư Phật, cảnh giới chư Phật, Như Lai diệt rồi về sau hoặc có hoặc không, cho đến nói rộng.

Những kẻ kia do thắng nghĩa và thế tục thiện xảo, ở nơi tất cả đây có hai nhân duyên không nên tư duy: 1. Cảnh sở duyên không thể tư duy; 2. Do sự

việc đây không chỗ có. Hoặc có người suy nghĩ tìm cầu sự cảnh chẳng thể tư duy, hoặc có người suy nghĩ tìm cầu các sự không chỗ có, tất cả như vậy đều không chỗ được, chỉ khiến tâm chuyển thêm mê loạn. Nếu trong số những kẻ không như chánh lý tư duy mãnh lợi, có một loại do lực nhân đời trước hoặc khởi chán là, hoặc duyên cảnh giới thật khởi tác ý tương ưng chán là, tuy tạm thời hiện hành mà đối với việc kia lại thấy là quá hoạn, sanh tưởng chẳng thật, tư duy như vậy: “Pháp thế gian... năng dẫn vô nghĩa”.

- Tà tâm tư: tức là tâm tư dục...

- Tà hý luận: có 6 chủng. Đó là hý luận điên đảo, hý luận hư huyền, hý luận cạnh tranh, hý luận đối với người phân biệt hơn kém, hý luận phân biệt công xảo dưỡng mạng, hý luận đắm nhiễm tài sản vật thực thế gian. Như vậy tất cả gọi chung là phóng dật.

Vì muốn đoạn trừ phóng dật đây, nên Như Lai tự mình thân cận dạy răn. Bồ-đặc-già-la lắng nghe, kham thọ sự giáo hóa dạy răn rồi, nhanh chóng năng đoạn trừ các phóng dật. Thế Tôn, đệ tử vì đoạn trừ 4 chủng chướng ngại hiện quán tánh đế

như vậy, nên có ba hành tướng nhậm vận giữ gìn thánh đế. Những gì là ba? 1. Do tuệ văn nên nhậm vận giữ gìn văn câu đây; 2. Do tuệ tư nên nhậm vận giữ gìn nghĩa đây; 3. Do tuệ tu nên nhậm vận giữ gìn chúng đây.

Trong đây, tuệ văn nên nhậm vận giữ gìn văn câu đây, tức như điều đã nghe đây năng chánh nhậm trì là Khổ thánh đế... cho đến nói rộng.

Lại do tuệ tư nên nhậm vận giữ gìn nghĩa đây, tức là các bậc Thánh biết đây chính là đế, nên gọi là Thánh đế. Nên biết trong đây do 2 duyên được gọi là đế: 1. Pháp tánh, do nghĩa chân thật nên gọi là đế; 2. Thắng giải, do ở trong nghĩa chân thật khởi tin chắc không nghi hoặc nên gọi là đế. Tất cả ngu phu chỉ do pháp tánh mà được gọi là đế, chẳng phải do thắng giải. Nếu các thánh giả thì đủ hai chủng nên được gọi là đế, khéo thuyết tất cả đây nên gọi là thánh đế.

Lại do tuệ tu, ở trong các đế thu được nội chứng hiện lượng đế trí, cũng đắc chứng tịnh. Do nhân duyên đây ở nơi các thật đế xa lìa nghi hoặc; đế trí và chứng tịnh xoay vần nương nhau, nếu xứ đây có một loại thì tất có loại thứ hai.

Lại nữa, có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn ở nơi thánh đế trí chưa tương ưng, ở nơi các thánh đế chưa thành tựu hiện quán, nên biết lược có 4 chủng quá hoạn. Những gì là bốn? Hoặc trong gốc hành sanh năng đi vào đường ác thấp kém mà khởi sâu vui thích tạo tác, tăng trưởng nghiệp tương ưng kia. Do đây diên đảo đọa sanh trong hầm ác thú.

Lại trong gốc hành sanh hai cõi trời người Dục triển nhiều các phiền não thường thiêu đốt mà khởi sâu vui thích, tạo tác tăng trưởng nghiệp tiếp nối. Do nhân duyên đây đã sanh kia rồi, thường bị nhiệt não lớn thiêu đốt.

Lại trong gốc hành sanh hai cõi thượng Sắc, Vô sắc triển đây, những sự việc tương ưng như trước đã nói, chỗ có vô minh hôn muội và các màn che, nói rộng cho đến đọa sanh nơi tối tăm. Lại do thối thất thọ dụng cảnh giới đạo Niết-bàn, nên trong khoảng trung gian như sanh trong ba thế giới trung gian, đọa ở ba chủng vọng kiến hắc ám: 1. Thường kiến; 2. Đoạn kiến; 3. Hiện pháp Niết-bàn kiến. Do nhân duyên đây đọa trong ba cõi giới sanh xứ tối tăm. Vì nhiếp thọ tự vọng kiến, vì tà vô minh tối tăm chướng ngại như thế, khiến chẳng

như thật quán 5 chi nhiếp thọ đoạn như trước. Do nhân duyên đây nên biết như thật hiển thị các đế.

Lại nữa, có một loại người ở nơi các thánh đế không được thiện xảo, tạo tác tăng trưởng nghiệp hắc dị thực hắc rồi, năng cảm địa ngục, bàng sanh, quỷ thú. Do nghiệp đây nên giống như ném gậy, gốc rơi vào địa ngục, giữa rơi vào thú bàng sanh, đầu ngọn rơi vào cõi ngạ quỷ.

Như vậy có một loại tạo tác tăng trưởng nghiệp hắc bạch dị thực hắc bạch rồi, do tạp nghiệp đây thí như ném gậy hoặc rơi vào đường ác chốn không thanh tịnh, hoặc rơi vào đường thiện chốn ít thanh tịnh.

Như vậy có một loại tạo tác tăng trưởng nghiệp bạch dị thực bạch rồi, sanh trong năm đường sanh tử, các nghiệp đuổi theo, thọ tận nghiệp tận, tức từ Sắc giới, Vô sắc giới chết rồi, thối đọa trở lại. Năm đường sanh tử như năm bánh xe xoay chuyển không dừng. Nếu có kẻ vì người thuyết đạo thế gian, cho dù có thể tiến đến Hữu đảnh, nên biết thuyết đây chẳng phải giáo đệ nhất nghĩa khiến thắng tiến. Vì cố sao? Vì thắng tiến như vậy không phải rất ráo thắng tiến. Nếu chư Như Lai thuyết

ngôn giáo tương ứng thánh đế, nên biết giáo đây là đệ nhất nghĩa khiến thăng tiến. Vì cơ sao? Vì thăng tiến như vậy là rốt ráo. Lại, nếu do đắc các thế tục trí cho đến Hữu danh, mà gọi là người thông tuệ, thì chẳng phải đệ nhất nghĩa danh thông tuệ, lý do như trước đã thuyết. Nếu do đắc đế trí gọi là người thông tuệ, thì danh thông tuệ đây là đệ nhất nghĩa, lý do như trước đã thuyết.

Lại nữa, ở trong bốn chủng thánh đế trí đây, thánh đế trí đầu năng nhập thánh đế, kế đến hiện quán, ví như đủ nền móng, đế trí thứ hai như vách tường, đế trí thứ ba giống như bậc thêm dưới, đế trí thứ tư giống như thượng bảo đài. Lại tức bốn Thánh đế trí như vậy như bốn bậc thêm, năng khiến tiến lên diện Đại Trí Tuệ. Lại tức bốn Thánh đế trí như vậy như bốn bậc thang, năng làm thêm bậc khiến bước lên giải thoát tịch diệt.

Nên biết trong đây có ba chủng ái, ví như ba cây thương, các ác ma cầm nắm khuấy phá trong biển lớn sanh tử, khiến các loại hữu tình thọ sanh theo đó luân chuyển xoay vần. Tuy có ba cây thương ái của ma như vậy, nhưng chẳng thể khiến ba loại hữu tình sau bị luân chuyển xoay vần: 1. Hữu tình

dũng mãnh tinh nhuệ, tức là bậc Dự lưu; 2. Hữu tình trung xứ, tức bậc hữu học khác; 3. Hữu tình hành đạo ngược dòng viên mãn.

Bổ-đặc-già-la đã kiến thánh đế, tùy theo chỗ muốn đều năng tạo tác, vĩnh viễn đoạn trừ mạn tạo tác khổ và mạn kết thành khổ. Do nhân duyên đây các khổ nhiều phần đã đoạn, còn lại ít phần, đó là các bậc hữu học và A-la-hán. Như mạn tạo tác, kết thành các khổ, thì các ái thân ngũ ý nghiệp, tham sân si... phát sanh các khổ, nên biết tất cả đều nhiều phần đã đoạn, còn lại ít phần. Ví như đá vụn và núi lớn Tuyết sơn, như vậy các mạn tạo tác, kết thành các khổ, hoặc đoạn hoặc còn, nên biết cũng thế. Như ao lớn đầy tràn nước, bên trong rỉ lậu hai ba giọt nước, nước trong ao lớn còn rất nhiều, thì Vô sắc ái phát sanh các khổ, hoặc đoạn hoặc còn, nên biết cũng vậy. Như hồ lớn, còn lại như trước thuyết, thì Sắc giới ái phát sanh khổ, hoặc đoạn hoặc còn, nên biết cũng vậy. Như biển lớn, còn lại như trước thuyết, thì Dục giới ái phát sanh khổ, hoặc đoạn hoặc còn, nên biết cũng vậy. Như núi lớn Tuyết sơn, hoặc các núi vàng, hoặc núi Tô-mê-lô và đại địa có sáu chủng đá vụn, còn lại như

trước thuyết, thì thân ngũ ý nghiệp, tham sân si... phát sanh các khổ, hoặc đoạn hoặc còn, nên biết cũng vậy. Như vậy các khổ nhiều phần đã xa lìa, còn lại ít phần. Nên biết như thật hiện quán thánh đế có nghĩa lợi lớn, đó là các bậc hữu học chỉ còn khổ do nhiều nhất bảy lần sanh trong người trời; khổ sanh trong các đường ác đều đã vượt qua. Nếu các bậc vô học ở hiện pháp chỉ có khổ do thân sở y còn lại, tất cả khổ khác đều đã vượt qua.

Lại nữa, nếu trụ thân người nhập hiện quán đế, nên biết thân đây thật rất khó được.

Lại thánh minh nhãn của bậc hữu học kiến đế chuyển rất khó được.

Lại văn tư tu thành tựu diệu tuệ cũng rất khó được. Do tuệ đây ở trong pháp thiện Tỳ-nại-da như thứ lớp tức giải liễu, thắng liễu và quyết liễu. Ở thời giải liễu, năng phân biệt sâu. Ở thời thắng liễu, năng sanh thắng giải. Ở thời quyết liễu, năng chứng nhập pháp.

Lại sở hữu tư lương thiện pháp hữu lậu do hiện quán đế cũng rất khó được, các thiện nghiệp đạo như biết ân dưỡng cha mẹ... có an ổn viên mãn cũng rất khó được.

Lại có người thế gian sở hữu mười chủng chánh pháp, đầu tiên là “chánh kiến” cho đến “giải thoát trí” là biên sau, cũng rất khó được.

Các pháp như trên đã thuyết tức là hữu học, tức là vô học. Nên biết trong đây bồ-đặc-già-la sĩ phu khéo biết ân dưỡng, tức tự mình như thật biết rõ: “Tất cả cha mẹ đều phải hiếu dưỡng”. Biết như vậy rồi siêng tu gia hạnh. Đây gọi là khéo biết ân dưỡng cha mẹ.

Lại bồ-đặc-già-la sĩ phu vui làm lợi ích, đối với tất cả Sa-môn, Bà-la-môn có đức, như thật biết rõ là phước điền, nên tùy theo khả năng mà siêng tu cúng dường. Như vậy là khéo biết Sa-môn, Bà-la-môn.

Lại, bồ-đặc-già-la sĩ phu không tham lam lười biếng, đối với vợ con tôi tớ... tất cả thân thuộc như thật biết rõ: “Kia lấy ta làm nhà, làm chỗ nương về. Nếu ta vui họ cũng vui theo, nếu ta khổ họ cũng khổ theo”. Biết như vậy rồi, mọi thời dùng uống ăn, y phục cấp dưỡng, lại lấy thuốc trị bệnh nhiếp thọ. Đối với việc làm có nghĩa lợi, thì tự khích lệ khiến họ làm, không ở nơi tất cả việc kia mong cầu họ nhớ nghĩ. Tánh vui phân chia bình đẳng, cũng

chẳng dâm dật, tổn phí tài bảo. Không ở nơi phi xứ mà khởi nghĩ cho là Tỳ-nại-da, cũng không ở những việc phi lý mà nổi giận. Đối với các bậc tôn trưởng và những bậc đáng tôn trọng khác, chân chánh tùy thuận chuyển theo. Như vậy gọi là khéo ngư gia trưởng.

Lại khéo năng tạo tác nghĩa lợi mình người, thí làm các việc đều thuận chánh pháp, không dùng phi pháp. Ở trong hiện pháp, thấy sâu lỗi lầm với các ác hạnh người làm, như hoặc giết hại, hoặc trói buộc, hoặc trị phạt, hoặc đuổi bỏ. Nếu bị chê trách, đã chân chánh suy nghĩ cân nhắc rồi, trọn không hiện hành. Như vậy gọi là ở nơi các tội hiện đời thấy sâu hãi sợ.

Lại chánh quán thấy gây tạo ác hạnh rồi, đời sau cảm khổ đi vào đường ác và khổ khác như thiếu thốn... Đã chánh tư duy rồi, trọn không hiện hành. Như vậy gọi là ở nơi các tội đời khác thấy sâu hãi sợ.

Lại mọi lúc năng chánh thọ học sự nghiệp phước thí, tạo làm chủng chủng phước hạnh sai biệt, như khán bệnh, hộ trì Phật Pháp Tăng. Hết thấy loại như vậy gọi là tạo làm phước hạnh. Trong một ngày đêm cho đến thọ mạng tận, năng chánh

thọ học giới luật. Như vậy ngang đây gọi chung là huệ thí, hành phước, thọ học giới. Trong mười nghiệp đạo, chỉ tuyên nói hai, ba chủng sai biệt, cho đến chân chánh nhiều tu tập sở hữu tác ý do tuệ văn-tư dẫn dắt tương ưng với những điều kia.

Lại, các hữu tình nếu sanh các đường ác khó thể giải thoát, nếu sanh các đường thiện nhanh chóng xa lìa. Nên biết đây gọi là có an ổn viên mãn rất khó được.

Lại người kiến đế thì chánh kiến sanh khởi không có khác biệt, ở đời quá khứ gọi là đã sanh khởi, ở đời hiện tại gọi là nay sanh khởi, ở đời vị lai gọi là sẽ sanh khởi.

Như vậy đã thuyết hoặc tập, hoặc tu, hoặc nhiều tu tập, phải nên biết rõ nghĩa trên. Nếu là chánh kiến thế gian, phải nên tùy phòng hộ. Nếu là chánh kiến hữu học, bao gồm quả đoạn, phải nên tùy xúc chứng. Nếu là chánh kiến vô học, bao gồm quả tự lìa hệ buộc, phải nên tùy tác chứng. Như thuyết *chánh kiến*, thì cho đến *giải thoát trí* nên biết cũng vậy.